

33. PHẨM NĂM VUA

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, vua năm nước lớn, đứng đầu là Ba-tư-nặc, nhóm họp ở trong lạc viên, bàn luận với nhau những điều sau đây.

Năm vua gồm những ai? Vua Ba-tư-nặc,² vua Tỳ-sa,³ vua Ưu-điền,⁴ vua Ác Sanh⁵, và vua Ưu-đà-diên.⁶

Khi ấy, năm vua nhóm họp lại một chỗ bàn luận những điều này:

“Chư Hiền nên biết, Như Lai nói về năm dục⁷ này. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt khả ái, khả niệm, được người đời mong muốn. Tiếng được nghe bởi

¹ S 3. 2.2. Pañcarājasutta (R. i. 79).

² Ba-tư-nặc, Pāli: Pasenadi 波斯匿, vua nước Kosala (Câu-tát-la).

³ Tỳ-sa 毘沙, chưa rõ; có lẽ là Bình-sa (Pāli: Bimbisāra). Xem kinh 3, phẩm 6.

⁴ Ưu-điền 優填. Pāli: Udena, vua nước Kosambī, Kiều-thường-di.

⁵ Ác Sanh 惡生; có lẽ Pāli Caṇḍappajjota (nhưng Hán dịch đọc là Caṇḍappajāta), vua nước Ujjenī (Ưu-thiên). Nhưng xem kinh 5, phẩm 36, cht. 10, 17.

⁶ Ưu-đà-diên và Ưu-điền thường là phiên âm từ cùng một từ (Skt. Udayana; Pāli: Udena). Ở đây không rõ hai nhân vật khác nhau là ai. Tham chiếu kinh *Ngũ vương* (T14 No 523), trong đó nói vua lớn nhất là Phổ An 普安; bốn vua nhỏ không nêu tên.

⁷ Ngũ dục 五欲, nói đủ là ngũ dục công đức, năm tố chất của dục. Pāli: *Pañca-kāmaḡa*.

tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn lắng được xúc chạm bởi thân. Như Lai nói về năm dục này. Trong năm dục này, cái nào tối diệu? Sắc được thấy bởi mắt chẳng? Tiếng được nghe bởi tai là tối diệu chẳng? Hương được ngửi bởi mũi là tối diệu chẳng? Vị được nếm bởi lưỡi là tối diệu chẳng? Mịn lắng được xúc chạm bởi thân là tối diệu chẳng? Năm sự này, cái nào là tối diệu? Trong đó, hoặc có quốc vương nói sắc là tối diệu. Hoặc có vị bàn thanh là tối diệu. Hoặc có vị bàn hương là tối diệu. Hoặc có vị bàn vị là tối diệu. Hoặc có vị bàn mịn trơn là tối diệu.

“Lúc [682a01] ấy, nói sắc tối diệu là thuyết của vua Ưu-đà-diên. Nói thanh tối diệu là luận của vua Ưu-điền. Nói hương tối diệu là luận của vua Ác Sanh. Nói vị tối diệu là luận của vua Ba-tư-nặc. Nói mịn trơn tối diệu là luận của vua Tỳ-sa. Bấy giờ, năm vua nói nhau:

“Chúng ta cùng bàn luận về năm dục này, nhưng lại không biết cái nào là tối diệu.”

Vua Ba-tư-nặc bèn nói với bốn vị vua kia:

“Phật đang ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Chúng ta cùng đến hết chỗ Thế Tôn hỏi nghĩa này. Nếu Thế Tôn có điều chi dạy bảo, chúng ta sẽ cùng phụng hành.”

Các vua, sau khi nghe vua Ba-tư-nặc nói vậy, liền cùng dẫn nhau đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đem những điều cùng bàn về năm dục đầy đủ bạch lên Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo năm vị vua:

“Những gì các vua bàn, đúng tùy theo trường hợp. Vì sao vậy? Vì tùy vào tánh hạnh mỗi người. Người đắm nhiễm

sắc, nhìn sắc không biết chán. Với người này sắc là tối thượng, không gì vượt qua. Bây giờ, người đó không đắm nhiễm thanh, hương, vị, mịn trơn. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm âm thanh, khi nghe thanh, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, thanh là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm hương, khi ngửi hương, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, hương là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, hương là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm vị ngon, khi biết vị rồi, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, vị là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, vị là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm mịn trơn, khi được mịn trơn rồi lòng rất là hoan hỷ, mà không chán. Với người này, mịn trơn là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, mịn trơn là tối diệu.

“Nếu tâm người kia đắm nhiễm sắc, khi ấy người đó sẽ không đắm nhiễm pháp thanh, hương, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm thanh, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, hương, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm hương, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm vị, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, và mịn trơn.

[682b01] “Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm mịn

tron, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, vị.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Khi ý dục bùng cháy,
Cái được muốn phải được.
Được rồi càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được dục này,
Ý tham dục không dứt,
Do đây mà hoan hỷ,
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi muốn nghe tiếng,
Cái được muốn phải được.
Nghe xong càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được tiếng này,
Tham đó ý không dứt,
Do đây mà hoan hỷ;
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi lại ngửi hương
Cái được muốn phải được.
Ngửi xong càng hoan hỷ,
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được hương này,
Tham đó ý không dứt.
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi lại được vị
Cái được muốn phải được.
Được rồi thêm hoan hỷ
Sở dục không có nghi.*

*Kia đã được vị này,
Tham đồ ý không dứt.
Do đây mà hoan hỷ,
Duyên đồ cho tối diệu.*

*Nếu khi được một lạng
Cái được muốn phải được.
Được rồi thêm hoan hỷ,
Sở dục không nghi nan.
Kia đã được mìn tron,
Tham đồ ý không dứt.
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đồ cho tối diệu.*

“Cho nên, này Đại vương, nếu nói sắc là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao vậy? Vì nơi sắc có vị ngọt. Nếu sắc không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, sắc là tối diệu. Nhưng sắc cũng có tai hại. Nếu sắc không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng sắc có xuất yếu. Nếu sắc không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. [682c01] Trong năm dục, sắc là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói thanh là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao vậy? Vì nơi thanh có vị ngọt. Nếu thanh không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, thanh là tối diệu. Nhưng thanh cũng có tai hại. Nếu thanh không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng thanh có xuất yếu. Nếu thanh không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, thanh

là tối diệu.

“Đại vương nên biết, nếu nói hương là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi hương có vị ngọt. Nếu hương không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, hương là tối diệu. Nhưng hương cũng có tai hại. Nếu hương không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng hương có xuất yếu. Nếu hương không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, hương là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói vị là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi vị có vị ngọt. Nếu vị không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, vị là tối diệu. Nhưng vị cũng có tai hại. Nếu vị không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng vị có xuất yếu. Nếu vị không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, vị là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói mịn trơn là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi mịn trơn có vị ngọt. Nếu mịn trơn không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có mịn trơn nên trong năm dục, mịn trơn là tối diệu. Nhưng mịn trơn cũng có tai hại. Nếu mịn trơn không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. [683a01] Nhưng mịn trơn có xuất yếu. Nếu mịn trơn không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành

Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, mịn tron là tối diệu.”

Năm vua, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có gia chủ Nguyệt Quang lắm của nhiều tiền, đầy đủ voi ngựa, bảy báu, vàng bạc châu báu không thể tính kể; nhưng gia chủ Nguyệt Quang không có con cái. Vì không có con cái nên bấy giờ gia chủ Nguyệt Quang cầu đảo trời, thần, thỉnh cầu mặt trời, mặt trăng, thiên thần, địa thần, quý tử mẫu, Tứ thiên vương, hai mươi tám đại thần quỷ vương, Thích Đề-hoàn Nhân và Phạm thiên, thần núi, thần cây, thần ngũ đạo, cây cối, thảo dược; khắp cả mọi nơi, tất cả đều tham lễ, cầu mong ban cho một cậu con trai.

Rồi vợ gia chủ Nguyệt Quang trải qua trong vòng mấy ngày, liền mang thai, bèn nói với gia chủ:

“Tôi tự biết đã có mang.”

Nghe vậy, gia chủ vui mừng hơn hờ, không tự chế được, liền sắm cho phu nhân giường ghế tốt, ăn uống ngon ngọt, mặc quần áo đẹp.

Trải qua tám chín tháng, phu nhân sinh một cậu bé tướng mạo xinh đẹp, hiếm có trên đời, như màu hoa đào. Bấy giờ, hai tay bé cầm hạt ngọc ma-ni vô giá, ngay đó liền nói kệ này:

Nhà này lắm tài sản,

Tặng nhất A-hàm

*Báu vật cùng thức ăn;
Nay tôi muốn bỏ thí,
Để người nghèo không thiếu.*

*Nếu ở đây không vật,
Của báu và thức ăn;
Nay có ngọc vô giá
Thường dùng bỏ thí người.*

Lúc đó, cha mẹ cùng người trong nhà nghe lời nói này rồi, mọi người đều bỏ chạy. ‘Sao lại sanh loài quỷ mị này?’ Chỉ có cha mẹ vì thương xót con nên không bỏ chạy tán loạn. Người mẹ liền hướng về con nói bài kệ này:

*Là trời, càn-thát-bà?
Quỷ mị hay la-sát?
Là ai? Tên họ gì?
Nay ta muốn biết được!*

Lúc ấy, cậu bé dùng kệ đáp lại mẹ:

*[683a01] Chẳng trời, càn-thát-bà;
Chẳng quỷ mị, la-sát.
Nay con, cha mẹ sanh;
Là người, không nên nghi.*

Khi phu phân nghe những lời nói, vui mừng hơn hờ không tự chế được. Bà đem nhân duyên này nói lại hết cho gia chủ Nguyệt Quang. Nghe những lời này, gia chủ nghĩ thâm: ‘Đây là do duyên gì? Nay ta phải đem việc này nói cho Ni-kiền Tử.’ Ông bồng cậu bé này đến chỗ Ni-kiền Tử, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Rồi gia chủ Nguyệt Quang đem nhân duyên này nói đầy đủ cho Ni-kiền Tử. Ni-kiền Tử sau khi nghe những lời này, bảo gia chủ:

“Cậu bé này là người bạc phước, đối với thân không có

ích, hãy giết đi. Nếu không giết thì nhà cửa tiêu hao suy sụp, thầy đều chết hết.”

Gia chủ Nguyệt Quang khi ấy tự suy nghĩ: “Trước đây ta không có con cái, vì nhân duyên này thỉnh cầu trời đất, không nơi nào không đến; trải qua bao nhiêu năm tháng mới sanh được đứa con này. Nay ta không nỡ giết đứa bé này. Cần hỏi lại sa-môn, bà-la-môn khác để dứt nghi cho ta.”

Bấy giờ, Như Lai thành Phật chưa lâu. Mọi người xưng hiệu là Đại Sa-môn. Gia chủ Nguyệt Quang nghĩ thầm: “Ta nên đem nhân duyên này thuật với Đại Sa-môn ấy.”

Gia chủ rời chỗ ngồi đứng dậy, bồng đứa con này đến chỗ Thế Tôn. Giữa đường lại nghĩ thầm: “Nay có bà-la-môn trưởng lão, tuổi đã quá già, trí tuệ thông minh được mọi người kính trọng, ông còn không biết, không thấy; huống chi là Sa-môn Cồ-đàm này, tuổi trẻ, học đạo chưa lâu, há có thể biết việc này sao? Sẽ sợ rằng cũng không giải tỏa được cái nghi của mình. Nay đang giữa đường, ta nên trở về nhà.”

Khi ấy, có một thiên thần xưa là bạn quen biết cũ của gia chủ, biết được những ý nghĩ trong lòng gia chủ, ở giữa hư không nói rằng:

“Gia chủ nên biết, hãy tiến về trước một tí, ắt sẽ được lợi, được quả báo lớn, cũng sẽ đến chỗ cam lộ bất tử. Như Lai ra đời rất là khó gặp. Như Lai mưa cam lộ xuống, thật lâu mới có.

“Lại nữa, này Gia chủ, có bốn sự tuy rất nhỏ, không thể xem thường. Sao gọi là bốn? Quốc vương tuy nhỏ, không thể xem thường; đóm lửa tuy nhỏ, cũng không thể xem thường; rồng tuy nhỏ, cũng không thể xem thường; người

Tăng nhất A-hàm

học đạo tuy nhỏ, cũng không thể xem thường. Này Gia chủ, đó gọi là bốn sự không [683c01] thể xem thường.”

Rồi thiên thần nói kệ này:

*Quốc vương tuy còn nhỏ;
Sát hại do pháp này.
Đóm lửa tuy chưa bùng;
Sẽ đốt cỏ, cây, núi.
Rồng thần hiện tuy nhỏ,
Làm mưa khi đến thời.
Người học đạo tuy nhỏ,
Độ người vô số lượng.*

Bấy giờ, gia chủ Nguyệt Quang, tâm ý khai mở, vui mừng hơn hờ, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ:

“Hiện cậu bé này rất có phước lớn. Cậu bé này nếu lớn lên, cậu ta sẽ dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo, đắc A-la-hán. Trong hàng Thanh Văn của Ta, là người có phước đức lớn nhất không ai có thể sánh kịp.”

Lúc ấy, gia chủ nghe xong, vui mừng hơn hờ, không tự kèm chế được, bạch Thế Tôn:

“Đúng như lời Thế Tôn dạy, chẳng phải như Ni-kiền Tử.”

Rồi gia chủ Nguyệt Quang lại bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn hãy thương đưa bé này mà cùng chúng Tăng nhận lời thọ thỉnh.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, ông từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi. Về đến nhà, ông bày biện cỗ bàn các thứ

đồ ăn thức uống ngon ngọt, trái tọa cụ tốt. Sáng sớm đích thân đến bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn quang lâm.”

Thế Tôn biết đã đến giờ, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh vào thành Xá-vệ, đến nhà gia chủ, tới chỗ ngồi. Gia chủ thấy Phật và các Tỳ-kheo đã ngồi ổn định rồi, bèn dọn đồ ăn thức uống, tự tay châm chước, hoan hỷ không loạn. Thấy đã ăn xong, dọn dẹp bình bát, dùng nước rửa, rồi ông dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước mặt Như Lai, muốn được nghe pháp vi diệu mà Phật thuyết.

Khi ấy, gia chủ Nguyệt Quang bạch Thế Tôn:

“Nay con xin đem tất cả nhà cửa, sản nghiệp, ruộng vườn cho đứa bé này, cúi xin Thế Tôn hãy đặt tên cho.”

Thế Tôn bảo:

“Lúc đứa bé này sinh, mọi người đều bỏ chạy tán loạn, gọi là quỷ Thi-bà-la⁸ nên nay đặt tên là Thi-bà-la⁹.”

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói các đề tài vi diệu cho gia chủ và vợ gia chủ; đề tài về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất yếu là vi diệu.

[684a01] Thế Tôn thấy tâm ý của gia chủ và vợ gia chủ đã khai mở, không còn hồ nghi nữa. Như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn thuyết, là khô, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn nói hết cho gia chủ, khiến cho phát tâm hoan hỷ. Ngay trên chỗ ngồi, vợ chồng gia chủ sạch trần

⁸ Thi-bà-la quỷ 尸婆羅鬼, chưa rõ quỷ gì.

⁹ Thi-bà-la 尸婆羅. Có lẽ đồng nhất với Sīvalī, Pāli. Nhưng truyện kể ở đây không giống các truyện kể Pāli.

Tăng nhất A-hàm

cầu, được mắt pháp trong sạch. Giống như vải trắng mới dễ nhuộm màu, vợ chồng gia chủ lúc này cũng như vậy, ở ngay trên chỗ ngồi, được mắt pháp trong sạch. Họ đã thấy pháp, được pháp, và phân biệt các pháp, đã hết do dự, không còn hồ nghi, được không còn sợ hãi, hiểu được pháp sâu xa của Như Lai, liền thọ năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tế tự, lửa trên hết;
Các luận, kệ đứng đầu;¹⁰
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Trắng sáng nhất các sao;
Nguồn sáng mặt trời nhất;
Tám phương và trên dưới,
Muôn phẩm vật sản sinh;
Người muốn cầu phước kia,
Tam-Phật¹¹ là tối tôn.*

Khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi ấy, gia chủ tìm năm trăm đồng từ sai hầu Thi-bà-la. Khi Thi-bà-la vừa tròn hai mươi tuổi, bèn đến chỗ cha mẹ thưa cha mẹ:

“Cúi xin song thân cho phép con xuất gia học đạo.”

Bấy giờ, song thân liền chấp thuận. Vì sao vậy? Vì trước đây Thế Tôn đã thọ ký cho rồi: ‘Cậu sẽ dẫn năm trăm thiếu niên đến chỗ Thế Tôn xin làm sa-môn.’

Thi-bà-la và năm trăm người, lạy sát chân cha mẹ rồi liền

¹⁰ Xem kinh số 4, phẩm 18.

¹¹ Tam-Phật 三佛, phiên âm từ Sambuddha, (Phật) Chánh giác.

lui đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin cho phép con được chấp nhận vào đạo.”

Thế Tôn, liền chấp thuận cho làm sa-môn. Chưa qua mấy ngày, liền thành A-la-hán, sáu thần thông trong suốt, tám giải thoát đầy đủ. Bảy giờ, năm trăm đồng tử đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con làm sa-môn.”

Thế Tôn im lặng hứa khả. Xuất gia chưa kinh qua bao nhiêu ngày họ đều thành A-la-hán.

Bảy giờ, Tôn giả Thi-bà-la trở về bang cũ nước Xá-vệ, được mọi người kính ngưỡng, và được cúng dường bốn thứ: y áo, thức ăn, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lúc ấy, Thi-bà-la nghĩ thầm: ‘Nay ta ở tại bang cũ này rất là [84b01] ồn ào. Ta hãy du hóa ở trong nhân gian.’

Bảy giờ, đến giờ khát thực, Tôn giả Thi-bà-la khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong, trở về chỗ ở, thu xếp tọa cụ, khoác y mang bát, dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo ra khỏi tinh xá Kỳ-hoàn du hóa trong nhân gian. Đến đâu, họ cũng đều được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, tọa cụ, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lại có chư thiên báo các thôn làng:

“Nay có Tôn giả Thi-bà-la đắc A-la-hán, phước đức đệ nhất, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, chư Hiền hãy đến cúng dường. Ai nay không làm sau hối hận vô ích.”

Lúc này, Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: ‘Nay thật chán đủ sự cúng dường này. Ta nên lánh chỗ nào cho người không biết chỗ ta.’ Rồi Tôn giả bèn đi vào núi sâu. Chư thiên lại báo với mọi người trong thôn làng:

“Hiện Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong núi này. Hãy đến cúng dường. Nay ai không làm, sau hối hận vô ích.”

Dân làng sau khi nghe chư thiên nói vậy, liền gánh đồ ăn thức uống đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la thưa:

“Cúi xin Tôn giả hãy vì chúng con mà ở đây.”

Lúc ấy, Thi-bà-la du hóa trong nhân gian đi dần dần đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo, cũng được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Nay ta nên tìm chỗ nào để hạ an cư, cho mọi người không biết chỗ ta.” Rồi lại nghĩ: “Nên đến phía tây núi Quảng Phô¹² ở phía đông núi Kỳ-xà,¹³ ở đó hạ an cư.” Tôn giả bèn dần dần năm trăm Tỳ-kheo đến ở trong núi kia mà thọ hạ an cư.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết được những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền ở trong núi hóa hiện phù-đồ*, vườn cây ăn trái, đều đầy đủ; chung quanh có ao tắm, hóa ra năm trăm đài cao, lại hóa năm trăm giường nằm, lại hóa năm trăm giường ngồi, lại hóa năm trăm giường dây, và dùng cam lô trời mà ăn.

Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Nay ta đã hạ an cư xong. Lâu quá không gặp Như Lai, nay nên đến hầu cận Thế Tôn.” Tôn giả liền dần dần năm trăm Tỳ-kheo đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, trời nóng bức, chúng Tỳ-kheo đều đổ mồ hôi, dơ bẩn thân thể. Tôn giả Thi-bà-la [684c01] nghĩ thầm: “Hôm nay, chúng Tỳ-kheo thân thể nóng nực, nếu được chút mây trên trời cùng tạo cơn mưa nhỏ thì thật là việc

¹² Quảng Phô sơn 廣普山. Pāli: Vepulla, một trong năm ngọn núi bao quanh Vương-xá.

¹³ Kỳ-xà 耆闍山, tức Kỳ-xà-quật. Pāli: Gijjhakūṭa.

tốt, và gặp được ao tắm nhỏ cùng được ít nước uống.” Vừa khởi lên ý nghĩ này, tức thì trên không trung xuất hiện một đám mây lớn tạo thành cơn mưa bụi. Cũng có ao tắm, có bốn phi nhân gánh nước uống ngon ngọt do Tỳ-sa-môn thiên vương sai khiến, đến thừa:

“Cúi xin Tôn giả nhận nước uống ngọt này và cho Tăng Tỳ-kheo.” Tôn giả nhận nước uống này, rồi cho Tăng Tỳ-kheo uống.

Thi-bà-la lại nghĩ: “Nay ta nên nghỉ đêm ở nơi đây.” Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền hóa ra năm trăm phòng xá ở cạnh đường, đầy đủ giường nằm, tọa cụ. Chư thiên dâng lên đồ ăn thức uống. Thi-bà-la ăn xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ, chú của Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong thành Xá-vệ, lắm tiền nhiều của, không thiếu thứ gì, nhưng lại tham lam không chịu bố thí, không tin Phật pháp Tăng, không tạo công đức. Những thân tộc nói với người này:

“Gia chủ dùng của cải này làm gì mà không tạo tư lương cho đời sau?”

Gia chủ kia sau khi nghe những lời này rồi, trong một ngày, đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho bà-la-môn ngoại đạo chớ không hướng về Tam bảo.

Lúc đó, Tôn giả Thi-bà-la nghe chú mình đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không cúng dường cho Tam bảo. Tôn giả Thi-bà-la đến tinh xá Kỳ-hoàn, rồi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì Thi-bà-la nói pháp vi diệu. Tôn giả Thi-bà-la sau khi nghe pháp từ Như Lai, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh bên hữu ba vòng rồi ra đi.

Tặng nhất A-hàm

Ngay ngày hôm ấy, Tôn giả Thi-bà-la khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, dần dần đến nhà người chủ. Đến nơi, Tôn giả đứng im lặng ở ngoài cửa. Gia chủ thấy Tôn giả Thi-bà-la ở ngoài cửa khát thực, liền nói:

“Hôm qua, sao ngươi không lại? Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí. Giờ ta cho ngươi một tấm vải gạ.”

Thi-bà-la đáp:

“Tôi không dùng vải làm gì. Hôm nay đến đây là để khát thực.”

Gia chủ đáp:

“Hôm qua ta đã dùng trăm nghìn lượng vàng bố thí, nên không thể bố thí trở lại được.”

[685a01] Tôn giả Thi-bà-la muốn độ gia chủ, nên liền bay lên không trung, thân tuôn ra nước lửa, ngồi, nằm kinh hành tùy ý tạo. Khi gia chủ thấy biến hóa này, bèn tự nói:

“Hãy xuống trở lại mà ngồi đi! Nay ta sẽ bố thí cho.”

Tôn giả Thi-bà-la liền xả thân tức, về lại chỗ ngồi. Khi ấy, gia chủ kia đem đồ ăn thức uống tẻ dở, thật là thô xấu, cho Tôn giả Thi-bà-la dùng. Tôn giả Thi-bà-la vốn sinh trưởng trong gia đình hào phú, đồ ăn uống dư dả, nhưng vì gia chủ kia nên nhận thức ăn này mà ăn. Tôn giả Thi-bà-la ăn xong, trở về chỗ ở. Ngay đêm ấy, giữa hư không thiên thần đến nói tia chủ này:

*Thiện thí, thí thật lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục, đã giải thoát,
Đoạn ái, không còn nghi.*

Giữa đêm và sáng sớm, hai lần nói kệ này:

*Thiện thí, thí thật lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục, đã giải thoát,
Đoạn ái, không còn nghi.*

Khi gia chủ nghe chư thiên nói, bèn suy nghĩ: “Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không có cảm ứng này. Hôm nay chỉ dùng thứ ăn tẻ dờ thí cho Tôn giả Thi-bà-la mà đưa đến cảm ứng này. Lúc nào trời sáng, ta sẽ đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho Tôn giả Thi-bà-la.”

Rồi gia chủ ngay ngày ấy, kiểm tính trong nhà có được giá trăm nghìn lạng vàng bố thí Thi-bà-la, bèn đem đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, ông đem trăm nghìn lạng vàng dâng lên Thi-bà-la và nói:

“Cúi xin Ngài nhận trăm nghìn lượng vàng này.”

Tôn giả Thi-bà-la nói:

“Chúc Gia chủ hưởng phước vô lượng, sống lâu tự nhiên. Nhưng Như Lai lại không cho phép Tỳ-kheo nhận trăm ngàn lượng vàng.”

Lúc ấy, gia chủ liền đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, gia chủ kia bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho Tỳ-kheo Thi-bà-la nhận trăm ngàn lượng vàng này, cho con được phước này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi đi đến chỗ Tỳ-kheo Thi-bà-la nói Ta cho gọi ông ấy.”

Tăng nhất A-hàm

Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.” Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tức thì [685b01] đi đến chỗ Thi-bà-la đem những lời Như Lai mà báo.

Tôn giả Thi-bà-la nghe theo lời Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thi-bà-la:

“Nay ngươi hãy nhận trăm ngàn lượng vàng của gia chủ này, để ông ta được phước này. Đây là nghiệp duyên kiếp trước, nên hưởng báo này.”

Tôn giả Thi-bà-la đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền nói bài kệ đạt-sân¹⁴:

*Cúng y áo các thứ,
Muốn cầu phước đức kia;
Sanh làm trời hay người,
Vui hưởng năm lạc thú.*

*Từ trời đến cõi người,
Vượt khỏi nghi có không,
Chỗ Niết-bàn vô vi
Nơi chư Phật an lạc.*

*Người huệ thí dễ dàng,
Mong đây được phước đức.
Hãy phát tâm từ huệ,
Làm phước không mệt mỏi.*

¹⁴ Đạt-sân 達睺. Pāli: *dakkhinā* (Skt. *dakṣiṇā*), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la bảo gia chủ:

“Hãy mang trăm ngàn lượng vàng này để trong phòng tôi.”

Gia chủ vâng theo lời dạy này, mang trăm ngàn lượng vàng để trong phòng Tôn giả Thi-bà-la rồi ra đi.

Thi-bà-la bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị, có ai thiếu gì thì đến đây mà lấy; hoặc nếu cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men trị bệnh đều đến lấy; đừng cầu ở nơi khác, hãy lần lượt báo cho nhau biết điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Thi-bà-la xưa kia đã tạo phước gì mà sanh nhà tía chủ, xinh đẹp vô song như màu hoa đào? Lại tạo phước gì mà hai tay cầm ngọc từ thai mẹ sanh ra? Lại tạo phước gì mà dẫn năm trăm người đến chỗ Như Lai xuất gia, học đạo, được gặp Như Lai ở đời? Lại tạo phước gì mà đến đâu cũng được đầy đủ y phục, đồ ăn thức uống tự nhiên không thiếu thốn, Tỳ-kheo khác không bì kịp?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa, chín mươi một kiếp, có Phật hiệu Tỳ-bà-thi¹⁵ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hành túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, du hóa tại nước Bàn-đầu cùng với đại chúng gồm sáu mươi vạn tám nghìn người, được cúng dường bốn thứ: y phục, đồ ăn thức uống, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

¹⁵ Phật Tỳ-bà-thi, xem *Trường 1*, kinh Đại bản. Pāli, Vipasī, D. 14 Mahāpadāna.

“Lúc ấy, có [685c01] bà-la-môn tên Da-nhã-đạt¹⁶ sống ở nơi ấy, nhiều tiền lắm của, vàng bạc, trân báu, xa cừ, mã não, trân châu, hồ phách, không thể đếm hết.

“Bấy giờ, Da-nhã-đạt ra khỏi nước, đi đến chỗ Như Lai Tỳ-bà-thi. Đến nơi, chào hỏi xong, ngồi qua một bên. Như Lai Tỳ-bà-thi lần lượt vì ông nói pháp, khiến ông ta sanh tâm hoan hỷ. Bấy giờ, Da-nhã-đạt bạch Như Lai Tỳ-bà-thi: ‘Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Con muốn dâng cơm cúng Phật và Tăng Tỳ-kheo.’

“Khi ấy Như Lai im lặng nhận lời. Bà-la-môn Da-nhã-đạt thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi về nhà. Ông chuẩn bị sửa soạn các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt.

“Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, Da-nhã-đạt suy nghĩ: ‘Nay ta đã chuẩn bị đầy đủ các món đồ ăn thức uống, chỉ còn thiếu lạc¹⁷. Sáng sớm mai ta sẽ đến trong cửa thành, nơi đó có ai bán lạc sẽ mua hết.’ Sáng sớm, Da-nhã-đạt bày tọa cụ tốt, rồi lại đến trong cửa thành để tìm mua lạc. Vào lúc ấy, có một người chăn bò tên là Thi-bà-la muốn mang lạc đi tể tự.¹⁸ Bà-la-môn Da-nhã-đạt nói với người chăn bò: ‘Nếu ông bán lạc, tôi sẽ mua.’ Thi-bà-la nói: ‘Nay tôi muốn tể tự.’ Bà-la-môn nói: ‘Ông tể trời là để cầu điều gì? Hãy bán cho tôi, sẽ trả giá tiền cao hơn.’ Người chăn bò đáp: ‘Ông Bà-la-môn, nay ông dùng lạc để làm gì?’ Bà-la-môn đáp: ‘Nay tôi thỉnh Như Lai Tỳ-bà-thi và Tăng Tỳ-kheo. Nhưng đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong,

¹⁶ Da-nhã-đạt 耶若達; tên Pāli thường gặp: Yaññadatta (Skt. Yajñadatta), nhưng không tìm thấy đồng nhất ở đây.

¹⁷ Lạc 酪; Pāli: dadhi, sữa đông, sữa để chua.

¹⁸ Truyện kể gần với sơ giải Thera A. i. 144, nhân duyên Sīvalī, thời Phật Vipassī.

chỉ còn thiếu lạc.’ Thi-bà-la hỏi bà-la-môn: ‘Nhu Lai Tỳ-bà-thi tướng mạo thế nào?’ Bà-la-môn đáp: ‘Nhu Lai không ai sánh bằng, giới thanh tịnh đầy đủ, định và huệ không ai bì kịp. Trên trời dưới đất không ai sánh bằng.’ Khi bà-la-môn Da-nhã-đạt ca ngợi đức của Nhu Lai, Thi-bà-la nghe xong tâm trí khai mở. Khi ấy, Thi-bà-la bảo bà-la-môn: ‘Nay tôi đích thân đem lạc này đến cúng dường Nhu Lai, không cần tế trời làm gì nữa.’

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt dẫn người chăn bò này về đến nhà, đi đến chỗ Phật, bạch rằng: ‘Đã đúng giờ, nay là lúc thích hợp, xin Thế Tôn hạ cố.’

“Nhu Lai biết đã đến giờ, khoác y mang bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đến nhà bà-la-môn Da-nhã-đạt, mọi người ngồi theo thứ lớp.

“Khi người chăn bò thấy [686a0] dung mạo Nhu Lai hiếm có trên đời, các căn tịch tịnh¹⁹, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời mặt trăng, giống như núi Tu-di hơn hẳn đỉnh các núi khác, ánh sáng chiếu khắp, không nơi tối tăm nào mà không thấu. Thấy vậy, vui mừng, ông đến trước chỗ Thế Tôn, nói rằng: ‘Nếu công đức của Nhu Lai đúng như Bà-la-môn đã nói, hãy cho bình lạc này đủ cung cấp cho chúng Tăng.’

“Rồi Thi-bà-la bạch Thế Tôn: ‘Cúi xin nhận lạc này.’

“Nhu Lai liền đưa bát nhận lạc, cũng lại cho các Tăng Tỳ-kheo nhận lạc đầy đủ. Khi ấy, người chăn bò bạch Thế Tôn: ‘Nay lạc vẫn còn dư.’ Nhu Lai bảo: ‘Ông đem lạc này cúng thêm cho Phật và các Tỳ-kheo.’ Người chăn

¹⁹ Nguyên hán: Đạm bạc 淡泊.

bò đáp: ‘Thưa vâng, Thế Tôn!’ Người chăn bò đi chia lạc trở lại, cuối cùng lạc vẫn còn dư. Người chăn bò lại bạch Phật: ‘Số lạc vẫn còn dư!’ Như Lai bảo người này: ‘Ông hãy đem lạc này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tắc, ưu-bà-tư khiến được no đủ.’ Số lạc vẫn còn dư. Bấy giờ, Phật bảo người chăn bò: ‘Ông đem lạc này cho chủ nhân đàn-việt.’ Đáp: ‘Thưa vâng.’ Rồi lại tìm cho các thí chủ đàn-việt. Số lạc còn dư, lại đem cho những người ăn xin nghèo thiếu, nhưng lạc vẫn còn dư. Lại bạch Phật: ‘Hiện lạc vẫn còn dư.’ Phật bảo: ‘Nay đem số lạc này đổ nơi đất sạch, hoặc đổ vào trong nước. Vì sao vậy? Ta không thấy có người hay trời nào có thể tiêu hóa lạc này, chỉ trừ Như Lai. Người chăn bò vâng lời dạy Phật, đem lạc này đổ vào trong nước, tức thì ngay trong nước xuất hiện ngọn lửa lớn cao vài mươi nhẫn. Người chăn bò sau khi thấy sự biến hóa quái lạ này, trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, chấp tay mà đứng. Lại tự thệ nguyện: ‘Nay đem lạc này cúng dường cho chúng bốn bộ. Nếu có được phước đức, do phước lành này, con sẽ không đọa vào nơi tám nạn, không sinh vào nhà nghèo thiếu. Sinh ra bất cứ nơi nào, sáu căn hoàn toàn đầy đủ, mặt mày xinh đẹp, thường được xuất gia. Mong đời tương lai cũng gặp được Thánh tôn như vậy.’

“Tỳ-kheo nên biết, ba mươi một kiếp về trước, lại có Phật tên Thi-khí²⁰ Như Lai xuất hiện ở đời. Lúc ấy, Như Lai Thi-khí giáo hóa ở thế giới Dã-mã, [686b01] cùng mười vạn đại Tỳ-kheo.

“Bấy giờ, khi đến giờ, Như Lai Thi-khí khoác y mang bát vào thành khất thực. Trong thành có một khách thương

²⁰ Phật Thức-cật 式詰. Xem *Trường I*, kinh Đại bản, Phật Thi-khí 尸棄. Pāli, Sikhi, cf. D. 14 Mahāpadāna.

lớn tên Thiện Tài. Từ xa thấy Như Lai Thi-khí có các căn tịch tịnh, dung mạo đoan chánh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời mặt trăng; thấy vậy ông phát tâm hoan hỷ, đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc này, người buôn đem ngọc báu quý rải lên Như Lai, tâm sâu kín của ông được thể hiện qua lời thề: ‘Nguyện đem công đức này, nơi nào con sinh ra cũng lăm của nhiều tiền, không có gì thiếu thốn, trong tay lúc nào cũng có tiền của, cho đến trong bào thai mẹ cũng có.’

“Ở trong kiếp này lại có Như Lai Tỳ-xá-phù²¹ Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc²², Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu²³, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có gia chủ tên Thiện Giác lăm của nhiều tiền, lại thỉnh Như Lai Tỳ-xá-phù Chí chơn Đẳng chánh giác, và Tăng Tỳ-kheo. Gia chủ ấy thiếu người giúp việc, nên lúc này đích thân sắp soạn đồ ăn thức uống ngon ngọt thiết trai cho Như Lai ấy, rồi tự thề nguyện: ‘Tôi do công đức này, sanh ở nơi nào, thường được gặp Tam bảo, không thiếu thốn thứ gì, thường có nhiều người hầu và trong đời tương lai cũng gặp Phật như ngày nay vậy.’

“Nay trong Hiền kiếp này, lại có Phật tên Câu-lâu-tôn²⁴ Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*,

²¹ Tỳ-xá-la-bà 毘舍羅婆. Xem *Trường 1*, kinh Đại bản, Tỳ-xá-bà 毘舍婆. Pāli, *ibid.*, Vessabhū.

²² Nguyên bản: Minh hạnh thành vi.

²³ Nguyên bản: Đạo pháp ngự.

²⁴ Câu-lũ-tôn 拘樓孫. Xem *Trường 1*, kinh Đại bản, Câu-lâu-tôn 拘樓孫. Pāli, *ibid.* Kakusandha.

Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bảy giờ, có gia chủ tên Đa Tài lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn, trong vòng bảy ngày cúng dường cơm Phật và Tăng Tỳ-kheo, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, ‘Nguyện sinh ra nơi nào thường lắm của nhiều tiền, không sinh vào nhà bần tiện; khiến chỗ sinh của con thường được bốn sự cúng dường; làm nơi chúng bốn bộ, quốc vương và Nhân dân trông thấy tôn kính; nơi trời rồng quý thần người hay chẳng phải người trông thấy tiếp đãi.’

“Các Tỳ-kheo nên biết, bà-la-môn Da-nhã-đạt bảy giờ há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Vì nay tự thân chính là gia chủ Nguyệt Quang. Người chăn bò tên Thi-bà-la đem lạc cúng dường Phật lúc ấy, nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Người lái buôn Thiện Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Gia chủ Thiện Giác lúc ấy, [686c01] há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Gia chủ Đa Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Ngày nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

“Các Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo Thi-bà-la đã phát thệ nguyện này: ‘Mong nơi nào con sinh ra, con thường xinh đẹp vô song, lúc nào cũng sinh vào nhà giàu sang. Mong đời sau được gặp Thế Tôn. Ngài sẽ thuyết pháp cho con nghe, con liền được giải thoát, được xuất gia làm sa-môn.’ Do công đức này, ngày nay, Tỳ-kheo Thi-bà-la được sanh trong nhà giàu có, xinh đẹp vô song. Nay gặp Ta lập tức thành A-la-hán.

“Song Tỳ-kheo nên biết, lại nhờ công đức rải châu báu lên mình Như Lai nên nay ở trong bào thai tay cầm hai hạt châu mà ra khỏi thai mẹ, giá trị bằng cả Diêm-phù-đề.

Ngày vừa sinh ra, liền nói như vậy. Lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn để cầu có nhiều người sai khiến, nên nay dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ ta xuất gia học đạo, thành A-la-hán.

“Lại trong vòng bảy ngày cúng dường Như Lai Câu-lâu-tôn để được tứ sự cúng dường, nên ngày nay không thiếu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Nhờ công đức này, các Tỳ-kheo không bị kịp. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đến cúng dường, cung cấp các thứ cần dùng. Lại nữa, chư thiên chuyển nhau báo xóm làng cho chúng bốn bộ biết có Thi-bà-la. Ý nghĩa của sự việc là vậy. Người phước đức đệ nhất trong đệ tử của Ta chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng trượng phu dũng kiện,²⁶ có nhiệm vụ chiến đấu, xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Ở đây, có người mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, từ xa thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ nhất.

“Lại nữa, người chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; khi thấy gió bụi mà không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi, không

²⁵ Pāli, A V 75 Paṭhama-Yodhājīvasutta (R. iii. 39).

²⁶ Pāli: *pañcime yodhājīvā*, có năm hạng chiến sĩ này.

thể tiến lên chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ hai.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, khi thấy gió bụi, hay thấy ngọn cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi, không có khả năng chiến đấu. Đó gọi là hạng [687a01] chiến sĩ thứ ba.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, hay thấy cung tên không sinh lòng sợ hãi, nhưng vừa vào trận liền bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ tư.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ năm mặc áo giáp, cầm gậy đi vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, thấy cung tên hoặc bị bắt, cho đến gần chết, không sinh lòng sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi, mà lãnh đạo nhân dân. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ năm.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, thế gian có năm loại người này, thì nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Có Tỳ-kheo sống tại thôn xóm khác, nghe trong thôn này có người nữ xinh đẹp vô song, mặt như màu hoa đào. Nghe rồi, đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thôn khát thực; thấy người nữ này nhan sắc vô song, liền sanh dục tưởng, cởi bỏ ba y, hoàn xả cấm giới mà làm cư sĩ. Giống như người chiến đấu kia, thấy chút gió bụi đã sinh lòng sợ hãi; Tỳ-kheo này tựa như vậy.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe có người nữ sống ở trong thôn xóm xinh đẹp không ai bằng. Đến giờ, khoác y, cầm bát, vào [687b01] thôn khát thực; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng cùng người nữ kia đùa giỡn, chuyện trò qua lại. Rồi nhân việc đùa giỡn này liền cởi pháp phục, trở lại làm bạch y. Như hạng người thứ

hai kia, tuy thấy bụi gió không sợ, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn có người nữ, dung mạo xinh đẹp, ít có trên đời, như màu hoa đào. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng. Tuy dù cùng người đùa giỡn nhau, cũng không khởi tưởng dục ý; nhưng cùng người nữ kia nắm tay, hoặc vuốt ve nhau, trong đó liền khởi dục tưởng, cởi ba pháp y, trở lại làm bạch y, tập khởi nghiệp nhà. Như hạng người thứ ba kia khi vào trận, thấy gió bụi, thấy cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ, mặt mày xinh đẹp ít có trên đời. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, hay cùng nói chuyện cũng không khởi dục tưởng. Khi được người nữ kia vuốt ve liền khởi dục tưởng, nhưng không cởi pháp phục mà sống đời tại gia. Như hạng thứ tư kia vào quân trận bị địch bắt, hoặc mất mạng không trở ra được.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực, khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: ‘Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đâu chẳng? Ra từ thân thể chẳng?’ Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tướng tượng, cũng không có chỗ đến. Vị ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vị ấy lại nghĩ: ‘Ta

quán dục này từ nhân duyên sanh.’ Tỳ-kheo quán sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. “Do vậy, nay Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô úy, đạt đến thành Niết-bàn.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này xuất hiện ở đời.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dục, Ta biết gốc người,
Ý do tư tưởng sinh.
Ta chẳng sinh tư tưởng,
Còn người thì không có.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy quán sát tâm bất tịnh hạnh là ô uế, để trừ bỏ sắc dục.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng chiến đấu xuất hiện ở đời. Sao gọi là năm?

²⁷ Pāli, A V 76 Dutiya-Yodhājīvasutta (R. iii. 93).

Có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận [687c01] chiến đấu, khi thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi không dám vào trong trận lớn kia. Đó gọi là hạng người thứ nhất.

“Lại nữa hạng chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, thấy gió bụi không sinh sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng thứ hai.

“Lại nữa hạng thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và không sinh sợ hãi, nhưng khi thấy cờ cao liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Đó gọi là hạng thứ ba.

“Lại nữa hạng thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và cũng không sinh lòng sợ hãi, hay thấy cờ cao cũng không sinh lòng sợ hãi, nhưng lại bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng thứ tư.

“Lại nữa, hạng thứ năm có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, hoàn toàn có khả năng phá tan quân địch mở rộng bờ cõi. Đó gọi là hạng thứ năm xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Tỳ-kheo cũng có năm hạng người xuất hiện ở thế gian. Sao gọi là năm?

“Hoặc có Tỳ-kheo sống trong thôn xóm nghe có người nữ xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Đến giờ, Tỳ-kheo kia khoác y mang bát vào thôn khát thực, không hộ trì các căn, không giữ gìn pháp thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ, vị ấy khởi dục ý, hoàn xả cấm giới, sống theo pháp bạch y. Như người thứ nhất kia, nghe tiếng bụi nổi lên, không kham chiến đấu, sinh lòng sợ hãi. Do vậy cho

nên Ta nói đến người này.²⁸

“Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe trong thôn có người nữ xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, liền xả giới sống theo pháp bạch y.²⁹ Như hạng chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và không kham chiến đấu. Đây cũng như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe có người nữ tại thôn làng kia. Sau khi nghe mà không khởi dục ý; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng chỉ vì cùng người nữ đùa giỡn; do đó liền xả cấm giới, sống theo pháp bạch y.³⁰ Như người thứ ba kia, từ xa thấy cờ rồi, liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Vì vậy cho nên nay Ta nói người này. Đó gọi là hạng chiến đấu thứ ba.

“Lại nữa, [688a01] Tỳ-kheo sống tại thôn làng. Tỳ-kheo kia nghe trong thôn có người nữ. Khi khoác y mang bát vào thôn khát thực, không giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ xinh đẹp vô song, ở đó liền khởi dục ý, hoặc cùng người nữ cùng nhau lôi kéo, hoặc nắm tay nhau, bèn xả cấm giới, trở lại làm bạch y.³¹ Như hạng chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân, bị địch bắt, bị giết.

²⁸ Tham chiếu Pāli: Tỳ-kheo khát thực, gặp người nữ quyến rũ, xả giới hoàn tục ngay.

²⁹ Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa, thiếu mạch lạc so với đoạn trước. Tham chiếu Pāli: Tỳ-kheo bị người nữ quyến rũ, định về giữa Tăng xin xả giới; nhưng chưa kịp về đến nơi mà đã vội xả giới.

³⁰ Hán dịch không rõ theo đoạn mạch. Tham chiếu Pāli: Hạng thứ ba, bị nữ quyến rũ, cố gắng về được đến giữa Tăng; các Tỳ-kheo khuyên can nhưng vẫn không kham, rồi mới xả giới.

³¹ Pāli: Hạng thứ tư, bị quyến rũ, về giữa tăng, được khuyên dạy, nỗ lực tinh cần nên không xả giới.

Vì vậy nên nay Ta nói người này.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ ít có trên đời. Tuy nghe vậy, mà không khởi dục tưởng. Tỳ-kheo kia đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực, giữ gìn thân, miệng, ý; tuy thấy người nữ, không khởi dục tưởng, không có tà niệm; nếu cùng người nữ nói chuyện qua lại cũng không khởi dục tưởng, cũng không tà niệm. Nếu bị người nữ lôi kéo, nắm tay, bấy giờ liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền trôi dạt. Khi dục ý đã trôi dạt rồi, trở về lại Tăng viện, đến chỗ Trưởng lão Tỳ-kheo. Dem nhân duyên này nói với Trưởng lão Tỳ-kheo:

“Chư Hiền, nên biết, nay dục ý của tôi nổi dậy khôn xiết. Cúi xin thuyết pháp khiến thoát khỏi bất tịnh ghê tởm của dục.”

Bấy giờ Trưởng lão Tỳ-kheo bảo:

“Nay Thầy nên quán dục này do đâu sinh? Lại do đâu diệt? Như Lai dạy: Phàm người khởi dục nên dùng quán bất tịnh để trừ, và tu hành pháp quán bất tịnh.”

“Rồi Tỳ-kheo Trưởng lão liền nói kệ này:

*Nếu biết điên đảo ấy
Khiến tâm thêm trôi dạt;
Hãy trừ tâm hừng hực,
Dục ý liền dừng nghỉ.*

“Chư Hiền nên biết, dục từ tưởng sinh. Khi khởi niệm tưởng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lường. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tưởng niệm. Vì không có tưởng niệm nên liền không có

Tăng nhất A-hàm

tâm dục, Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tưởng.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng theo những lời dạy bảo như vậy, liền tư duy về tướng bất tịnh. Do tư duy về tướng bất tịnh nên bấy giờ tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, đến nơi [688b01] vô vi.³² Như người thứ năm mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy địch thủ không sinh lòng sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm cũng không dờn đổi, có thể phá giặc ngoài, có thể qua địa giới của địch. Vì vậy, cho nên nay Ta nói người này có thể phá được bọn ma. Trừ các loạn tưởng, đến chỗ vô vi. Đó gọi là người thứ năm xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo nên biết, thế gian có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành, dục là tướng bất tịnh.

“Các Tỳ-kheo hãy học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm người quét đất có năm trường hợp không được công đức. Những gì là năm? Ở đây, người quét đất không biết gió ngược, không biết gió xuôi, lại không dòn đồng,

³² Đây là hạng thứ tư trong bản Pāli tương đương. Hạng thứ năm, Tỳ-kheo vào thôn, thù hộ thân, thù hộ căn, chánh niệm, nên không bị nữ lung lạc quyến rũ.

lại không trừ phân, chỗ đất quét lại chẳng sạch sẽ. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người quét đất có năm việc không thành công đức lớn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người quét đất có năm việc thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người quét đất biết lý gió ngược, gió xuôi, cũng biết dôn đồng, cũng có thể hốt bỏ không để cho dư sót lại, khiến cho đất thật sạch sẽ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này thành tựu công đức lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo phải trừ năm việc trước, và tu năm pháp sau.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm người quét tháp³³ có năm trường hợp không được công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, có người quét tháp không dùng nước rưới lên đất, không lượm bỏ gạch đá, không san bằng mặt đất, không chú ý khi quét đất, không trừ bỏ rác rưởi dơ bẩn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người quét tháp³⁴ không thành tựu năm công đức.

“Các Tỳ-kheo nên biết, người quét tháp* có năm trường hợp thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người

³³ 偷婆 *thâu-bà*.

³⁴ Đề bản: *Địa* 地; có thể chép nhầm, nên sửa lại. Trên kia nói là quét *thâu-bà* tức tháp.

quét tháp dùng nước rưới lên đất, lượm bỏ gạch đá, san bằng mặt đất, giữ chú ý khi quét đất, hốt bỏ rác rưởi dơ bẩn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm việc khiến người được công đức. Cho nên, [688c01] nay các Tỳ-kheo, muốn cầu công đức này hãy thực hành năm việc này.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người du hành trường kỳ có năm sự khó. Sao gọi là năm? Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp; giáo pháp đã tụng thì bị quên mất; không được định ý; tam-muội đã được lại thoái thất; nghe pháp nhưng không thể hành trì. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người du hành nhiều có năm việc khó này.

“Các Tỳ-kheo nên biết, người không du hành nhiều có năm công đức. Sao gọi là năm? Pháp chưa từng đắc sẽ đắc, pháp đã đắc rồi lại không quên mất, nghe nhiều mà ghi nhớ được, có thể đắc định ý, đã đắc tam-muội rồi không bị mất. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người không du hành nhiều có năm công đức này. Cho nên, nay các Tỳ-kheo, không nên du hành nhiều.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo thường trú một chỗ, có năm điều phi pháp. Sao gọi là năm? Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý tham đắm phòng xá, e sợ người đoạt, hoặc ý tham đắm tài sản lại sợ người đoạt, hoặc tích tụ nhiều vật giống như bạch y, hoặc tham luyến người thân quen không muốn cho người khác đến nhà người thân quen, thường cùng bạch y qua lại với nhau.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là người ở một chỗ có năm việc phi pháp này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đừng ở một chỗ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người không ở mãi một chỗ, có năm công đức. Những gì là năm? Không tham đắm nhà cửa, không tham đắm đồ đạc, không tích chứa nhiều của cải, không dính mắc với người thân, không qua lại với bạch y.

“Đó gọi là Tỳ-kheo không ở một chỗ có năm công đức

này. Cho nên, [689a01] này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thực hành năm việc này. Các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở bên bờ hồ Quang minh, nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt. Thấy thế, Như Lai đến ngồi dưới một gốc cây. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo, thà đem thân nhảy vào lửa này, hay tốt hơn nên giao du với người nữ xinh đẹp?”

Lúc đó, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tốt hơn nên giao du với người nữ, chớ không ném thân vào lửa này. Bởi vì đám lửa này nóng độc không thể tả, sẽ lấy mạng sống của mình, chịu khổ vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, chớ để không phải hạnh sa-môn mà nói là sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà nhảy vào lửa này, chớ không cùng người nữ giao du.

³⁵ Tham chiếu Pāli, A VII 68 Aggikkhandhopamasutta (R.iv. 128). Hán, *Trung I*, kinh 5 (Mộc tích dụ).

Vì sao vậy? Vì người ấy thà chịu thống khổ này, chứ không vì tội đó mà vào trong địa ngục chịu khổ vô cùng.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận người cung kính lễ bái, hay tốt hơn cho người lấy kiếm bén chặt tay chân mình?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận cung kính lễ bái, chứ không cho người dùng kiếm chặt tay chân mình. Vì sao vậy? Vì chặt tay chân mình, đau không thể tả.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, không phải hạnh sa-môn mà nói là sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà đưa thân chịu kiếm bén này, chứ không vì không có giới mà nhận người cung kính. Vì sao vậy? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn sự thống khổ địa ngục thì không thể tả xiết.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận y phục của người, hay tốt hơn lấy lá sắt nóng dùng quấn vào thân?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận lấy y phục của người, chứ không nhận nỗi khổ đau này. Vì sao vậy? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta nhắc lại các người, với người phá giới, thà lấy lá sắt nóng [689b01] quấn lên thân mình chứ không nhận y phục của người. Vì sao vậy? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn nỗi thống khổ địa ngục không thể tả xiết.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ hay thà nuốt viên sắt nóng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ, chứ không nuốt viên sắt nóng. Vì sao vậy? Vì sự đau đớn này không nơi nào chịu nổi.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, thà nuốt viên sắt nóng, chứ không nên không có giới mà nhận người cúng dường. Vì sao vậy? Vì nuốt viên sắt nóng, đau khổ chỉ trong chốc lát, không nên không có giới mà nhận tín thí của người.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận giường nằm của người, hay thà nằm trên giường sắt nóng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, chúng con thà nhận giường nằm của người, chứ không nằm trên giường sắt nóng. Vì sao vậy? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.”

Thế Tôn bảo:

“Người ngu si kia không có giới hạnh, chẳng phải sa-môn nói là sa-môn, chẳng có phạm hạnh nói tu phạm hạnh, thà nằm trên giường sắt nóng chứ không nên không giới mà nhận tín thí của người khác. Vì sao vậy? Vì nằm trên giường sắt nóng chỉ đau đớn trong chốc lát, không nên không giới mà nhận tín thí của người khác.

“Tỳ-kheo nên biết, hôm nay như Ta quan sát đích hướng đến của người không giới. Giả sử, người kia trong chốc lát thân thể khô héo tiêu tụy, hộc máu nóng ra khỏi miệng mà qua đời, chứ không cùng người nữ giao du, không nhận người có đức lễ kính, không nhận y phục, đồ ăn

thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh của người. Vì người không giới kia không quán sát tội đời trước, đời sau, không nhìn lại thân mạng đang chịu thống khổ này. Người không có giới, ý sinh vào ba đường ác. Đó là ác hành đã tạo ra đưa đến.

“Hôm nay, Như Lai quán sát đích hướng đến của người thiện hành, ngay dù người ấy bị trúng độc, hay bị đao đá thương mà tự dứt mạng sống. Nhưng đó là do muốn xả thân này để hưởng phước trời, sẽ sanh vào thiện xứ. Đó là do quả báo nghiệp lành đời trước đưa đến.

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành giới thân, định thân, huệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân. Muốn cho đời nay được quả báo kia, đặc đạo cam lồ, ngay dù có nhận y phục, đồ ăn thức uống, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh cũng không lầm lỗi, lại làm cho đàn việt hưởng phước vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, hãy [689c01] học như vậy.”

Khi nói pháp này, bấy giờ sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc, ý tổ ngộ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác xả bỏ pháp phục mà làm bạch y.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Năm vua và Nguyệt Quang,
Thì bà, hai hạng lính,
Hai quét, hai hành pháp,
Đi đừng có hai loại,
Sau cùng là cây khô.³⁶*

³⁶ Bản Hán, hết quyển 25.

34. PHẨM ĐĂNG KIẾN¹

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá Vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, thăm hỏi Ngài rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo giới thành tựu nên tu những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo giới thành tựu nên tư duy về năm thủ uẩn là vô thường, là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Những gì là năm? Đó là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

“Khi Tỳ-kheo giới thành tựu tư duy năm uẩn này liền đắc quả Tu-đà-hoàn.”

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Các Hiền giả nên biết, nếu Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm thủ uẩn liền thành quả Tu-đà-hàm.”

¹ Đăng kiến 等見, được hiểu là chánh kiến. Pāli: *Sammādiṭṭhi*.

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hàm phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hàm cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, [690a01] không, vô ngã. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tu-đà-hàm tư duy về năm thủ uẩn này liền chứng quả A-na-hàm.”

Các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo A-na-hàm phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-na-hàm tư duy về năm thủ uẩn này liền chứng quả A-la-hán.”

Các Tỳ-kheo hỏi:

“Tỳ-kheo A-la-hán nên tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Điều các Thầy hỏi đã vượt quá rồi. Tỳ-kheo A-la-hán, việc cần làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, không còn hướng đến năm đường trong biển sanh tử, lại không còn tái sinh, không còn tạo tác gì nữa. Cho nên, các Hiền giả, Tỳ-kheo trì giới, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm hãy tư duy về năm thủ uẩn này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Lộc Uyển, trú xứ Tiên nhân, tại Ba-la-nại.

Bấy giờ, Như Lai thành đạo chưa lâu, người đời gọi Ngài là Đại Sa-môn. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc mới nối ngôi vua. Vua Ba-tư-nặc nghĩ thầm: “Nay ta mới nối ngôi vua, trước phải cưới con gái dòng họ Thích. Nếu họ gả cho ta mới vừa lòng ta. Nếu không nhận cho, ta sẽ dùng sức đến cưỡng bức.”

Rồi vua Ba-tư-nặc liền bảo một đại thần:

“Ông hãy đến vương cung họ Thích, thành Ca-tỳ-la-vệ, nhân danh ta báo với dòng họ Thích kia rằng: ‘Vua Ba-tư-nặc gởi lời thăm hỏi các ngài, sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi chẳng. Và nói rằng, ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức.’”

Đại thần nhận lệnh của vua, đến nước Ca-tỳ-la. Lúc ấy, năm trăm người dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đang tập họp tại một chỗ. Đại thần đến chỗ năm trăm người dòng họ Thích, xưng danh hiệu vua Ba-tư-nặc, gởi lời thăm hỏi mong cuộc sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi. Vua bảo rằng: ‘Ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho, ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức.’

Sau khi nghe những lời này, những người dòng họ Thích hết sức tức giận: “Chúng ta là dòng họ cao quý vì sao phải [690b01] kết thân gia với con của tỳ nữ?”

Trong số ấy, có người nói nên gả, có người nói không nên gả. Bấy giờ, trong số người tập họp kia, có người tên

Ma-ha-nam,² nói với mọi người rằng:

“Các Hiền giả, chớ có tức giận. Vì sao vậy? Vua Ba-tư-nặc là kẻ bạo ác. Nếu chống cự, vua Ba-tư-nặc đến tàn phá nước ta. Nay tôi đích thân đảm đương đến gặp vua Ba-tư-nặc nói về việc này.”

Bấy giờ, trong nhà Ma-ha-nam có tỳ nữ sanh một con gái dung nhan xinh đẹp hiếm có trên đời. Ma-ha-nam bảo tẩm gội cô này, cho mặc xiêm y đẹp đẽ, lên xe gấn lông chim báu* đưa đến cho vua Ba-tư-nặc và nói với vua:

“Đây là con gái tôi. Ngài có thể thành thân cùng nó.”

Khi vua Ba-tư-nặc được cô này, hết sức vui mừng, liền lập cô này làm đệ nhất phu nhân.³ Qua chưa được vài ngày, cô đã mang thai, lại trải qua tám, chín tháng sinh một nam nhi xinh đẹp vô song, đặc biệt trên đời. Vua Ba-tư-nặc tập họp các thầy tướng để đặt tên cho thái tử. Sau khi các thầy tướng nghe vua nói xong, liền tâu vua:

“Đại vương nên biết, khi cầu phu nhân, mọi người dòng họ Thích cùng nhau tranh luận, có người nói ‘nên cho’, hoặc có người nói ‘không nên cho’, khiến cho kia đây xa dòng⁴ (lưu-ly), nay nên đặt tên là Tỳ-lưu-ly.”⁵ Đặt tên

² Ma-ha-nam 摩訶男. Pāli: Mahānāma, con vua Amitodana (Cam Lộ Phạn vương), anh của Anuruddha (A-na-luật).

³ Phu nhơn Tát-la-đa Sát-lợi chủng 薩羅陀刹利種. T26: Vũ Nhật

Cái 雨日蓋. Pāli: Vāsabhā-khattiyā. Xem kinh 3 phẩm 13.

⁴ 彼此流離 *bì thỉ lưu ly*.

⁵ Đề bản: Tỳ-lưu-lặc 毘流勒. TNM: Tỳ-lưu-ly 毘流離. Có thể đây là giải thích của người chép kinh, phỏng theo nghĩa Hán; vì *tì-lưu-ly* là từ phiên âm Skt.: Virūḍhaka (Pāli: Viḍḍabha). *Phiên Phạn ngữ* 4 (T54n2130, tr. 8c17): Tỳ-lâu-ly vương 毘樓離王,

Tăng nhất A-hàm

xong, các thầy tướng đều rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Vua Ba-tư-nặc yêu thương thái tử Lưu-ly, chưa từng rời khỏi mắt. Khi thái tử Lưu-ly lên tám tuổi, vua bảo:

“Nay con đã lớn, hãy đến Ca-tỳ-la-vệ để học nghệ thuật bắn tên.”

Rồi vua Ba-tư-nặc cung cấp những người hầu điều khiển voi lớn đến nhà dòng họ Thích, đến nhà Ma-ha-nam, nói với Ma-ha-nam:

“Vua Ba-tư-nặc bảo con đến đây học cách bắn tên. Cúi xin ông ngoại, mọi sự hãy dạy bảo cho.”

Ma-ha-nam bảo:

“Người muốn học nghệ thuật thì phải khéo luyện tập.”

Ma-ha-nam liền tập hợp năm trăm thiếu niên họ Thích lại cùng học thuật. Lúc ấy, thái tử Tỳ-lưu-ly cùng học xạ thuật với năm trăm đồng tử.

Bấy giờ, trong thành Ca-tỳ-la-vệ vừa xây một giảng đường. Trời, nhân dân, Ma, hoặc Ma thiên không được ở trong giảng đường này. Lúc ấy, những người họ Thích nói với nhau:

“Nay giảng đường này vừa được xây cất và trang trí xong, giống như thiên cung không khác tí nào. Trước hết, chúng ta nên thỉnh Như Lai và chúng Tăng cúng dường ở trong đó, để chúng ta được hưởng [690c01] phước vô cùng.”

Bấy giờ, dòng họ Thích ở trên giảng đường trải các loại tọa cụ, treo lụa là, phướn, lọng, rưới nước thơm lên mặt

đất, đốt các loại hương thơm, tích chứa nước sạch, đốt các đèn sáng.

Thái tử Lưu-ly dẫn năm trăm đồng tử đến chỗ giảng đường, liền leo lên tòa Sư tử. Khi những người họ Thích thấy vậy, bèn nổi giận, đến nắm tay lôi ra ngoài cửa. Mọi người đều mắng:

“Đây là con đũa tiện tỳ! Chư thiên và người đời chưa ai dám ngồi trong đó. Con đũa của tiện tỳ này lại dám vào trong đó ngồi.”

Rồi họ xô đẩy thái tử Lưu-ly ngã lăn ra đất. Thái tử Lưu-ly chống đất đứng dậy, thở dài, quay ra sau. Khi ấy, có con bà-la-môn tên Hảo Khổ. Thái tử Lưu-ly nói với con bà-la-môn Hảo Khổ:

“Dòng họ Thích này đã hủy nhục ta đến như vậy. Nếu sau này khi ta lên ngôi vua, ngươi hãy nhắc lại ta việc này.”

Lúc ấy, con bà-la-môn Hảo Khổ đáp:

“Như lời Thái tử dạy”.

Mỗi ngày ba lần, con bà-la-môn kia bạch với thái tử:

“Hãy nhớ nỗi nhục họ Thích. Rồi nói kệ này:

*Tất cả sẽ diệt tận.
Quả chín cũng sẽ rơi.
Tập hợp ắt sẽ tan.
Có sinh ắt có tử.*⁶

Sau khi sống hết tuổi thọ, bấy giờ vua Ba-tu-nặc băng hà,

⁶ Thường xuyên dẫn, xem *Hữu bộ tỳ nại da* 6 T23 tr. 654c13: 積聚皆銷散 崇高必墮落 合會終別離 有命咸歸死 tích tụ giai tiêu tán, sùng cao tất đoạ lạc, hội hiệp chung biệt ly, hữu mạng hàm quy tử.

liên lập thái tử Luru-ly làm vua.⁷ Lúc ấy, bà-la-môn Hảo Khô⁸ đến chỗ vua nói rằng:

“Vua nên nhớ, xưa bị họ Thích hủy nhục.”

Vua Luru-ly nói:

“Lành thay, lành thay! Khéo nhớ việc xưa.”

Lúc này, Vua Luru-ly nổi sân giận, bảo các quần thần:

“Nay, ai là vua của nhân dân?”

Quần thần tâu:

“Hiện nay, Đại vương thống lĩnh.”

Vua Luru-ly nói:

“Các người, hãy mau chuẩn bị tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt họ Thích.”

Quần thần đáp:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Quần thần tuân lệnh vua tập hợp binh bốn bộ. Vua Luru-ly dẫn binh bốn bộ đi đến Ca-tỳ-la-vệ.⁹

Khi các Tỳ-kheo nghe tin vua Luru-ly đi chinh phạt họ Thích, họ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Sau khi nghe những lời này xong, Thế Tôn liền đến đón vua Luru-ly ở dưới gốc một cây khô, [691a01] không có cảnh

⁷ *Hữu bộ tì-nại-da tập sự* 8 T24 tr, 238c1: Cuối đời, Ba-tư-nặc bị đại thần Trường Hành âm mưu với thái tử Tỳ-lu-ly soán ngôi. Tài liệu Pāli, *Truyện Pháp cú*, phẩm Hoa, kệ số 4, DhA. i. 355.

⁸ Hảo khô. Đồng nhất với Pāli: Dīghakārāyaṇa.

⁹ Trong bản: Ca-tỳ-la-việt 迦毘羅越. Trên kia, Ca-tỳ-la-vệ.

lá, ở trong tư thế ngồi kiết già.

Vua Luru-ly từ xa thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe, đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Luru-ly bạch Thế Tôn:

“Còn có cây tốt, cành lá sum suê như cây ni-câu-lưu chẳng hạn, sao ngồi dưới cây khô này?”

Thế Tôn bảo:

“Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.”

Lúc ấy, vua Luru-ly liền nghĩ thầm:

“Hôm nay, Thế Tôn vẫn còn vì thân tộc. Vậy hôm nay ta nên quay về bổn quốc, không nên đến chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.”

Vua Luru-ly liền cáo từ lui binh. Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu vua:

“Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục.”

Sau khi nghe những lời này rồi, vua Luru-ly lại nổi giận, bảo quần thần:

“Các khanh hãy mau chuẩn bị, tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.”

Quần thần liền tập hợp binh bốn bộ, kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ chinh phạt họ Thích.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đến bạch Thế Tôn:

“Nay vua Luru-ly đang hưng binh đến chinh phạt họ Thích.”

Nghe những lời này, Thế Tôn liền dùng thân túc đến ngồi dưới gốc cây cạnh đường. Tỳ-lưu-ly từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe đến chỗ Thế

Tăng nhất A-hàm

Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Luru-ly bạch Thế Tôn:

“Còn có cây tốt, sao lại không ngồi ở đó, hôm nay, Thế Tôn có gì ngồi dưới cây khô này?”

Lúc ấy, Thế Tôn nói:

“Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bóng mát của thân tộc,
Họ Thích xuất hiện Phật;
Đều là cành nhánh Ta;
Nên ngồi dưới cây này.*

Lúc ấy, vua Luru-ly liền nghĩ thầm: “Hiện tại, Thế Tôn xuất thân từ họ Thích. Ta không nên đến chinh phạt. Phải nên quay về bốn quốc.” Rồi, vua Luru-ly liền trở về thành Xá-vệ.

Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu với vua:

“Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục!”

Vua Luru-ly nghe những lời này rồi, lại tập hợp binh bốn loại kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ. Đại Mục-kiền-liên khi nghe vua Luru-ly đi chinh phạt dòng họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, [691b01] Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

“Hôm nay, vua Luru-ly tập hợp binh bốn bộ đến tấn công họ Thích. Nay con có khả năng khiến cho vua Luru-ly cùng binh bốn bộ bị ném sang thế giới phương khác.”

Thế Tôn nói:

“Người há có thể đem duyên đời trước của họ Thích đặt sang thế giới khác hay sao?”

Mục-liên bạch Phật:

“Con thật sự không thể đem duyên đời trước đặt sang thế giới khác.”

Bảy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Ngươi hãy trở về chỗ ngồi.”

Mục-liên lại bạch Phật:

“Nay con có thể dời thành Ca-tỳ-la-vệ này đặt giữa hư không.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ngươi có thể dời duyên đời trước của họ Thích đặt giữa hư không hay không?”

Mục-liên đáp:

“Không, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Mục-liên:

“Vậy ngươi hãy trở về chỗ của mình.”

Lúc ấy, Mục-liên lại bạch Phật:

“Cúi xin cho phép dùng lồng sắt che bên trên thành Ca-tỳ-la-vệ.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Mục-liên, ngươi có thể dùng lồng sắt che đầy duyên đời trước không?”

Mục-liên bạch Phật:

“Không, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Mục-liên:

“Nay ngươi trở về chỗ của mình. Hôm nay duyên đời

Tăng nhất A-hàm

trước của họ Thích đã chín, nay phải chịu báo.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Muốn hư không thành đất,
Đất lại thành hư không.
Bị duyên trước trời buộc;
Duyên này không mục hư.*

Bấy giờ, vua Luru-ly đến Ca-tỳ-la-vệ. Những người dòng họ Thích nghe vua Luru-ly dẫn binh bốn bộ đến tấn công. Họ liền tập trung chúng bốn bộ trong vòng một do tuần đến đón vua Luru-ly.

Các Thích tử trong vòng một do tuần, từ xa bắn vua Luru-ly, hoặc bắn lỗ tai nhưng không tổn thương tai ông, hoặc bắn búi tóc nhưng không tổn thương đầu ông, hoặc bắn gãy cung, hoặc bắn đứt dây cung nhưng không hại người ông, hoặc bắn áo giáp nhưng không hại người ông, hoặc bắn giường ghế nhưng không hại người ông, hoặc bắn phá bánh xe nhưng không hại người ông, hoặc phá cờ xí nhưng không hại người ông. Sau khi thấy sự việc như vậy, vua Luru-ly liền sinh lòng sợ hãi, bảo quần thần:

“Các người xem những mũi tên này từ đâu đến?”

Quần thần tâu:

“Các Thích tử cách đây trong vòng một do tuần bắn tên đến!”

Vua Luru-ly nói:

“Nếu họ khởi tâm muốn hại ta thì mọi người đã nhận lấy cái chết hết rồi. Ngay tức khắc hãy quay về Xá-vệ!”

Lúc ấy, bà-la-môn Hảo Khô đến trước tâu vua:

“Đại vương chớ lo! Các Thích tử này đều giữ giới,

[691c01] còn trùng họ còn không hại huống là hại người. Nay nên tiến lên trước ắt tiêu diệt được họ Thích.”

Vua Luru-ly từ từ tiến lên về phía họ Thích kia. Những người họ Thích lui vào thành. Vua Luru-ly, ở ngoài thành bảo họ rằng:

“Các người hãy mau mở cửa thành! Nếu không, ta sẽ bắt các người giết hết.”

Bấy giờ, thành Ca-tỳ-la-vệ có đồng tử họ Thích mới mười lăm tuổi, tên Xa-ma, nghe vua Luru-ly đang ở bên ngoài cửa, liền mặc giáp, cầm gậy lên trên thành một mình chiến đấu với vua Luru-ly. Lúc ấy, đồng tử Xa-ma giết hại nhiều binh lính làm họ chạy tán loạn và nói:

“Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Từ xa trông giống như một cậu bé!”

Vua Luru-ly sinh lòng sợ hãi, liền vào trong hầm để tránh.

Khi các Thích tử nghe binh chúng của vua Luru-ly bị giết hại, các Thích tử liền gọi đồng tử Xa-ma bảo rằng:

“Người tuổi trẻ ấu thơ, sao cố ý làm nhục gia phong chúng ta? Há không biết các Thích tử tu hành pháp lành sao? Chúng ta, đến còn trùng còn không thể hại, huống lại là mạng người ư? Chúng ta có thể phá tan quân lính này, một người địch vạn người, song chúng ta lại nghĩ thẳm: ‘Sát hại chúng sanh vô số kẻ như vậy.’ Thế Tôn đã từng dạy: ‘Phàm người giết mạng người, chết sẽ vào địa ngục. Nếu sinh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn.’ Người hãy mau đi đi, không ở đây nữa. Đồng tử Xa-ma liền bỏ nước ra đi, không vào Ca-tỳ-la-vệ nữa.

Lúc ấy, vua Luru-ly lại đến giữa cửa nói người kia:

“Hãy mau mở cửa thành, đừng để ta đợi lâu!”

Lúc ấy, các Thích tử tự nói với nhau:

“Nên cho mở cửa thành hay không nên?”

Bấy giờ, tặc ma Ba-tuần giả hình làm một Thích tử ở trong chúng họ Thích, nói các Thích tử:

“Các vị hãy mau mở cửa thành. Đừng để hôm nay chúng ta phải cùng chịu khổn.”

Lúc ấy, các Thích tử liền cho mở cửa thành. Bấy giờ, vua Luru-ly liền bảo quần thần:

“Hiện nhân dân dòng họ Thích này đông, đao kiếm không thể giết hết, hãy bắt hết chôn xuống đất, sau đó cho voi dữ dẫm chết.”

Quần thần vâng theo lệnh của vua, cho voi dẫm chết họ. Đồng thời, vua Luru-ly bảo quần thần:

“Các người hãy mau tuyển chọn năm trăm người nữ họ Thích, tay chân mặt mày xinh đẹp.”

Các đại thần vâng lệnh vua, tuyển chọn năm trăm người nữ xinh đẹp, dẫn đến chỗ vua.

Khi ấy [692a01] Ma-ha-nam Thích tử đến chỗ vua Luru-ly nói rằng:

“Hãy cho tôi một ước nguyện”

Vua Luru-ly nói:

“Ông muốn có ước nguyện gì?”

Ma-ha-nam nói:

“Tôi sẽ lặn xuống đáy nước, theo độ chậm nhanh của tôi, cho những người họ Thích đều được chạy trốn. Nếu tôi ra khỏi mặt nước, thì tùy ý giết họ.”

Vua Luru-ly nói:

“Việc ấy thật tốt!”

Thích Ma-ha-nam liền xuống đáy nước, lấy tóc đầu buộc vào rễ cây mà qua đời. Bấy giờ, các Thích tử trong thành Ca-tỳ-la-vệ, ra từ cửa đông, lại vào từ cửa nam; ra từ cửa tây, lại vào cửa bắc.

Vua Luru-ly bảo quần thần:

“Ông ngoại Ma-ha-nam, vì có gì ẩn ở dưới nước, đến giờ chưa ra khỏi?”

Bấy giờ, quần thần nghe theo lệnh vua, liền xuống dưới nước kéo Ma-ha-nam lên, nhưng ông đã chết. Khi vua Luru-ly thấy Ma-ha-nam đã chết, lúc này vua mới sanh tâm hối hận:

“Nay ông ngoại ta đã chết đều do thương thân tộc, ta đã không biết trước, nên để ông mất. Nếu biết trước, dứt khoát không đến công phật dòng họ Thích này.”

Lúc ấy, vua Luru-ly đã giết chín nghìn chín trăm chín mươi chín vạn người, máu chảy thành sông và thiêu rụi thành Ca-tỳ-la-vệ. Rồi ông đi đến vườn ni-câu-lưu.

Lúc ấy, vua Luru-ly bảo với năm trăm người nữ dòng họ Thích rằng:

“Các khanh yên tâm, chớ sầu lo. Ta là chồng các khanh, các khanh là vợ ta, cốt phải hợp nhau.”

Vua Luru-ly tiện đưa tay nắm một người nữ họ Thích muốn đùa chơi. Thời người nữ hỏi:

“Đại vương định làm gì?”

Thời vua đáp:

Tặng nhất A-hàm

“Muốn giao tình cùng khanh”

Cô đáp vua:

“Vì sao nay ta lại giao tình với loại nô tỳ sinh?”

Vua Luru-ly nổi cơn tức giận, ra lệnh cho quần thần:

“Mau bắt người nữ này, chặt tay chân nó ném vào hầm sâu.”

Các đại thần theo lệnh vua, chặt tay chân cô ném vào hầm sâu. Năm trăm người nữ đều máng nhà vua rằng:

“Ai đem thân này cùng giao thông với loại con đẻ của nô tỳ!”

Vua tức giận, bắt hết năm trăm người nữ, chặt tay chân họ ném vào hầm sâu. Vua Luru-ly sau khi hủy hoại Ca-tỳ-la-vệ xong, trở về thành Xá-vệ.

Bảy giờ, thái tử Kỳ-đà đang cùng các kỹ nữ vui đùa trong thâm cung. Nghe tiếng ca hát, vua Luru-ly liền hỏi:

“Đây là âm thanh gì [692b01] mà vang đến nơi đây?”

Quần thần đáp:

“Đó là tiếng đàn hát để tự vui chơi của vương tử Kỳ-đà ở trong thâm cung.”

Vua Luru-ly liền bảo người hầu:

“Khanh hãy quay voi này đến chỗ vương tử Kỳ-đà.”

Người giữ cửa từ xa thấy vua đến, tâu rằng:

“Xin vua thông thả một chút, vương tử Kỳ-đà hiện đang vui với năm thứ lạc ở trong cung, đừng có gây phiền phức.”

Vua Luru-ly liền rút kiếm giết người giữ cửa. Lúc ấy, vương tử Kỳ-đà nghe vua Luru-ly đang đứng ở ngoài cửa, không từ giả các kỹ nữ, liền ra ngoài để gặp vua:

“Vui thay, Đại vương đến! Đại vương hãy vào nghỉ ngơi một lát.”

Vua Luru-ly nói: “Há ngươi không biết ta với họ Thích đánh nhau sao?”

Kỳ-đà đáp:

“Có nghe!”

Vua Luru-ly nói:

“Nay vì sao ngươi không giúp ta mà cùng với kỹ nữ đùa giỡn?”

Vương tử Kỳ-đà đáp:

“Ta không thể giết hại mạng chúng sanh!”

Vua Luru-ly hết sức tức giận liền rút kiếm chém hại vương tử Kỳ-đà. Sau khi mạng chung, vương tử Kỳ-đà sanh lên cõi trời Tam thập tam, vui đùa cùng năm trăm thiên nữ.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy vương tử Kỳ-đà mạng chung, đã sinh lên trời Tam thập tam, liền nói kệ này:

*Thọ phước trong trời người,
Đức vương tử Kỳ-đà.
Làm lành, sau hưởng báo;
Đều do hiện báo nên.*

*Đây lo, kia cũng lo,
Luru-ly lo hai nơi;
Làm ác sau nhận ác;
Đều do hiện báo nên.*

*Phải nương vào phước đức,
Trước làm sau cũng vậy.*

*Hoặc là làm một mình,
Hoặc làm người không biết.*

*Làm ác, có biết ác;
Trước làm, sau cũng vậy.
Hoặc là làm một mình,
Hoặc làm người không biết.*

*Hưởng phước trong trời người,
Hai nơi đều hưởng phước;
Làm lành sau hưởng báo,
Đều do hiện báo nên.¹⁰*

*Đây lo, kia cũng lo,
Làm ác buồn hai nơi;
Làm ác sau nhận báo,
Đều do hiện báo nên.¹¹*

[692c01] Lúc ấy, năm trăm thiếu nữ dòng họ Thích quay về kêu gào danh hiệu Như Lai và nói rằng:

“Như Lai sanh ra ở đây và cũng từ chốn này xuất gia học đạo, sau đó thành Phật, vậy mà hôm nay Phật hoàn toàn không thấy, không nghĩ biết chúng ta đang gặp khổ não này, chịu sự đau đớn này. Vì sao Thế Tôn lại không thấy, không nghĩ?”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ thông suốt, nghe những người nữ họ Thích oán trách hướng về Phật. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy đến hết đây, cùng đi quán sát Ca-tỳ-la-vệ và để thăm những người thân đang qua đời.”

¹⁰ Cf. Dhp. 18.

¹¹ Cf. Dhp. 15.

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến Ca-tỳ-la-vệ. Khi năm trăm người nữ họ Thích từ xa thấy Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến, đều sinh lòng hổ thẹn.

Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương ở sau Thế Tôn quạt hầu. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Các người nữ họ Thích đều sinh lòng hổ thẹn.”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng thiên y che lên thân thể năm trăm người nữ này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương:

“Những người nữ này đói khát đã lâu ngày, nên làm điều gì cho thích hợp.”

Tỳ-sa-môn Thiên vương bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Đồng thời, Tỳ-sa-môn Thiên vương bày thức ăn trời tự nhiên cho các thiếu nữ họ Thích đều được đầy đủ. Thế Tôn tuần tự nói pháp vi diệu cho các cô. Thế Tôn dạy:

“Các pháp đều phải ly tan. Có hội ngộ thì có biệt ly. Các cô nên biết, năm thủ uẩn này đều phải chịu các nỗi khổ đau này, rơi trong năm đường. Phạm nhận thân năm uẩn tất phải chịu hành báo này. Đã có hành báo, tất phải thọ thai. Đã thọ thai phần, lại phải chịu báo khổ vui. Nếu ai không có năm thủ uẩn, tất không thọ nhận hình hài nữa.

Tăng nhất A-hàm

Nếu không thọ nhận hình hài thì không có sinh. Vì không có sinh nên không có già. Vì không có già nên không có bệnh. Vì không có bệnh nên không có chết. Vì không có chết nên không có khổ não của hội ngộ, biệt ly. Cho nên, các cô phải nghĩ đến sự biến đổi thành bại của năm uẩn này. Vì sao vậy? Vì biết năm uẩn là biết năm dục. Biết năm dục là biết pháp ái, biết pháp ái là biết pháp đắm nhiễm. Biết các việc này rồi, không còn thọ thai. Vì không thọ thai, không còn sanh, già, bệnh, chết.”

Bấy giờ, Thế Tôn [693a01] lại tuần tự nói pháp này cho các người nữ họ Thích: Ngài luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh thiên; dục là tướng bất tịnh, xuất yếu là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý các cô này đã được khai mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà thuyết. Bấy giờ, những người nữ, các trần cấu hết sạch, được mắt pháp trong sạch, mọi người từ chỗ họ mà qua đời, đều sinh lên trời.

Rồi Thế Tôn đến cửa thành Đông, thấy trong thành lửa cháy dữ dội, liền nói kệ này:

*Tất cả hành vô thường.
Có sinh ắt có tử.
Không sinh thì không tử.
Sự ấy diệt, tối lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy đến hết trong vườn Ni-câu-lưu, theo thứ lớp mà ngồi.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đây là vườn Ni-câu-lưu. Xưa kia ở nơi này Ta vì các Tỳ-kheo rộng nói pháp mầu, nhưng nay trống rỗng không

còn một ai. Ngày xưa, hàng nghìn vạn người đắc đạo, được mất pháp trong sạch ở đây. Từ nay về sau, Như Lai không còn trở lại chốn này.”

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp xong, mọi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, về đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay vua Luru-ly và các binh chúng ở đời sẽ không còn bao lâu. Sau bảy ngày nữa họ sẽ bị tiêu diệt hết.”

Lúc ấy, vua Luru-ly nghe Thế Tôn báo hiệu, vua Luru-ly và binh chúng sau bảy ngày nữa sẽ bị tiêu diệt hết. Nghe vậy, vua lo sợ bảo quần thần:

“Nay Như Lai đã báo hiệu, sau bảy ngày nữa vua Luru-ly và binh chúng sẽ bị tiêu diệt hết. Các ngươi xem, ngoài biên giới có giặc cướp, tai biến nước lửa, đến xâm phạm nước chẳng? Bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai không có hai lời. Lời nói quyết không đổi khác.”

Bà-la-môn Hảo Khổ tâu với vua:

“Vua chớ có lo sợ. Nay bên ngoài không có nạn giặc cướp đáng sợ, cũng không tai biến nước lửa. Hôm nay, Đại vương hãy cứ vui chơi thỏa thích.”

Vua Luru-ly nói:

“Bà-la-môn nên biết, chư Phật Thế Tôn không bao giờ sai lời.”

Vua Luru-ly cho người đếm ngày, đến đầu ngày thứ bảy, Đại vương vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền dẫn

Tăng nhất A-hàm

binh chúng và các thế nữ đến bờ sông A-chi-la¹² mà tự vui chơi và nghỉ đêm ở đó. Vào lúc nửa đêm, bất ngờ mây nổi dậy mưa gió dữ dội. Lúc ấy, vua Luru-ly và binh chúng cùng bị nước cuốn trôi, đều bị tiêu diệt, thân hoại mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Cung điện thành nội lại bị lửa trời thiêu đốt. Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy vua Luru-ly và binh bốn bộ bị nước cuốn trôi, mạng chung tất cả đều vào địa ngục.

Thế Tôn liền nói kệ này:

*Làm việc tối cực ác,
Đều do thân, miệng làm.
Nay thân cũng chịu khổ,
Thọ mạng cũng ngăn ngại.
Nếu khi ở trong nhà,
Thì bị lửa thiêu đốt.
Đến lúc mạng qua đời,
Tất sinh vào địa ngục.*

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Sau khi chết, vua Luru-ly và binh lính sanh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Vua Luru-ly sanh vào địa ngục A-tỳ”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Xưa kia các Thích tử đã tạo ra nhân duyên gì mà nay bị vua Luru-ly làm hại?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngày xưa, trong thành La-duyet này có một thôn đánh

¹² A-chi-la hà. Pāli, Aciravatī, sông chảy ngang qua Xá-vệ. Từ cung điện vua có thể nhìn thấy.

cá. Thời ấy, gặp lúc đói kém, người ăn rế cây, một thặng vàng đổi một thặng gạo. Trong thôn lúc đó có một hồ nước lớn, lại nhiều cá. Mọi người dân trong thành La-duyet đến nơi hồ bắt cá ăn. Vào lúc đó, trong hồ có hai giống cá, một gọi là câu tóa,¹³ hai gọi là lưỡng thiệt.¹⁴ Lúc ấy, hai giống cá nói với nhau: ‘Đối với những người này, trước đây chúng ta không có lỗi lầm. Ta là loài thủy tánh, không ở đất khô. Những người dân này đều đến ăn thịt chúng ta. Bao nhiêu phước đức chúng ta có đời trước, nay sẽ dùng để báo oán này.’

“Lúc ấy, trong thôn có một cậu bé mới tám tuổi, không bắt cá, lại cũng không hại chúng, nhưng cá kia ở trên bờ, tất cả đều bị chết, thấy vậy cậu bé rất là vui mừng.

“Tỳ-kheo nên biết, các người chớ nghĩ nhân dân trong thành La-duyet lúc bấy giờ há là người nào khác, mà nay chính là họ Thích. Cá câu tóa bấy giờ, nay là vua Lưu-ly. Cá lưỡng thiệt bấy giờ, thì nay là bà-la-môn Hảo Khổ. Còn cậu bé thấy cá nằm [693c01] trên bờ mà cười lúc ấy, nay chính là Ta. Bấy giờ, họ Thích ngồi bắt cá ăn. Vì nhân duyên này, nên trong vô số kiếp vào trong địa ngục, nay phải chịu báo này. Lúc ấy, Ta ngồi nhìn mà cười nên nay bị đau đầu giống như bị đá đè, hoặc như đầu đội núi Tu-di. Vì sao vậy? Vì Như Lai vốn không nhận hình hài nữa, đã xả bỏ các hành, vượt qua các ách nạn. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này, nay chịu báo này. Các Tỳ-kheo, hãy giữ thân, miệng, ý hành, hãy niệm cung kính thừa sự người phạm hạnh.

“Các Tỳ-kheo cần phải học những điều này như vậy.”

¹³ Câu tóa 拘瓊, cá móc câu?

¹⁴ Lưỡng thiệt 兩舌, cá hai lưỡi?

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên biết, khi một con dân trời sắp mạng chung, có năm điềm báo ứng hiện ra trước. Năm điềm gì? Một là hoa trên mũi héo, hai là y phục dơ bẩn, ba là thân thể hôi hám, bốn là không thích chỗ ngồi của mình, năm là các thiện nữ tan tác.¹⁵ Đó gọi là năm điềm báo ứng con dân trời sắp mạng chung.”

“Lúc ấy, con dân trời hết sức sầu lo, đấm ngực kêu gào. Bấy giờ, các con dân trời khác lại đến chỗ con dân trời này, nói với vị ấy rằng: ‘Ngài tương lai có thể sinh vào thiện xứ. Đã sinh thiện xứ, tất được thiện lợi. Đã được thiện lợi hãy niệm an xử thiện nghiệp.’ Chư thiên đã giáo thọ vị ấy như vậy.”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Trời Tam thập tam được sanh thiện xứ là thế nào? Tất được thiện lợi là thế nào? An xử thiện nghiệp là thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Đối với chư thiên, cõi người là thiện xứ. Được thiện lợi, là sanh trong nhà chánh kiến, thân cận thiện tri thức, có

¹⁵ Thiên nữ tinh tán 天女星散; trên kia, kinh số 6, phẩm 32, nói là ngọc nữ vi phạm 玉女違叛.

tín căn trong pháp Như Lai. Đó gọi là tất được thiện lợi. Sao gọi là an xử thiện nghiệp? Có tín căn trong pháp Như Lai, cạo bỏ râu tóc, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Khi học đạo, tánh giới đầy đủ, các căn không thiếu, đồ ăn thức uống biết đủ, thường niệm kinh hành, đạt được tam minh. Đó gọi là an xử thiện nghiệp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người, nơi lành của trời.

Bạn lành là thiện lợi.

[694a01] Xuất gia là thiện nghiệp;

Diệt lậu, thành vô lậu.

“Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam say đắm ngũ dục. Họ coi nhân gian là thiện xứ. Ở trong pháp Như Lai được xuất gia là được thiện lợi mà được tam minh. Vì sao vậy? Phật Thế Tôn đều xuất hiện từ cõi người, chẳng phải từ cõi trời mà được. Cho nên, Tỳ-kheo ở đây mạng chung sẽ sinh lên trời.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Tỳ-kheo sẽ sanh theo hướng thiện¹⁶?”

Thế Tôn bảo:

“Niết-bàn chính là định hướng thiện của Tỳ-kheo. Nay Tỳ-kheo, người hãy tìm cầu phương tiện đạt đến Niết-bàn.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶ 善趣 thiện thú, *sugati*.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục. Sao gọi là năm? Một là tóc trên đầu dài. Hai là móng tay dài. Ba là y áo dơ bẩn. Bốn là không biết thời nghỉ. Năm là bàn nói nhiều. Vì sao vậy? Bàn nói nhiều, Tỳ-kheo lại có năm việc. Sao gọi là năm? Một là người không tin lời. Hai không chịu nhận lời dạy. Ba là người không thích gặp. Bốn là nói dối. Năm là gây đấu loạn kia đây. Đó là năm việc xảy ra cho người nói chuyện nhiều. Đó gọi là người bàn nói nhiều có năm việc này. Tỳ-kheo, hãy trừ năm việc này, chớ có tà tướng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la¹⁷ bảo các quần thần:

“Hãy chinh bị xe gắn lông chim báu*. Ta đến thành Xá-vệ thăm viếng Thế Tôn.”

¹⁷ Tần-bà-sa-la 頻毘娑羅. Pāli: Bimbisāra. Trên kia âm là Tỳ-sa; xem kinh 3 phẩm 6.

Quần thần tuân lệnh vua, chỉnh bị xe gắn lông chim báu, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong, xin vua biết thời cho.”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la lên xe gắn lông chim báu ra khỏi thành La-duyet, đi đến thành Xá-vệ, lần hồi đến tỉnh xá Kỳ-hoàn, rồi đi bộ vào tỉnh xá Kỳ-hoàn. Phạm theo phép, vua quán đánh¹⁸ có năm nghi trượng; vua đều cởi bỏ, để sang một bên, rồi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt vì vua mà nói pháp vi diệu. Khi vua nghe pháp xong, bạch [694b01] Thế Tôn:

“Cúi xin Như Lai hãy hạ an cư tại thành La-duyet. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua Tần-bà-sa-la. Khi vua thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, lui đi, trở về thành La-duyet, vào trong cung.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la ở nơi vắng vẻ, nghĩ thầm: “Ta có thể cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng suốt đời ta, y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men chữa bệnh. Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn kia.”

Rồi vua Tần-bà-sa-la bảo quần thần:

“Hôm qua, ta nghĩ thầm như vậy: ‘Ta có thể suốt đời cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng về y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men chữa bệnh.

¹⁸ Nguyên Hán: Thủy quán đầu vương 水灌頭王, vua Quán đánh (Pāli: *muddhābhisitta-rājā*).

Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn. Các khanh hãy đốc suất nhau, theo thứ tự cúng dường Như Lai và các Hiền thi sẽ mãi mãi hưởng phước vô cùng.”

Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt cho xây một giảng đường lớn trước cung điện, rồi bày ra những đồ đựng thức ăn.

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi nước Xá-vệ, dẫn năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi du hóa nhân gian, đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet. Khi vua Tần-bà-sa-la nghe Thế Tôn đi đến trong vườn Trúc Ca-lan-đà, liền lên xe gắn lông chim báu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Con ở nơi yên tĩnh nghĩ thầm như vậy: ‘Như hôm nay, ta có thể bày biện y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.’ Nhưng con nghĩ đến những gia đình thấp kém, liền bảo quần thân: ‘Các vị mỗi người hãy bày biện đồ ăn uống để lần lượt cúng dường Phật.’ Thế nào, Thế Tôn, điều này là nên hay không nên?”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay! Đại vương làm lợi ích cho nhiều người, đã vì trời người mà tạo ruộng phước.”

Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn ngày mai vào cung thọ thực.”

Khi vua Tần-bà-sa-la thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh rồi, liền đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Sáng hôm sau, Thế Tôn khoác y, mang bát vào thành, đến trong cung vua, ngồi theo thứ lớp. Lúc ấy, vua cung cấp thức ăn trăm [694c01] vị, tự tay san sót, vui vẻ không tán loạn. Khi thấy Thế Tôn thọ thực đã xong, đã rửa bát,

vua Tần-bà-sa-la lấy một chiếc ghế thấp đến ngồi phía trước Phật.

Thế Tôn tuân tự vì vua nói pháp vi diệu, khiến vua sanh tâm hoan hỷ. Thế Tôn nói pháp vi diệu cho vua và quần thần, nói các đề tài về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, dâm là uế ác, xuất yếu là an lạc.

Khi Thế Tôn đã biết tâm ý các chúng sanh này đã khai mở, không còn hồ nghi nữa, như pháp mà chư Phật thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà nói hết. Hơn sáu mươi người từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Tần-bà-sa-la cùng các nhân dân mà nói kệ tụng này:

*Tế tự¹⁹, lừa trên hết.
Các sách, kệ là nhất.
Vua, tôn quý loài người.
Các sông, biển là nguồn.
Trong sao, trăng sáng nhất.
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Trong hết thầy vạn vật,
Trời và người thế gian,
Phật là trên tất cả.
Ai muốn cầu phước kia
Hãy nên cúng dường Phật.*

Sau khi nói bài kệ này xong, Phật rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, nhân dân trong thành La-duyet tùy dòng họ sang hèn, theo nhà ít nhiều mà cúng dường cơm cho Phật và Tăng Tỳ-kheo.

¹⁹ Xem kinh 4 phẩm 18.

Tăng nhất A-hàm

Bảy giờ, Thế Tôn ở khu Ca-lan-đà, trong vườn Trúc; nhân dân trong nước không có ai là không cúng dường. Khi ấy, trong thành La-duyet, đến lượt các bà-la-môn cúng dường thức ăn. Các bà-la-môn bèn nhóm họp lại một chỗ, bàn luận rằng:

“Chúng ta mỗi người chi ra ba lượng tiền vàng để mua thức ăn cúng dường.”

Khi ấy trong thành La-duyet có một bà-la-môn tên Kê-đầu, rất là nghèo thiếu, chỉ tự đủ sống còn, không có tiền vàng để góp, liền bị các bà-la-môn đuổi ra khỏi chúng.”

Bà-la-môn Kê-đầu trở về nhà nói với vợ ông:

“Nàng nên biết, hôm nay, ta bị các bà-la-môn trục xuất, không cho ở trong chúng. Vì sao vậy? Vì ta không có tiền vàng.”

[695a01] Người vợ nói:

“Hãy trở vào trong thành năn nỉ người vay nợ, ắt sẽ được. Hẹn với chủ nợ rằng: ‘Sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả nợ thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.’”

Ông bà-la-môn nghe theo lời vợ, liền vào trong thành tìm cầu khắp mọi nơi, vẫn không thể được. Ông trở về nhà nói với vợ:

“Tôi tìm cầu mọi nơi rồi mà không thể được. Nên như thế nào?”

Người vợ nói:

“Phía đông thành La-duyet có đại gia chủ tên là Bất-xa-mật-đa-la, nhiều tiền lắm của, ta có thể đi đến đó mà cầu vay nợ. Xin cho vay ba lượng tiền vàng, sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.”

Bà-la-môn theo lời vợ, đến nói với Bất-xa-mật-đa-la vay tiền vàng, không quá bảy ngày tự sẽ trả lại, nếu không trả thì chính ông và vợ sẽ chịu làm tôi tớ. Bất-xa-mật-đa-la liền trao cho tiền vàng.

Bà-la-môn Kê-đâu đem tiền vàng này về đến chỗ vợ, và bảo:

“Đã được tiền vàng. Phải làm gì cho thích hợp?”

Người vợ nói:

“Hãy đem số tiền này nộp cho chúng.”

Bà-la-môn kia liền đem tiền vàng đến nộp cho chúng. Các bà-la-môn nói với bà-la-môn này:

“Chúng tôi đã chuẩn bị xong, hãy đem tiền vàng này về chỗ cũ, không cần ông ở trong chúng này.”

Bà-la-môn kia liền trở về nhà, đem nhân duyên này nói lại cho vợ. Người vợ nói:

“Hai chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn, tự trình bày hết lòng thành.”

Bà-la-môn dẫn vợ mình đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Người vợ ông cũng đánh lễ sát chân cùng ngồi qua một bên. Rồi bà-la-môn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo bà-la-môn:

“Ông hãy vì Như Lai và Tăng Tỳ-kheo mà bày đồ ăn thức uống đầy đủ.”

Bà-la-môn quay lại bàn kỹ càng với vợ ông. Thời người vợ nói:

“Chỉ làm theo lời Phật dạy, chớ có phân vân.”

Tăng nhất A-hàm

Bây giờ, bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của bà-la-môn.

Bây giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đang chấp tay hầu sau Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Ông hãy giúp bà-la-môn này bày biện thức ăn.”

Thích [695b01] Đề-hoàn Nhân bạch:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương đứng cách Như Lai không xa, dẫn theo các chúng quý thần không kể xiết, từ xa quạt Thế Tôn.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tỳ-sa-môn Thiên vương:

“Ông cũng phải theo giúp bà-la-môn kia bày biện thức ăn này.”

Tỳ-sa-môn Thiên vương đáp:

“Tuân lệnh, thưa Thiên vương!”

Tỳ-sa-môn Thiên vương đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi tự biến mất. Ông hóa làm một người, lãnh năm trăm quý thần, cùng lo bày biện thức ăn. Tỳ-sa-môn Thiên vương ra lệnh cho các quý thần: “Các người hãy gấp vào trong rừng chiên đàn để lấy chiên đàn. Ở trong nhà bếp có năm trăm quý thần làm thức ăn.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử Tụ Tại²⁰:

“Hôm nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đã dựng nhà bếp làm thức ăn cho Phật và Tăng Tỳ-kheo. Ông hãy hóa ra giảng đường cho Phật và Tăng Tỳ-kheo ở trong đó thọ thực.”

Thiên tử Tụ Tại đáp:

“Xin tuân lệnh!”

Rồi thiên tử Tụ Tại theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, cách thành La-duyet không xa, hóa làm giảng đường bằng bảy báu. Bảy báu đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mã não, trân châu, xa cừ. Lại hóa làm bốn cầu thang bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Trên cầu thang vàng thì hóa ra cây bạc, trên cầu thang bạc thì hóa ra cây vàng, rễ vàng, thân bạc, cành bạc, lá bạc. Trên cây vàng thì hóa ra lá bạc, cành bạc. Trên cầu thang thủy tinh thì hóa ra cây lưu ly cũng được trang sức bằng đủ thứ không thể nói hết. Lại dùng đủ loại châu báu mà lót bên trong, dùng bảy báu che lên trên, bốn phía đều treo linh vàng, song các linh này đều phát ra tám loại âm thanh. Lại hóa ra giường, ghế tốt, trải nệm tốt, treo phướn, lọng thêu thùa, hiếm có trên đời. Lúc ấy, họ dùng chiên-đàn ngưu-đầu đốt lửa làm thức ăn, khiến mười hai do tuần cạnh thành La-duyet đều tràn ngập hương thơm ở trong đó. Lúc này, vua nước Ma-kiệt-đà bảo các quần thần:

“Ta lớn lên trong thâm cung từ nhỏ, chưa nghe mùi hương này. Vì có gì lại nghe mùi hương thơm này bên cạnh thành La-duyet?”

Quần thần tâu:

²⁰ Có lẽ nơi khác phiên âm là Tì-thù-yết-ma 毘首羯磨, vị thần kiến trúc của Thiên đế Thích; xem *Đại trí độ* 4 T25 tr. 88a5.

“Đó là ở trong nhà nấu ăn bà-la-môn Kê-đầu. Mà hương chiên-đàn trời là điềm lành ứng hiện.”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la bảo các quần thần:

“Hãy mau chuẩn bị xe gắn lông chim báu. Ta muốn đi đến chỗ Thế Tôn để [695c01] hỏi thăm về việc này.”

Các quần thần tâu:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Vua Tần-bà-sa-la liền đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, vua thấy trong bếp này có năm trăm người đang nấu thức ăn, bèn hỏi:

“Đây là những người nào đang nấu thức ăn vậy?”

Các quý thần mang hình người đáp:

“Bà-la-môn Kê-đầu thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.”

Lúc ấy, nhà vua lại từ xa trông thấy giảng đường cao rộng liền hỏi người hầu:

“Đây là giảng đường do người nào tạo ra? Vì ai tạo ra? xưa nay chưa từng có!”

Quần thần đáp:

“Việc này chúng thần không rõ!”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ đi đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này, vì Phật Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không thấy.’ Lúc này, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

“Trước đây không thấy giảng đường cao rộng này, hôm

nay lại thấy. Xưa nay không thấy nhà bếp sắt này, hôm nay lại thấy. Làm bằng vật gì, và do ai biến ra.?”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương nên biết! Đó là Tỳ-sa-môn Thiên-vương dựng lên nhà bếp và thiên tử Tự Tại dựng lên giảng đường này.”

Lúc ấy, vua nước Ma-kiệt-đà ở trên chỗ ngồi, khóc thương lẫn lộn, không tự chế được. Thế Tôn bảo:

“Sao Đại vương lại thương khóc cho đến như vậy?”

Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

“Con không dám thương khóc, chỉ nghĩ đến nhân dân đời sau không thấy bậc Thánh xuất hiện, người trong tương lai tham đắm của cải vật chất, không có oai đức, ngay đến tên của báu lạ này còn không nghe hưởng gì là thấy! Nay nhờ ơn Như Lai mà có sự biến hóa kỳ lạ xuất hiện ở đời cho nên con thương khóc.”

Thế Tôn bảo:

“Đời tương lai, quốc vương và nhân dân, thật sự sẽ không thấy sự biến hóa này!”

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì quốc vương mà nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Sau khi nghe pháp xong, vua rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo bà-la-môn Kê-đầu:

“Ông hãy xòe bàn tay phải.”

Bà-la-môn Kê-đầu liền xòe bàn tay phải ra. Tỳ-sa-môn Thiên vương trao cho một thỏi vàng và bảo:

“Cầm thỏi vàng này đặt lên đất.”

Tăng nhất A-hàm

Bà-la-môn liền để nó lên đất. Tức thì nó biến thành trăm ngàn lượng vàng. Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo rằng:

“Ông hãy cầm thỏi vàng này vào trong thành mua các loại đồ ăn thức uống mang lại chốn này.”

Theo lời dạy Thiên vương, bà-la-môn liền mang vàng này [696a01] vào thành mua đủ loại đồ ăn thức uống mang về nhà bếp. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương tắm gội bà-la-môn, cho mặc các loại y phục đẹp, tay cầm lư hương và dạy rằng: ‘Đã đến giờ, nay đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố.’

Bấy giờ, bà-la-môn liền vâng theo lời dạy kia, tay bưng lư hương mà bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin chiếu cố.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết đến giờ, liền khoác y, mang bát, dẫn các Tỳ-kheo đến giảng đường, rồi ngồi theo thứ lớp. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng theo thứ tự ngồi.

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu thấy đồ ăn thức uống rất nhiều nhưng chúng Tăng lại ít, đến trước bạch Thế Tôn:

“Hôm nay, đồ ăn thức uống rất nhiều mà chúng Tăng lại ít, không biết phải làm sao?”

Thế Tôn bảo:

“Nay bà-la-môn, ông hãy bưng lư hương này để lên trên đài cao, hướng về các phía Đông, Tây, Nam, Bắc mà khấn rằng:

“Những vị đệ tử của Phật Thích-ca Văn đã được sáu thần thông, A-la-hán lậu tận, xin vân tập hết đến giảng đường này.”

Bà-la-môn bạch:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bảy giờ, bà-la-môn vâng theo lời Phật dạy, liền lên lầu thỉnh các vị A-la-hán lậu tận. Lúc đó, phương Đông có hai mươi một ngàn A-la-hán, từ phương Đông đến giảng đường này. Các phương Nam, Tây, Bắc mỗi phương cũng đều có hai mươi một ngàn vị A-la-hán đến giảng đường này. Lúc này, trên giảng đường có tám vạn bốn ngàn A-la-hán tập hợp ở một chỗ.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la dẫn các quần thần đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân và lễ Tăng Tỳ-kheo. Sau khi bà-la-môn Kê-đầu thấy chúng Tăng rồi, vui mừng hơn hờ không tự chế được, dọn đồ ăn thức uống cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, tự tay san sát, hoan hỷ không tán loạn. Nhưng thức ăn vẫn còn dư.

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu lên trước bạch Phật:

“Hôm nay, con đã cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, nhưng thức ăn hiện vẫn còn dư!”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông có thể thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường bảy ngày.”

Bà-la-môn đáp:

“Thưa vâng, bạch Cù-đàm.”

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

“Nay con thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường trong bảy ngày. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.”

Bảy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc ấy, [696b01]

trong đại chúng có Tỳ-kheo-ni tên là Xá-curu-lợi.²¹ Tỳ-kheo-ni bạch Thế Tôn:

“Nay trong tâm con nghĩ thâm: ‘Có vị đệ tử Phật Thích-ca Vãn, A-la-hán lậu tận nào chưa vân tập đến đây không?’ Con đã dùng thiên nhãn quan sát bốn phương nhưng không thấy ai không đến. Nay trong đại hội này toàn là A-la-hán tập hợp.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Xá-curu-lợi, như lời cô nói, đại hội này toàn là các vị Chân nhân đông, tây, nam, bắc không ai không vân tập.”

Vì nhân duyên này, bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo-ni nào thiên nhãn thấy suốt trong hàng Tỳ-kheo-ni như Tỳ-kheo-ni này hay không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không thấy, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử có thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn, chính là Tỳ-kheo-ni Xá-curu-lợi.”

Lúc này, bà-la-môn Kê-đầu trong bảy ngày cúng dường Thánh chúng y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lại dùng hương hoa rải lên Như Lai. Khi ấy hoa ấy ở giữa hư không kết thành một cái đài lưới châu²² bảy báu. Bà-la-môn khi thấy đài lưới châu,

²¹ Xá-curu-lợi 舍鳩利. Trên kia, kinh 1 phẩm 5, phiên âm: Xa-câu-lê. Pāli: Sakulā.

²² Giao lộ đài 交露臺.

hết sức vui mừng không tự chế được, đến trước bạch Phật:
 “Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con được theo đạo làm
 sa-môn.”

Bây giờ, bà-la-môn Kê-đầu liền được hành đạo. Khi đã
 được hành đạo, các căn tịch tĩnh, tự tu luyện chí mình,
 trừ bỏ ngủ nghỉ. Nếu mắt thấy sắc cũng không khởi niệm
 tưởng, nhãn căn ông cũng không tưởng ác hay theo đuổi
 các niệm, mà hộ trì nhãn căn. Hoặc tai nghe tiếng, mũi
 ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết trơn láng, không khởi
 tưởng trơn láng, ý biết pháp cũng vậy.

Rồi ông diệt trừ năm cái vốn che lấp tâm người, khiến
 người không trí huệ. Cũng không ý sát hại, mà tịnh tâm
 mình, không giết, không niệm giết, không dạy người giết,
 tay không cầm dao gậy, khởi tâm nhân từ hướng về hết
 thảy chúng sanh. Trừ bỏ việc không cho mà lấy, không
 khởi tâm trộm cắp, giữ ý mình sạch, thường có tâm bố thí
 đối tất cả chúng sanh, khiến cho họ không trộm cắp. Tự
 mình không dâm dật, cũng lại dạy người khiến không
 dâm dật, thường tu phạm hạnh, trong sạch không có vết
 dơ, ở trong phạm hạnh mà thanh tịnh tâm mình. Tự mình
 không vọng ngữ, cũng không dạy người vọng ngữ,
 thường nghĩ chí thành, không có dối trá lừa gạt người đời,
 ở trong đó mà tịnh [696c01] tâm mình. Lại không có nói
 hai lưỡi, không dạy người khiến nói hai lưỡi, nếu nghe lời
 hỏi nơi này không truyền đến nơi kia, hoặc nghe lời nơi
 kia không truyền đến nơi này, ở trong đó mà tịnh ý mình.

Ăn uống biết đủ, không tham đắm mùi vị, không đắm sắc
 màu tươi tốt, không ham mập trắng, chỉ muốn giữ thân
 hình khiến toàn tánh mạng, muốn trừ cảm thọ cũ, khiến
 cảm thọ mới không sinh, tu hành đắc đạo, mãi an trú
 trong đất vô vi. Giống như có người nam, hay nữ dùng

cao mỡ bôi lên mụn ghẻ, chỉ vì muốn trừ khỏi bệnh. Ở đây cũng như vậy, sở dĩ ăn uống biết đủ là muốn cho cảm thọ cũ được trừ, cảm thọ mới không sanh.

Vị ấy sau đó lại hành đạo²³ từ sáng sớm, không mất thời tiết, không mất hành ba mươi bảy đạo phẩm. Khi ngồi, hoặc đi, trừ bỏ thụy miên cái. Đầu đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, trừ bỏ thụy miên cái. Nửa đêm, nằm nghiêng hông phải chắm đất, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm nơi ánh sáng. Cuối đêm, vị ấy hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành mà tịnh ý mình.

Sau khi ăn uống biết đủ, kinh hành không mất thời gian, trừ bỏ dục, tưởng bất tịnh, không các ác hành, vào sơ thiên²⁴ có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và trú sơ thiên. Xả tầm và tứ, nội tâm tĩnh chỉ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trú nhị thiên. Ly hỷ, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân tự cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là xả, niệm, an trú lạc, chứng và trú tam thiên. Diệt khổ lạc, ưu hỷ từ trước đã trừ, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng và trú tứ thiên.²⁵

Với tâm tam-muội,²⁶ thanh tịnh không tỳ vết, cũng đạt được vô sở úy; lại đạt được tam-muội, vị ấy tự nhớ lại việc vô số đời. Vị ấy nhớ lại việc quá khứ hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hàng ngàn vạn đời, thành kiếp bại kiếp,

²³ Hành đạo 行道; đây nên hiểu là kinh hành. Xem kinh 6 phẩm 21 trên, và đoạn tiếp theo dưới.

²⁴ Lưu ý để bản chép nhiều đảo cú so với bình thường, dẫn đến ngắt từ nhầm lẫn, do đó lẫn lộn giữa các thiên.

²⁵ Định cú về bốn thiên, xem kinh 1 phẩm 12 các cht. 42 và tiếp.

²⁶ Tức với tâm đã định tĩnh như trên.

kiếp của thành bại: Ta từng sanh chỗ kia, họ ấy, tên ấy, ăn thức ăn như vậy, hưởng khổ vui như vậy, tuổi thọ dài ngắn, chết ở kia, sanh ở đây; chết ở đây, sanh ở kia, nhân duyên gốc ngọn tất cả đều biết.

Lại với tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, đạt được vô sở úy, vị ấy quán sự sống chết của các loại chúng sanh. Vị ấy lại dùng thiên nhãn quán sát các loại chúng sanh, người sinh, người chết, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ, hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành nghiệp đã gieo; tất cả đều biết. Hoặc có chúng sanh với thân miệng ý tạo ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo [697a01] gốc nghiệp tà, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh với thân miệng ý hành thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, thân hoại mạng chung sinh vào cõi trời, đường lành.

Vị ấy lại dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sanh hoặc đẹp, hoặc xấu, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ; tất cả đều biết, được vô sở úy.

Lại vận dụng tâm lậu tận²⁷, sau đó quán sát khổ này, như thật biết rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, và đây là khổ xuất yếu. Sau khi vị ấy quán sát như vậy rồi, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa,’ phải biết như thật. Lúc ấy, Bà-la-môn Kê-đầu thành A-la-hán.

Tôn giả Kê-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁷ Nên hiểu “hướng tâm đến lậu tận”. Chưa thấy Thánh đế thì chưa thể lậu tận.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có năm sự cực kỳ không thể đạt được.²⁸ Những gì là năm? Vật phải mất mà muốn cho không mất, đó là không thể được. Pháp diệt tận mà muốn cho không diệt tận, đó là không thể được. Pháp già mà muốn cho không già, đó là không thể được. Pháp bệnh mà muốn cho không bệnh, đó là không thể được. Pháp chết mà muốn cho không chết, đó là không thể được.

“Này các Tỳ-kheo, đó là năm sự cực kỳ không thể đạt được. Dù Như Lai xuất thế hay Như Lai không xuất thế, pháp giới vẫn thường trụ như vậy, mà những tiếng sanh, già, bệnh, chết, vẫn không có mục nát, không bị diệt mất. Cái gì sinh ra, cái gì chết đi, đều quay về gốc.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự này khó được. Hãy tìm cầu phương tiện tu hành năm căn. Sao gọi là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đó gọi là, Tỳ-kheo, hành năm căn này, thành Tu-đà-hoàn, Gia gia, Nhất chủng,²⁹ lên nữa thành Tư-đà-hàm, chuyển lên nữa diệt năm kết sử thành A-na-hàm ở trên kia mà nhập Niết-bàn chứ không trở lại đời này nữa, chuyển lên nữa hữu lậu diệt tận thành vô lậu, tâm giải

²⁸ Tham chiếu Pāli. A V 48 Alabbhanīyaṭṭhānasutta (R. iii. 54): *Pañcimāni alabbhanīyāni tñhānāni*, năm sự kiện không thể đạt được. Xem kinh số 7 phẩm 32.

²⁹ Các quả vị Thánh thuộc Tu-đà-hoàn, xem kinh số 7 phẩm 28 trên.

thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng, tự an trú, biết như thật rằng không còn thọ thai nữa. Hãy tìm cầu phương tiện trừ bỏ năm sự trước, sau đó tu năm căn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các [697b01] Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng người không thể chữa trị. Sao gọi là năm? Người dùa nịnh không thể chữa trị. Người gian tà không thể chữa trị. Người ác khẩu không thể chữa trị. Người ganh ghét không thể chữa trị. Người không báo đáp không thể chữa trị. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này không thể chữa trị.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người gian tà, ác khẩu,
Ganh ghét, không báo đáp:
Người này không thể chữa,
Bị người trí bỏ rơi.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, thường xuyên hãy học ý chánh, trừ bỏ ganh ghét, tu tập oai nghi, nói năng như pháp, phải biết báo đáp, biết ân nuôi dưỡng kia, ân nhỏ còn không quên huống gì ân lớn. Chớ ôm lòng tham lam bủn xỉn, cũng không tự khen mình, cũng không khinh chê người.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, Thích Đề-hoàn Nhân bảo các trời Tam thập tam rằng: ‘Khi các vị đánh nhau với a-tu-la, nếu a-tu-la thua, chư thiên thắng, các vị hãy bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la³⁰ trói năm chỗ rồi dẫn đến đây.’ Trong lúc đó, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại bảo với các a-tu-la rằng: ‘Hôm nay, các khanh đánh nhau với chư thiên, nếu thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân trói lại đưa đến đây.’

“Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy hai bên đánh nhau, chư thiên thắng, a-tu-la thua. Bấy giờ, trời Tam thập tam bắt trói vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đem đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đặt ở ngoài trung môn. Khi xem xét mình bị trói năm chỗ, vua a-tu-la nghĩ thầm: ‘Pháp chư thiên là chánh³¹. Hành vi của a-tu-la là phi pháp. Nay ta không thích a-tu-la, mà sẽ ở tại cung chư thiên này.’ Khi ấy, do suy nghĩ rằng: ‘Pháp chư thiên là [697c01] chánh. Hành vi của a-tu-la là phi pháp. Ta muốn ở chốn này.’ Vừa nghĩ như vậy, tức thì vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền cảm thấy thân không còn bị trói, ngũ dục tự vui thích. Nhưng khi vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như vậy,

³⁰ Tỳ-ma-chất-đa-la 毘摩質多羅. Pāli: Vepacitti (Skt. Vemacitra, *Mahāvīyutpatti* 172, 3393)

³¹ Đề bản: Chính 整. TNM: Chánh.

rằng: ‘Chư thiên là phi pháp. Pháp a-tu-la là chánh. Ta không cần trời Tam thập tam này. Ta muốn trở về cung a-tu-la.’ Tức thì, thân vua a-tu-la bị trói năm chỗ, ngũ dục vui thích tự nhiên biến mất.

“Tỳ-kheo nên biết, không có sự trói buộc nào chặt hơn đây. Nhưng so đây, sự trói buộc của Ma còn chặt hơn. Nếu khởi kết sử, là bị Ma trói buộc. Dao động, bị Ma trói buộc. Bất động, không bị Ma trói buộc. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện khiến tâm không bị trói buộc, nên vui thích nơi nhàn tĩnh. Vì sao vậy? Vì các kết sử này là cảnh giới của Ma. Nếu có Tỳ-kheo nào ở cảnh giới Ma thì quyết không thể thoát sanh, già, bệnh, chết, không thoát sầu ưu khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Nếu Tỳ-kheo tâm không dao động, không dính kết sử, liền thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo, khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này: không có kết sử, vượt ra khỏi cõi Ma.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi bạch Thế Tôn:

“Phàm nói là tận thì những pháp gì gọi là tận?”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“A-nan, sắc do nhân duyên vô vi mà có tên này. Vô dục, vô vi, gọi là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận, được gọi là diệt tận. Thọ, tưởng, hành, thức, vô vi, vô tác, đều là pháp diệt tận, vô dục, vô nhiễm ô. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận.

“A-nan nên biết, năm thủ uẩn vô dục, vô tác, là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận. Năm thủ uẩn này vĩnh viễn đã diệt tận, không sanh trở lại nữa nên gọi là diệt tận.”

Các Tỳ-kheo, sau khi A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

[698a01] Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Đức Thế Tôn:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có nhân duyên gì, có hành vi nào đời trước khiến cho loài người này có tận, có diệt, có giảm thiểu? Xưa là thành quách, hôm nay đã hoại vong. Xưa có người dân, hôm nay bãi hoang?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, nên biết, do những hành động của nhân dân này phi pháp nên khiến xưa có thành quách hôm nay bị ma diệt, xưa có người dân hôm nay bãi hoang, đều do dân sống xan tham trói buộc, quen hành ái dục đưa đến, khiến cho mưa gió không đúng thời, gieo trồng hạt mầm không phát triển. Lúc đó, nhân dân chết đầy đường.

“Bà-la-môn nên biết, do nhân duyên này nên đất nước bị hủy hoại, nhân dân không đông đúc.

“Lại nữa, Bà-la-môn, việc làm của con người là phi pháp gây nên sấm, sét, chớp giạt tự nhiên; trời giáng mưa đá phá hoại mùa màng. Bây giờ, người dân chết khó kể xiết.

“Lại nữa, Bà-la-môn, những việc làm của con người phi pháp, đấu tranh lẫn nhau, hoặc dùng nắm tay đâm nhau, hoặc gạch đá ném nhau, mọi người tự táng mạng mình.

“Lại nữa, Bà-la-môn, con người ấy đã đánh nhau nên chỗ ở mình không yên, quốc chủ không an ninh. Họ khởi binh chúng công phạt lẫn nhau, dẫn đến nhiều người chết khó tả, hoặc có người bị đao, hoặc có người bị tên bắn chết. Như vậy, này Bà-la-môn, do những nhân duyên này, khiến số người giảm bớt, không đông đúc lại được.

“Lại nữa, Bà-la-môn, vì những việc làm của con người là phi pháp, nên khiến thần kì không giúp cho được thuận tiện, hoặc gặp khốn ách tật bệnh nằm liệt giường, người trừ khỏi thì ít, người dịch chết thì nhiều. Này Bà-la-môn, đó gọi là vì nhân duyên này khiến dân giảm thiểu, không còn đông đảo nữa.

Bây giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Những gì Cù-đàm nói thật là hay thay, khi nói về ý nghĩa giảm thiểu của con người xưa này. Đúng như lời Như Lai dạy, xưa có thành quách, hôm nay đã ma diệt, xưa có nhân dân, nay là bãi hoang. Vì sao vậy? Vì có phi pháp, liền sanh tham lam, ganh ghét. Vì sanh tham lam, ganh ghét nên sanh nghiệp tà. Vì nghiệp tà nên trời mưa không đúng thời, ngũ cốc không chín, nhân dân không mạnh, cho nên khiến phi pháp lưu hành, trời giáng tai biến, bại hoại mầm sanh. Vì họ hành phi pháp, ham đắm

tham lam, ganh ghét. Bấy giờ, quốc chủ [698b01] không an ninh, họ dấy binh chúng công phạt lẫn nhau, người chết không thể kể, nên khiến đất nước hoang tàn, nhân dân ly tán.

“Những gì Thế Tôn nói hôm nay thật là hay thay! Do phi pháp nên đưa đến tai họa này. Giả sử bị người khác bắt, và bị giết chết. Đó là do phi pháp nên sanh tâm trộm cắp. Đã sanh trộm cắp, sau đó bị vua giết. Vì sanh tà nghiệp nên bị phi nhân chi phối. Vì nhân duyên này nên mạng chung, nhân dân giảm thiểu, nên khiến không có thành quách để cư trú.

“Thưa Cù-đàm, những gì Ngài nói hôm nay là quá nhiều. Giống như người gù được thẳng, người mù được đôi mắt, trong tối được sáng, người không có mắt làm cho có đôi mắt. Nay, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện để thuyết pháp. Nay con lại xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, xin cho phép làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không dám sát sanh nữa. Nếu Sa-môn Cù-đàm gặp con cỡi voi, cỡi ngựa, mà thấy con bày vai hữu, cúi xin Thế Tôn nhận sự lễ bái của con; đó là do sự cung kính của con. Vì sao vậy? Vì con được các vị vua như Ba-tư-nặc, vua Tần-bà-sa-la, vua Ưu-điền, vua Ác Sanh, vua Ưu-đà-diên ban cho phước thọ phạm³². Con sợ mất cái đức này. Nếu lúc con đi bộ mà thấy Cù-đàm đến, con sẽ cởi bỏ giày, cúi xin Thế Tôn nhận con lễ bái.”

Bấy giờ, Thế Tôn gật đầu chấp nhận. Bà-la-môn Sanh Lậu vui mừng hớn hở, không tự kèm chế được, đến trước bạch với Phật:

³² Thọ phạm chi phước 受梵之福; dịch nghĩa đen, từ gốc Pāli: *Brahmadeyya*: Tặng phẩm của Phạm thiên, chi ân tứ hay phong ấp mà vua chúa ban cho.

“Nay con lại xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Thế Tôn cho phép con làm ưu-bà-tắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì ông nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Bà-la-môn sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bà-la-môn Sanh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³³

³³ Bản Hán, hết quyển 26.

35. PHẨM TÀ TỤ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người ở trong tụ tà kiến, người ấy có hình dáng như thế nào? Mặt mũi như thế nào?”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai là vua các pháp, là chí tôn các pháp. Lành thay, Thế Tôn, hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Các người hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì các người phân biệt nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Người ở trong tụ tà cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này sống trong tụ tà. Sao gọi là năm? Nên cười mà không cười, lúc nên hoan hỷ mà không hoan hỷ, nên khởi lòng từ mà không khởi lòng từ, làm ác mà không hổ, nghe lời thiện của người mà không để ý. Nên biết người này ở ở trong nhóm tà. Nếu chúng sanh nào ở trong nhóm tà, người ấy cần được nhận biết bằng năm sự này để biết.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào ở trong nhóm chánh, người ấy có tướng mạo như thế nào? Có nhân duyên gì?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Nhu Lai là vua các pháp, là chỉ tôn các pháp. Cúi xin Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Các người hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì các người phân biệt nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Người ở trong tỵ chánh cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này đang ở trong tỵ chánh. Sao gọi là năm? Nên cười thì cười, nên hoan hỷ thì hoan hỷ, nên khởi lòng từ thì khởi lòng từ, đáng hổ thì hổ, nghe lời thiện liền chú ý. Nên biết người này đã ở trong tỵ chánh. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy nên bỏ tỵ tà, ở trong tỵ chánh.

[699a01] “Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây

Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“N hư Lai xuất hiện ở đời tất sẽ vì năm việc. Sao gọi là năm? Một là sẽ chuyển Pháp luân; hai là sẽ độ cha mẹ; ba là dựng tín tâm cho người không tín tâm; bốn là người chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát; năm, sẽ thọ ký cho Phật tương lai. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời thì sẽ làm năm việc này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy khởi tâm từ đối với Như Lai.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm sự vật mà huệ thí không được phước kia. Sao gọi là năm? Một là lấy đao thí cho người; hai là lấy độc thí cho người; ba là đem bò hoang thí cho người; bốn là đem dâm nữ thí cho người; năm là tạo miếu thờ thần. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự bố thí này không có phước.

“Các Tỳ-kheo nên biết, lại có năm sự vật mà huệ thí được phước lớn. Sao gọi là năm? Một là tạo lập công viên; hai là trồng cây rừng; ba là bắc cầu đò; bốn là tạo làm thuyền lớn; năm là tạo lập dựng nhà cửa, nơi ở cho quá khứ và tương lai. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự vật khiến được phước đức kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thí vườn rừng mát mẻ;
Và xây dựng cầu đò;
Thuyền giúp người vượt sông;
Còn xây phòng ốc tốt:
Người kia trong đêm ngày
Sẽ thường hưởng phước ấy.
Giới, định đã thành tựu,
Người này ắt sanh thiên.¹*

“Cho nên, các Tỳ-kheo hãy niệm tu hành năm sự huệ thí này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ có năm sức mạnh xem thường [699b01] chồng. Những gì là năm? Một là sức mạnh của sắc đẹp, hai là sức mạnh của dòng họ, ba là sức mạnh của ruộng vườn, bốn là sức mạnh của con cái, năm là sức mạnh của tiết hạnh. Đó là năm sức mạnh của người nữ.

“Tỳ-kheo nên biết, người nữ dựa vào năm sức mạnh này mà xem thường chồng. Nếu chồng lại có một sức mạnh thì sẽ phủ lấp hết người nữ kia. Một sức mạnh ấy là gì?

¹ Như bài kệ trong kinh 11 phẩm 19, với một ít chi tiết bất đồng.

Đó là sức mạnh của giàu sang. Phàm là người giàu sang thì sức mạnh của sắc không sánh bằng; dòng họ, ruộng vườn, con cái, tiết hạnh cũng không bằng. Do một sức lực mà thắng ngàn ấy sức mạnh.

“Nay ác ma Ba-tuần cũng có năm sức mạnh. Những gì là năm? Đó là sức mạnh sắc, sức mạnh thanh, sức mạnh hương, sức mạnh vị, sức mạnh xúc². Phàm người ngu si đắm các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc nên không thể vượt qua cảnh giới ma Ba-tuần. Thánh đệ tử thành tựu một sức mạnh thì có thể thắng ngàn ấy sức mạnh. Một sức mạnh ấy là gì? Đó là sức mạnh không phóng dật. Nếu Hiền Thánh đệ tử thành tựu không phóng dật, không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc câu thúc. Do không bị năm dục trói buộc nên có khả năng phân biệt pháp sanh, già, bệnh, chết, thắng được năm sức mạnh của ma, không rơi vào cảnh giới ma, vượt khỏi các nạn sợ hãi, đến chỗ vô vi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Giới, đường đến cam lồ,
Phóng dật, dẫn lối chết.
Không tham thì không chết
Mất đường là tự mất.³*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy niệm tưởng tu hành không phóng dật.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

² Nguyên Hán: Tế hoạt 細滑 mịn láng.

³ Bài kệ đã dẫn trên, xem kinh 2 phẩm 10, cht. 4.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ có năm tướng dục. Những gì là năm? Một là sanh trong nhà hào quý, hai là được gả vào nhà giàu sang, ba là chồng của ta làm theo lời, bốn là có nhiều con cái, năm là độc quyền trong nhà do mình. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người nữ có năm sự đáng tưởng muốn này.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo của Ta cũng có năm sự đáng tưởng muốn. Sao gọi là năm? Đó là cấm giới, đa văn, thành tựu tam-muội, trí huệ, trí huệ giải thoát. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có [699c01] năm sự này là pháp đáng muốn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nguyện sanh dòng hào tộc;
Cũng gặp nhà giàu sang;
Có thể sai khiến chồng;
Chẳng phước không khắc được.
Khiến ta nhiều con cái;
Hương hoa tự trang sức;
Tuy có tướng niệm này,
Chẳng phước không khắc được.*

*Tín giới mà thành tựu;
Tam-muội không lay động,
Trí huệ cũng thành tựu;
Biếng nhác, không đạt được.
Muốn chứng đắc đạo quả.*

*Không dạo vực sanh tử;
Mong muốn đến Niết-bàn;
Biếng nhác, không đạt được.*

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện, dần dần tiến về trước, không có thối ý nữa chừng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm trường hợp không nên lễ người. Những gì là năm? Người ở trong tháp, không nên lễ. Người ở trong đại chúng, không nên lễ. Người ở giữa đường, không nên lễ. Người đang ốm đau nằm trên giường, không nên lễ. Người đang ăn, không nên lễ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này không lễ người.

“Lại có năm trường hợp biết đúng thời nên lễ. Những gì là năm? Đó là không ở trong tháp, không ở trong đại chúng, không ở giữa đường, không đau bệnh, lại chẳng phải đang ăn uống, đây nên hướng về lễ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đúng thời mà hành.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở tại Ca-lan-đa trong vườn Trúc, thành La-duyet. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ưu-đầu-bàn⁴:

“Ông hãy vào thành La-duyet xin cho Ta một ít nước nóng. Vì sao vậy? Vì như Ta hôm nay đau cột sống vì bệnh bởi gió⁵.”

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Ưu-đầu-bàn vâng lời Phật dạy, đến giờ khát thực, khoác y, mang bát, vào thành La-duyet xin nước nóng. Tôn giả Ưu-đầu-bàn [700a01] nghĩ như vậy: ‘Thế Tôn có nhân duyên gì sai ta xin nước nóng? Như Lai đã dứt sạch các kết sử, tập hợp các điều lành, vậy mà Như Lai lại nói rằng: Nay Ta bị bệnh gió. Hơn nữa, Thế Tôn lại không cho biết danh tánh nên đến nhà ai.’

Rồi Tôn giả Ưu-đầu-bàn dùng thiên nhãn quán sát các người nam ở thành La-duyet, thấy tất cả đều đáng được độ. Lúc ấy, thấy trong thành La-duyet có gia chủ Tỳ-xá-

⁴ Ưu-đầu-bàn 優頭槃. Có thể đồng nhất với Pāli: Upavāṇa, có thời làm thị giả Phật. Truyện xin nước nóng được kể trong Thag A. (R.ii. 56)

⁵ Tích hoạn phong thống 脊患風痛. Pāli: *vātabādhiko*, bệnh bởi gió, được giải thích là: *vātakkhobhanimittam ābādhiko jāto*, bệnh phát sinh do triệu chứng rối loạn của gió. (Thag A. R. ii. 57). Có lẽ Skt. *vātavyādhī*, chứng bệnh do rối loạn hệ thần kinh. Trong y học cổ truyền Ấn độ, *vāta* hay gió chủ hệ thần kinh.

la⁶ trước đây không trồng căn lành, không có giới, không có tín, tà kiến đối với Phật, Pháp, Tăng, và biên kiến cùng tương ưng. Ông thấy như vậy: ‘Không có bố thí, không có cho, không có người nhận, lại cũng không có quả báo thiện ác; không có đời này, không đời sau, không có cha, không có mẹ; đời không có sa-môn, bà-la-môn thành tựu, ở đời này, đời sau, tự thân tác chứng, mà tự du hóa.’ Tuổi thọ rất ngắn; sau năm ngày nữa ông sẽ chết. Ông lại đang thờ Ngũ đạo đại thần⁷.

Ưu-đầu-bàn nghĩ thầm: ‘Chắc là Như Lai muốn độ gia chủ này. Vì sao vậy? Vì gia chủ này sau khi qua đời sẽ sanh vào trong địa ngục Đê khốc⁸.’ Lúc ấy, Ưu-đầu-bàn liền mỉm cười. Ngũ đạo đại thần từ xa nhìn thấy Tôn giả mỉm cười, liền ẩn hình mình, hóa ra hình người, đi đến chỗ Ưu-đầu-bàn để Ngài sai khiến. Tôn giả Ưu-đầu-bàn dẫn sứ giả này đến đứng ngoài cửa nhà gia chủ, đứng im lặng không nói gì cả.

Lúc ấy, gia chủ từ xa nhìn thấy có đạo nhân đứng ở ngoài cửa, lập tức nói kệ này:

*Nay người đứng im lặng,
Cạo đầu đắp cà sa*

⁶ Tỳ-xá-la 毘舍羅. Pāli, Vedeha. Thag A. R.ii., Upavāṇa đến xin nước nóng nơi nhà Devahita, trong thành Xá-vệ.

⁷ Ngũ đạo đại thần 五道大神. *Thái tử thụy ứng bản khởi* 1 T3 tr. 475: “Thái tử lên ngựa, dẫn theo Xa-nặc, đi tới khoảng vài mươi dặm bỗng gặp đại thần chủ quản ngũ đạo tên là Phần (hay Bí?) Chúc 賁識 (Skt. Pingesa?) ở ngã rẽ của ba đạo: Thiên đạo, nhân đạo và ba ác đạo.” Tín ngưỡng thờ Ngũ đạo đại thần khá phổ biến ở Trung quốc, nhưng hiếm thấy trong các kinh điển Phật giáo.

⁸ Đê khốc địa ngục 啼哭地獄. *Trường* 19, kinh Thế ký: Địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Pāli: Jālaroruva (Skt. Raurava).

*Vì muốn xin những gì?
Do nhân gì đến đây?*

Ưu-đầu-bàn liền nói kệ này đáp:

*Như Lai bậc Vô trước,
Hôm nay sanh bệnh phong.
Nếu ngài có nước nóng,
Như Lai muốn tắm rửa.⁹*

Khi ấy, gia chủ im lặng không đáp. Đại thần Ngũ đạo bảo với Tỳ-xá-la:

“Gia chủ nên đem nước sôi cúng dường, tất sẽ được phước vô lượng, sẽ được báo cam lộ.”

Gia chủ đáp:

“Ta tự có đại thần Ngũ đạo, cần gì đến sa-môn này? Ông thêm được việc gì?”

Lúc ấy, đại thần Ngũ đạo liền nói kệ này:

*Như Lai đang ở đời
Thiên đế cũng xuống hầu.
[700b01] Còn ai vượt lên trên?
Ai có thể ngang hàng?
Thần Ngũ đạo làm gì?
Không giúp được gì cả.
Nên cúng dường Thế Tôn,
Để được quả báo lớn.*

Lúc ấy, đại thần Ngũ đạo lại nói lần nữa với gia chủ:

“Ông hãy khéo tự thủ hộ các hành vi của thân, miệng, ý hành. Ông không biết oai lực của đại thần Ngũ đạo sao?”

⁹ Bài kệ Pāli tương đương, Thag A. R.ii. 57.

Tăng nhất A-hàm

Đại thần Ngũ đạo liền hóa ra hình quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm, nói với gia chủ:

“Nay ta chính là đại thần Ngũ đạo. Hãy nhanh chóng cho sa-môn này nước nóng. Chớ có chần chờ.”

Lúc ấy, gia chủ nghĩ thầm: ‘Thật là kỳ lạ! Đại thần Ngũ đạo còn cúng dường sa-môn này.’ Lập tức ông đem nước nóng thơm trao cho đạo nhân. Lại lấy một mía trao cho sa-môn.

Đại thần Ngũ đạo tự tay cầm nước nóng thơm này, cùng Ưu-đầu-bàn đến chỗ Thế Tôn rồi dâng nước nóng thơm này lên Như Lai. Bấy giờ, Như Lai dùng nước nóng thơm này tắm gội thân thể, bệnh phong lập tức thuyên giảm không còn tăng trưởng nữa.

Ông gia chủ, sau năm ngày qua đời, sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Khi Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe gia chủ qua đời, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ưu-đầu-bàn bạch Như Lai:

“Gia chủ này chết sanh về chốn nào?”

Thế Tôn bảo:

“Gia chủ này chết sanh lên trời Tứ thiên vương.”

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

“Gia chủ này, mạng chung ở đó, sẽ sanh về đâu?”

Thế Tôn đáp:

“Ở đó mạng chung, sẽ sanh cõi trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, cho đến trời Tha hóa tự tại. Ở đó mạng chung, lại sanh vào cõi trời Tứ thiên vương. Gia chủ này thân trong sáu mươi kiếp, không đọa vào đường ác, cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất

gia học đạo, thành Bích-chi-phật. Vì sao vậy? Vì nhờ đức cúng dường nước nóng thơm mà phước kia mới như vậy. Cho nên, Ưu-đầu-bàn, hãy thường niệm việc tắm chúng Tăng, nghe thuyết đạo giáo.

“Ưu-đầu-bàn, hãy học điều này như vậy.”

Tôn giả Ưu-đầu-bàn, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở về làm bạch y. Khi ấy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Thế Tôn, đánh [700c01] lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Nay con không thích tu hành trong phạm hạnh này. Con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y.”

Thế Tôn bảo:

“Nay người vì sao ông không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y?”

Tỳ-kheo đáp:

“Nay tâm ý con hừng hực, trong thân bùng lửa. Nếu khi con thấy người nữ xinh đẹp vô song, bấy giờ con nghĩ thầm: ‘Mong sao người nữ này cùng ta giao hội nhau.’ Rồi con lại nghĩ: ‘Đây chẳng phải Chánh pháp. Nếu ta theo tâm này thì chẳng phải chánh lý.’ Bấy giờ, con lại

Tăng nhất A-hàm

nghĩ thâm: ‘Đây là mục đích xấu, chẳng phải là mục đích tốt.¹⁰ Đây là pháp ác chẳng phải là pháp thiện.’ Nay con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y. Giới cấm của sa-môn thật sự không thể phạm. Ở trong thế tục, con có thể bố thí vật thực¹¹.’

Thế Tôn bảo:

“Phàm người nữ có năm điều bất thiện. Những gì là năm? Một là bất thiện bởi ô uế, hai là nói hai lưỡi, ba là ganh tị, bốn là hờn giận, năm là không biết báo đáp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Buồn vui¹² vì của cải,
Ngoài thiện trong lòng ác;
Phá nẻo thiện của người;
Chim ưng bỏ¹³ đầm như.*

“Cho nên, Tỳ-kheo hãy từ bỏ tướng tịnh, tư duy quán bất tịnh.¹⁴ Sau khi tư duy quán bất tịnh, Tỳ-kheo sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái và vô sắc ái; đoạn tận vô minh, kiêu mạn. Nay, Tỳ-kheo, dục của người từ đâu sanh? Từ tóc sanh? Nhưng tóc hiện như không sạch, đều do huyễn hóa, lừa gạt người đời. Móng, răng ... thuộc về thân thể đều là không sạch. Cái gì là chân, cái nào là thật? Từ đầu đến chân, thấy đều như vậy. Những vật hữu hình như gan, mật, năm tạng, không một vật đáng ham. Cái gì là chân?

¹⁰ Hán: Ác lợi thiện lợi 惡利善利.

¹¹ Nguyên Hán: Phân-dàn bố thí 分檀布施. (Pāli: *pinḍa-dāyaka*). Xem cht. 2, kinh 1 phẩm 29.

¹² Đề bản: 非喜 phi hi; TNM: 悲喜 bi hi.

¹³ Đề bản 鶴 汚池 ô trì; các bản khác: 于地 vu địa, “như chim ưng rời mặt đất.”

¹⁴ Bản Hán: Trừ tướng bất tịnh, quán tịnh.

Nay, Tỳ-kheo, dục của người từ đâu sanh? Nay người khéo tu phạm hạnh, Chánh pháp của Như Lai, tất sẽ hết khổ. Mạng người rất ngắn, không lâu ở đời. Tuy có rất thọ, không qua trăm tuổi.

“Tỳ-kheo nên biết, Như Lai xuất thế, rất là khó. Được gặp, nghe pháp cũng khó. Thọ nhận thân hình tứ đại cũng lại việc khó được. Các căn đầy đủ cũng lại khó được. Được sanh vào chốn trung ương, cũng lại khó gặp. Gặp gỡ thiện tri thức, cũng lại khó được. Nghe pháp cũng khó, phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được. Thành tựu pháp tùy pháp, việc này cũng khó. Nay, Tỳ-kheo, người nếu [701a01] thân cận thiện tri thức, thì có thể phân biệt các pháp, cũng có thể giảng rộng nghĩa này cho người khác. Nếu đã nghe pháp thì có thể phân biệt. Đã phân biệt pháp rồi thì có thể giảng nói nghĩa của nó. Không có tướng dục, tướng sân nhuế, tướng ngu si; đã lìa ba độc nên thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay ta đã nói sơ nghĩa ấy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhận lãnh lời dạy từ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Tỳ-kheo kia ở nơi vắng vẻ, tư duy về pháp này, sở dĩ mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là muốn tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa,’ biết như thật. Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc,

Tăng nhất A-hàm

thành La-duyet, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, A-nan và Đa-kỳ-xa,¹⁵ đứng giờ, khoác y, cầm bát, vào thành khát thực. Lúc ấy, Đa-kỳ-xa ở trong một ngõ hẻm, thấy một người nữ hết sức xinh đẹp hiêm có, kỳ đặc ở đời. Thấy rồi, tâm ý tán loạn, không còn bình thường.¹⁶

Lúc ấy, Đa-kỳ-xa liền dùng kệ này nói cho A-nan:

*Bị lừa dục thiêu đốt,
Tâm ý thật cháy bùng.
Xin nói nghĩa diệt nó,
Để được nhiều lợi ích.*

A-nan liền nói kệ này đáp:

*Biết dục, pháp điên đảo;
Tâm ý thật cháy bùng.
Hãy trừ niệm hình tướng,
Ý dục liền tự dừng.*

Đa-kỳ-xa lại nói kệ đáp:

*Tâm là gốc của thân;
Mắt là nguồn thấy đẹp.
Nằm ngủ thấy đỡ nâng,
Thân như cỏ rồi úa.*

Tôn giả A-nan liền tiến đến, dùng tay phải xoa đầu Đa-kỳ-xa mà nói kệ này:

*Niệm Phật, không tham dục.
Nan-đà vượt dục kia
Thấy trời, hiện địa ngục.¹⁷*

¹⁵ Xem kinh 5 phẩm 32.

¹⁶ Cf. S. 8. 1 (R.i. 185). *Tạp* (Việt), kinh 1115.

¹⁷ Xem kinh 7 phẩm 18.

Ngăn ý, lia năm đường.

[701b01] Đa-kỳ-xa sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, liền tự nói:

“Thôi, thôi, A-nan! Hãy cùng khát thực xong trở về chỗ Thế Tôn.”

Khi ấy, người nữ kia từ xa trông thấy Đa-kỳ-xa, cô liền cười. Đa-kỳ-xa khi từ xa thấy người nữ cười, liền phát sanh niệm tưởng này: ‘Cô nay, với hình thể được dựng đứng bởi xương, được quấn chặt bởi da, cũng như cái bình vẽ, bên trong đựng đồ bất tịnh, lừa dối người đời, khiến sinh loạn tưởng.’

Bây giờ, Tôn giả Đa-kỳ-xa quán sát người nữ kia từ đầu đến chân, trong thân thể này không cái gì đáng ham, ba mươi sáu vật thấy đều bất tịnh. Nay những vật này là từ đâu sinh? Rồi Tôn giả Đa-kỳ-xa lại nghĩ: ‘Nay ta quán sát thân khác, không bằng tự quán sát trong thân mình. Dục này từ đâu sanh? Từ đất sanh chăng? Từ nước, lửa, gió sanh chăng? Nếu từ đất sanh; đất cứng chắc, không thể bị hư hoại. Nếu từ nước sinh, nước rất mềm, không thể bắt giữ. Nếu từ lửa sanh; lửa¹⁸ cũng không thể bị nắm bắt. Nếu từ gió sanh; gió không có hình, không thể nắm bắt.’ Tôn giả lại nghĩ: ‘Tham dục này chỉ có từ tư tưởng sanh.’

Rồi Tôn giả nói kệ này:

*Dục, ta biết gốc nguoi;
Nguoi từ tư tưởng sinh.
Nếu ta không tưởng nguoi,*

¹⁸ Chú thích trong đề bản: “Đây có thể còn thiếu hai chữ, nhưng chưa rõ.”

Ngươi sẽ không hiện hữu.

Khi Tôn giả Đa-kỳ-xa nói bài kệ này, như tư duy về tướng bất tịnh, ngay tại chỗ, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

Lúc ấy, A-nan và Đa-kỳ-xa ra khỏi thành La-duyet, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đa-kỳ-xa bạch Thế Tôn:

“Nay con đã được thiện lợi, vì có chỗ giác ngộ.”

Thế Tôn hỏi:

“Nay ngươi tự giác thể nào?”

Đa-kỳ-xa bạch Phật:

“Sắc không bền vững, cũng không chắc chắn, không thể trông thấy, huyền ngại, không thật; thọ¹⁹ không bền vững, cũng không lỗi chắc, cũng như đám bọt trên mặt nước, huyền ngại, không thật. Tưởng không bền vững, cũng không lỗi chắc, huyền ngại, không thật, cũng như quán năng. Hành không bền vững, cũng không lỗi chắc, giống như thân cây chuối, không có thật. Thức không bền vững, cũng không lỗi chắc, huyền ngại, không thật.”

Tôn giả lại bạch Phật thêm:

Năm thủ uẩn này không bền vững, cũng không lỗi chắc, huyền ngại không thật.”

Bấy giờ Tôn giả Đa-kỳ-xa liền nói kệ này:

*[701c01] Sắc như chùm bọt nổi;
Thọ như bong bóng nước;
Tưởng giống như quán năng;
Hành như thân cây chuối;*

¹⁹ Nguyên bản: Thống 痛.

*Thức là pháp huyễn hóa:
Đáng Tôi Thắng nói vậy.*

*Tư duy điều này xong,
Quán sát hết các hành,
Thấy trống không, vắng lặng;
Không có gì chân chánh,
Đều là do thân này:
Đức Thiện Thệ dạy vậy.²⁰*

*Cần phải diệt ba pháp.
Thấy sắc là bất tịnh,
Thân này là như vậy,
Huẩn nguy không chân thật,
Đó là pháp hư hại.
Năm uẩn không bền chắc,
Đã biết là không thật,
Trở về đạo tối thượng.*

“Nhu vậy, Thế Tôn, đó là những gì mà con đã tỏ ngộ.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Đa-kỳ-xa! Ông khéo hay quán sát gốc năm thủ uẩn này. Nay người nên biết, phàm là hành giả thì phải quán sát gốc năm uẩn này đều không chắc thật. Vì sao vậy? Khi Ta đang quán sát năm thủ uẩn này ở dưới gốc cây Bồ-đề mà thành Vô Thượng Đăng Chánh Giác, cũng như những gì hôm nay người quán.”

Khi Thế Tôn nói bài pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi mà được lậu tận, tâm giải thoát.

Tôn giả Đa-kỳ-xa, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁰ Xem *Tạp 10* (Hán) kinh số 265. Pāli, S.22.95 (R.iii.142).

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tăng-ca-ma,²¹ con một gia chủ, đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi con gia chủ bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con được hành đạo.”

Bấy giờ, con gia chủ liền được hành đạo, ở nơi vắng vẻ, nỗ lực tu hành thành tựu quả pháp. Sở dĩ thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau.’ Bấy giờ, Tăng-ca-ma thành A-la-hán.

Khi Tôn giả ở nơi nhàn tĩnh, suy nghĩ như vậy: ‘Nhu Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Đa-tát-a-kiệt thật lâu mới xuất hiện, cũng như hoa ưu-đàm thật lâu mới xuất hiện. Ở đây cũng vậy, Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật lâu mới có. Tất cả hành diệt, cũng khó gặp. Xuất yếu cũng khó. Ái tận, vô dục, Niết-bàn, điều này mới là điều quan trọng²².’

Bấy giờ, mẹ vợ Tăng-ca-ma nghe con rêu mình làm đạo nhân, không còn đắm dục, bỏ phiền lụy gia đình, lại bỏ con gái bà như vắt bỏ đám nước dãi. Lúc ấy, người mẹ này đến chỗ con gái, nói với cô:

“Có thật chồng con hành đạo sao?”

[702a01] Con gái bà đáp:

²¹ Tăng-ca-ma 僧迦摩. Có thể đồng nhất với Saṅgāmaḥi, Udāna 8.

²² Đề bản: vi yếu 為要. TNM: 為妙 vi diệu.

“Con cũng không rõ là có hành đạo hay không.”

Người mẹ bảo:

“Nay con hãy tự trang điểm, mặc quần áo đẹp, ẵm con trai, con gái này, đi đến chỗ Tăng-ca-ma.”

Khi ấy Tôn giả Tăng-ca-ma đang ngồi kiết già dưới một gốc cây, vợ và mẹ vợ, hai người đến đứng im trước mặt.

Trong lúc đó, người mẹ và cô con gái quan sát Tăng-ca-ma từ đầu đến chân, rồi nói với Tăng-ca-ma:

“Vì sao hôm nay anh không nói chuyện với con gái tôi? Đây con cái này do anh sanh. Việc anh đang làm thật là phi lý, không ai chấp nhận.”

Tôn giả Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

*Đây không gì tốt hơn;
Đây không gì đẹp hơn;
Đây không gì đúng hơn;
Thiện niệm không hơn đây.*

Khi ấy, mẹ vợ bảo Tăng-ca-ma:

“Nay con gái tôi có tội gì? Có điều gì phi pháp? Tại sao nay bỏ nó xuất gia học đạo?”

Lúc ấy, Tăng-ca-ma nói kệ này:

*Ô uế, bất tịnh hạnh;
Sân hận, thích vọng ngữ;
Tâm ganh tị, bất chánh;
Như Lai đã nói vậy.*

Lúc ấy, người mẹ nói với Tăng-ca-ma:

“Chẳng phải một mình con gái ta có chuyện này, mà hết thầy người nữ đều như vậy. Nhân dân trong thành Xá-vệ,

Tăng nhất A-hàm

ai thấy con gái ta thấy đều trở nên loạn tâm ý, muốn cùng giao hội, như khát muốn uống, nhìn không biết chán, thấy đều khởi tưởng đắm đuối. Vì sao nay anh lại bỏ nó học đạo, rồi lại còn chê bai? Nếu ngày hôm nay anh không cần con gái tôi thì thôi, nhưng những đứa con này do anh đã sinh ra nay trả lại anh. Hãy tự mà lo lấy.”

Lúc ấy, Tăng-ca-ma lại nói kệ này:

*Tôi không con trai, gái,
Ruộng vườn và của báu;
Cũng không có nô tỳ,
Quyền thuộc và tùy tùng.*

*Một mình, không bè bạn
Thích ở nơi vắng vẻ,
Thực hành pháp sa-môn,
Cầu Phật đạo chân chánh.*

*Ai có con trai, gái,
Là sở hành người ngu
Ta, thân thường vô ngã,
Há có con cái sao?*

Lúc ấy, người vợ, mẹ vợ, con cái nghe bài kệ ấy xong, mọi người đều nghĩ: ‘Nhu ta quán sát hôm nay, theo ý này thì chắc chắn không trở về nhà.’ Họ lại quan sát từ đầu đến chân, ta thán thở dài, rồi quỳ xuống trước Tôn giả mà nói: ‘Nếu thân miệng ý chúng tôi có gây điều gì phi pháp, xin tha thứ tất cả cho.’ Rồi họ nhiễu quanh ba vòng, và ra khỏi chỗ đó.

Lúc bảy giờ, Tôn giả A-nan, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Từ xa trông thấy người mẹ và cô con gái, bèn hỏi:

“Lúc này đã gặp Tăng-ca-ma chưa?”

Lão mẫu kia đáp:

“Tuy gặp, nhưng cũng như không gặp.”

A-nan hỏi:

“Có cùng nói chuyện không?”

Lão mẫu đáp:

“Tuy cùng nói chuyện, nhưng không vừa ý tôi.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

*Muốn cho lửa sanh nước;
Lại khiến nước sanh lửa;
Pháp không, muốn thành có;
Vô dục, muốn cho dục.*

Sau khi khát thực xong, Tôn giả A-nan trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, đến chỗ Tăng-ca-ma, ngồi qua một bên, nói với Tăng-ca-ma:

“Ngài đã biết pháp như thật rồi phải không?”

Tăng-ca-ma đáp:

“Tôi đã hiểu biết pháp chân thật”

A-nan hỏi:

“Hiểu biết pháp chân thật như thế nào?”

Tăng-ca-ma đáp:

“Sắc là vô thường, nghĩa vô thường này tức là khổ. Khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức thấy đều vô thường. Nghĩa vô thường này tức khổ. Khổ tức vô ngã, vô ngã tức không. Năm thủ uẩn này là nghĩa vô thường. Nghĩa vô thường tức là khổ. Ta không phải của cái đó. Cái đó không phải của ta.”

Tăng nhất A-hàm

Rồi Tăng-ca-ma nói kệ này:

*Khổ khổ lại sanh nhau,
Vượt khổ cũng như vậy.
Đạo Hiền Thánh tám phẩm,
Dẫn đến nơi diệt khổ.
Không tái sanh nơi này;²³
Qua lại các cõi trời,
Dứt sạch nguồn gốc khổ.²⁴
Tịch tĩnh, không di động;
Tôi thấy đạo tịch Không,²⁵
Như điều Phật đã dạy;
Nay đắc A-la-hán,
Không còn thọ bào thai.*

[702c01] Khi ấy Tôn giả A-nan khen ngợi:

“Lành thay, pháp như thật đã được khéo léo quyết trạch.”

Rồi A-nan liền nói kệ này:

*Khéo giữ lối phạm hạnh;
Cũng hay khéo tu đạo;
Đoạn trừ các kết sử;
Là chân đệ tử Phật.*

A-nan nói kệ này xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Lúc ấy, A-nan đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói về muốn chân chánh luận về các A-la-hán, phải nói

²³ Không tái sinh Dục giới.

²⁴ A-na-hàm nhập Niết-bàn trên Tịnh cư thiên.

²⁵ Không tịch 空跡; con đường dẫn đến Không (Pāli: *suññatā*) tức Niết-bàn. Cf. M. 121 Mahāsuññatasutta (R. iii. 111).

chính Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Hay hàng phục ma, quyến thuộc ma, cũng là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Tăng-ca-ma đã bảy lần hàng phục ma,²⁶ nay mới thành đạo. Từ nay về sau cho phép được ra vào đạo bảy lần, quá hạn này thì là phi pháp.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, Tỳ-kheo đứng đầu trong việc hàng phục ma, nay mới thành đạo chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁷

²⁶ Chỉ bảy lần thọ giới cụ túc.

²⁷ Bản Hán, hết quyển 27.

36. PHẨM THỈNH PHÁP

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tùy thời nghe pháp có năm công đức, tùy thời vãng lãnh không mất thứ lớp. Sao gọi là năm? Điều chưa từng nghe, nay được nghe; điều đã được nghe, tụng đọc lại; kiên giải không tà lệch; không có hồ nghi; hiểu nghĩa sâu xa.² Tùy thời nghe pháp có năm công đức, cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời nghe Pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì [703a01] Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Làm nhà tắm có năm công đức. Năm công đức gì? Một là trừ gió, hai là khỏi bệnh, ba là trừ bụi nhơ, bốn là thân thể nhẹ nhàng, năm là được mập trắng. Này Tỳ-kheo, đó gọi là làm nhà tắm có năm công đức. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có chúng bốn bộ muốn có năm công đức này,

¹ Pāli, A V 202 Dhammassavanasutta (R.iii. 247).

² Pāli: *cittam pasīdati*, tâm minh tịnh.

muốn cầu năm công đức này, hãy tìm cầu phương tiện tạo lập nhà tắm.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí người tắm xia răng⁴ có năm công đức. Sao gọi là năm? Một là trừ gió, hai là trừ nước dãi, ba là sanh tạng được tiêu, bốn là trong miệng không hôi, năm là mắt được trong sạch. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là thí người tắm xia răng có năm công đức. Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu năm công đức thì hãy nghĩ đến việc dùng tắm xia răng bổ thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây

³ Pāli, A V 208 Dantakaṭṭhasutta (R. iii. 250).

⁴ Dương chi 楊枝, nhánh thông, dùng để xia răng. Pāli: *dantakaṭṭha*.

Tăng nhất A-hàm

Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị có thấy người mổ bò, do nghiệp tài lợi này, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người mổ bò, sát hại bò, rồi được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Vì sao vậy? Ta không thấy người mổ bò được cỡi xe, ngựa, voi lớn, vì hẳn không có lý này.

“Thế nào, Tỳ-kheo, các người có thấy người mổ dê, giết heo, săn bắt nai, sau đó được cỡi xe, ngựa, voi lớn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, các Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người nào mổ bò, hại chúng sanh rồi mà được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Hoàn toàn không lý này. Tỳ-kheo, các người nếu thấy người giết [703b01] bò nào cỡi xe, ngựa, voi lớn thì đó là đức đời trước chứ không phải phước đời này, đều là do hành vi được làm đời trước mang lại. Nếu các người thấy người giết dê được cỡi xe, ngựa, voi lớn thì nên biết người này đã gieo phước trong đời trước. Sở dĩ như vậy là vì do tâm giết hại chưa trừ được. Tại sao vậy? Người gần gũi kẻ ác, ưa thích sát sanh, gieo trồng tội địa ngục, nếu trở lại nhân gian thì tuổi thọ rất ngắn.

Người ưa thích trộm cắp, gieo trồng tội địa ngục cũng như người mổ bò kia. Mua rẻ bán đắt, lừa dối người đời, không cầu Chánh pháp, cũng giống như người mổ bò kia do tâm sát sanh nên đưa đến tội lỗi này, không được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng từ đối với hết thảy chúng sanh.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai cũng nói, phàm Như Lai xuất thế tất sẽ vì năm việc. Những gì là năm? Chuyên Pháp luân; độ cha mẹ; dựng tín tâm cho người không có tín; chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát; thọ ký thành Phật trong khoảng thời gian đó. Như Lai xuất hiện tất sẽ vì năm nhân duyên này. Nay mẹ của Như Lai tại trời Tam thập tam muốn được nghe Pháp. Như Lai đang ở giữa chúng bốn bộ trong cõi Diêm-phù-lý⁵, vua và nhân dân đều tập hợp lại. Lành thay, Thế Tôn, mong Ngài đến trời Tam thập tam mà thuyết Pháp cho mẹ.”

Thế Tôn im lặng nhận lời.

⁵ Diêm-phù-lý 閼浮里: Diêm-phù-đề.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, Long vương Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà⁶ có ý nghĩ như vậy: ‘Các sa-môn trọc đầu này bay ở trên ta. Ta phải tìm cách không cho bay qua.’

Rồi Long vương nổi giận phun lửa gió lớn khiến suốt cả Diêm-phù-lý lửa bốc cháy.

A-nan bạch Phật:

“Trong Diêm-phù-đề này, vì sao có khói lửa này?”

Thế Tôn bảo:

“Đây là hai rồng chúa có ý nghĩ nghĩ rằng: ‘Các sa-môn trọc đầu thường bay trên ta, chúng ta [703c01] phải chế ngự, không để cho vượt qua hư không.’ Rồi chúng nổi giận phun khói lửa này. Do nhân duyên này, nên đưa đến biến cố đây.”

Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn đi chiến đấu với chúng.”

Thế Tôn bảo:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Tôn giả A-na-luật từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay muốn đến phục rồng dữ kia.”

Thế Tôn bảo:

⁶ Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà 難陀優槃難陀, long vương, truyền thuyết phương Bắc (Divyādhana, Saddharmapuṇḍrīka) xem là hai anh em: Nanda và Upananda. Truyền thuyết Pāli là chỉ một: Nandopananda. Chuyện kể ở đây tương đương với chuyện kể trong Pāli, Thag A. R.iii. 177.

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Các Tôn giả Ly-việt, Ca-chiên-diên, Tu-bồ-đề, Ưu-đà-di, Sa-kiệt⁷ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn đến hàng phục rồng ác.”

Thế Tôn bảo:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa, ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Lúc ấy, Tôn giả Đại-mục-kiên-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai phải, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

“Con muốn đến đó để hàng phục rồng dữ.”

Thế Tôn đáp:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể hàng phục giáo hóa. Ông làm thế nào để giáo hóa rồng chúa kia?”

Mục-liên bạch Phật:

“Đến đó, trước tiên con hóa hình rất lớn làm rồng kia sợ khiếp, sau đó lại hóa hình rất là nhỏ, và cuối cùng thì dùng phép thường mà hàng phục nó.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Mục-liên! Ông có khả năng để hàng phục rồng dữ. Nhưng nay Mục-liên phải giữ vững tâm ý chớ nổi loạn tưởng. Vì sao vậy? Vì rồng hung ác kia sẵn sàng quấy nhiễu ông.”

Mục-liên liền đánh lễ sát chân Phật, rồi trong khoảnh

⁷ Đề bản: 婆竭 Bà-kiệt; các bản TNM: 娑竭 Sa-kiệt; tên theo Pāli: Sagata.

khắc như co duỗi cánh tay, biến khỏi nơi ấy, đến trên núi Tu-di. Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà đang quần quanh núi Tu-di bảy vòng, nổi sân giận tột độ phun ra khói lửa lớn.

Mục-liên tự ẩn thân mình, hóa làm rồng chúa lớn có mười bốn đầu, quần quanh núi Tu-di mười bốn vòng, phun ra lửa khói lớn dữ dội, ở ngay trên hai rồng chúa.

Rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà thấy rồng chúa có mười bốn đầu, liền sinh lòng sợ hãi tự nói với nhau rằng:

“Hôm nay, chúng ta phải thử xem oai lực rồng chúa kia xem có thắng được ta không?”

Rồi rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà quật đuôi vào biển cả, lấy nước rưới lên đến trời Tam thập tam, nhưng vẫn không chạm thân Mục-liên. Lúc này, Tôn giả Mục-liên [704a01] lại thò đuôi vào trong nước biển, nước trào lên đến trời Phạm-ca-di và lại rưới lên thân hai rồng chúa.”

Khi ấy, hai rồng chúa tự bảo với nhau:

“Chúng ta dùng hết sức lực lấy nước rưới đến trời Tam thập tam, nhưng rồng chúa lớn này lại vượt lên ta quá nhiều. Chúng ta chính có bảy đầu, nay rồng chúa này mười bốn đầu. Chúng ta quần quanh núi Tu-di bảy vòng, nay rồng chúa này quần quanh núi Tu-di mười bốn vòng. Nay, hai chúa rồng ta phải hợp sức cùng nhau chiến đấu.”

Rồi hai chúa rồng nổi cơn thịnh nộ, làm sấm chớp, sét đánh, phun lửa ngọn lớn. Lúc ấy, Tôn giả đại Mục-liên suy nghĩ: ‘Phàm rồng mà chiến đấu thì nổi lửa, sấm sét. Nếu ta cũng đấu bằng lửa và sấm sét, nhân dân trong Diêm-phù-ly, và trời Tam thập tam đều sẽ bị hại. Nay ta hóa hình rất nhỏ để đấu.’

Mục-liên liền hóa ra hình rất nhỏ, chun vào miệng rồng,

rồi từ trong lỗ mũi ra; hoặc vào từ mũi ra từ tai; hoặc vào trong tai, ra từ mắt; ra từ trong mắt rồi đi lại trên lông mi.

Bây giờ, hai rồng chúa lòng rất lo sợ, nghĩ thầm: ‘Rồng chúa lớn này có oai lực rất lớn mới có thể vào trong miệng rồi ra từ mũi; vào trong mũi, ra từ mắt. Hôm nay chúng ta thật sự thua. Loài rồng chúng ta hiện có bốn chủng loại: sinh trứng, sinh thai, sanh nơi ẩm thấp, hóa sanh; nhưng không ai vượt khỏi chúng ta. Nay rồng chúa này, có oai lực như vậy thì chúng ta không thể đánh lại. Tánh mạng chúng ta chết ngay trong chốc lát. Cả hai lòng sợ hãi, toàn thể lông đều dựng đứng.

Mục-liên khi thấy rồng chúa sợ hãi, liền hiện trở lại nguyên hình và đi trên mi mắt rồng chúa.

Lúc ấy hai rồng chúa trông thấy Đại Mục-liên, bèn nói với nhau:

“Đây là Sa-môn Mục-liên chứ chẳng phải rồng chúa. Ông này có oai lực thật là kỳ lạ mới có thể đấu với chúng ta.”

Rồi hai rồng chúa bạch Mục-liên:

“Vì sao Tôn giả lại quấy nhiễu chúng tôi đến như vậy? Muốn dạy bảo điều gì phải không?”

Mục-liên đáp:

“Hôm qua các người nghĩ như vậy: ‘Vì sao các sa-môn trọc đầu lại thường bay ở trên chúng ta, nay phải chế ngự họ.’”

Rồng chúa đáp:

“Thật vậy, Mục-liên!”

Mục-liên nói:

“Rồng chúa nên biết, núi Tu-di này là đường đi của chư

Tăng nhất A-hàm

thiên, chẳng phải nơi ở của người.”

Rồng chúa đáp:

“Cúi xin tha thứ, không [704b01] trách phạt chúng tôi. Từ đây về sau chúng tôi sẽ không dám xúc nhiễu, khởi loạn tướng ác. Cúi xin ngài cho phép làm đệ tử.”

Mục-liên đáp:

“Các ông chớ tự quy y thân ta. Các người hãy tự quy y nơi mà ta quy y.”

Rồng chúa bạch Mục-liên:

“Hôm nay chúng con xin tự quy y Như Lai.”

Mục-liên bảo:

“Các người không thể ở tại núi Tu-di này mà tự quy y Thế Tôn. Nay hãy cùng ta đến thành Xá-vệ mới được tự quy y.”

Bấy giờ, Mục-liên dẫn hai rồng chúa, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, từ trên núi Tu-di đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Mục-liên bảo hai rồng chúa:

“Các người nên biết, nay Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Các người không thể để nguyên hình mà đến chỗ Thế Tôn.”

Rồng chúa đáp:

“Thật vậy, Mục-liên!”

Rồng chúa bèn hoàn ẩn hình rồng, hóa làm hình người không cao, không thấp, tướng mạo xinh đẹp như màu hoa đào.

Lúc ấy, Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân,

ngồi qua một bên. Rõng chúa đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên bảo rõng chúa:

“Đã đúng lúc, hãy tiến tới trước!”

Rõng chúa nghe Mục-liên nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn:

“Hai dòng họ chúng con một tên là Nan-đà, hai tên là Ưu-bàn-nan-đà xin quy y Như Lai, thọ trì năm giới. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm ưu-bà-tắc. Nguyên suốt đời không còn sát sanh nữa.”

Thế Tôn liền búng ngón tay chấp nhận. Hai rõng chúa liền trở về chỗ cũ ngồi, muốn được nghe pháp.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghĩ như vậy: ‘Vì nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm-phù-đề này có khói lửa như vậy?’

Rồi vua Ba-tư-nặc đi xe gắn lông chim báu ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, nhân dân từ xa thấy vua đến, mọi người đều đứng dậy nghinh đón: “Kính chào Đại vương! Mời đến ngồi đây!”

Lúc ấy, hai rõng chúa im lặng không đứng dậy. Vua Ba-tư-nặc đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Đại vương bạch Thế Tôn:

“Nay con có việc muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn diễn giải từng việc cho.”

Thế Tôn bảo:

“Có điều gì, cứ hỏi. Nay là lúc thích hợp.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Vì nhân duyên gì trong Diêm-phù-đề này có ánh khói lửa như vậy?”

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn bảo:

“Do Rong chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà gây ra. Nhưng nay Đại vương chớ có [704c01] kinh sợ. Từ nay không còn biến họa khỏi lửa nữa.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghĩ thầm: ‘Nay, ta là Đại vương của một nước, nhân dân tôn kính, danh tiếng vang khắp bốn phương. Còn hai người này từ đâu đến, thấy ta đến đây, cũng không đứng dậy nghinh đón? Nếu ở trong nước ta, ta sẽ bắt nhốt. Nếu ở nơi khác đến, sẽ bắt giết chúng nó.’

Rong chúa biết được những ý nghĩ trong tâm vua, liền nổi giận. Rong chúa nghĩ như vậy: ‘Chúng ta không có lỗi gì đối với vua này, mà ông trở lại muốn sát hại ta. Ta phải bắt quốc vương này và dân chúng nước Ca-di giết hết.’

Rong chúa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ra đi. Rồi khỏi Kỳ-hoàn không xa, chúng liền biến mất.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thấy hai người này đi chưa lâu, liền bạch Thế Tôn:

“Việc nước rất bận rộn, con xin trở về cung.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng thời!”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui đi, bảo quần thần:

“Hai người vừa rồi đi đường nào? Mau bắt chúng!”

Theo lệnh vua, các quần thần liền đuổi theo tìm kiếm, mà không biết ở đâu, liền trở về trong cung.

Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà đều nghĩ thầm như vậy: ‘Chúng ta không lỗi đối với vua kia mà vừa rồi muốn bắt giết chúng ta. Chúng ta sẽ hại nhân dân của ông ấy, khiến không còn ai sống sót.’ Nhưng rồng chúa lại nghĩ thầm: ‘Nhân dân trong nước có lỗi làm gì? Chỉ cần bắt nhân dân trong thành Xá-vệ hại hết.’ Lại nghĩ lại: ‘Người nước Xá-vệ có lỗi làm gì đối chúng ta? Cần bắt quan lại và quyền thuộc trong cung vua giết hết.’

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm rồng chúa, liền bảo Mục-liên:

“Ông hãy đi cứu vua Ba-tư-nặc, đừng để vua bị rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà làm hại.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, đánh lễ sát chân Thế Tôn lui đi. Ở trên cung vua, Ngài ẩn thân ngồi kiết già. Lúc ấy, hai rồng chúa tạo ra sấm vang, sét đánh, mưa to, gió lớn bên trên cung vua, hoặc mưa gạch đá, hoặc mưa đao kiếm. Chúng chưa kịp rơi xuống đất liền biến thành hoa sen xanh ở giữa hư không. Rồng chúa lúc này lại càng nổi giận, mưa núi cao lớn ở trên cung điện. Mục-liên khi ấy lại biến chúng [705a01] thành các loại đồ ăn thức uống. Rồng chúa lại càng thêm tức giận bùng bùng, mưa các loại đao kiếm. Mục-liên lại biến thành áo quần rất đẹp. Rồng chúa lại càng thêm tức giận, lại mưa cát, sỏi, đá, trên cung vua Ba-tư-nặc, chưa rơi xuống đất đã hóa thành bảy báu. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc thấy trong cung điện mưa các thứ bảy báu, vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền nghĩ: ‘Người có đức trong Diêm-phù-đề này không ai lại hơn ta, chỉ trừ Như Lai. Vì sao vậy? Vì trong nhà ta trồng, cứ trên một gốc lúa thu hoạch được một đấu

gạo, cơm dùng nước mía nấu, rất là thơm ngon. Nay ở trên cung điện lại có mưa bảy báu. Ta có thể được làm Chuyển luân thánh vương ư?’ Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc dẫn các cung nữ đi nhặt bảy báu. Hai rồng chúa lúc này, nói với nhau:

“Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta đến đây để hại vua Ba-tư-nặc, nhưng sao lại biến hóa đến như thế này? Có bao nhiêu thế lực, hôm nay đã đem ra tận dụng hết, mà vẫn không thể động đến phần mảy may nào vua Ba-tư-nặc!”

Ngay khi ấy, rồng chúa trông thấy Mục-liên ngồi kiết già trên cung điện, chánh thân chánh ý, thân không nghiêng ngã. Thấy vậy, chúng nghĩ thầm: ‘Đây chắc là do Mục-liên làm ra!’ Lúc ấy, hai rồng chúa vì thấy Mục-liên nên liền lui đi.

Khi Mục-liên thấy rồng chúa đã đi, liền xả thân tức, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc suy nghĩ: ‘Những loại đồ ăn thức uống này không nên dùng trước. Phải đem dâng Như Lai trước, sau đó tự mình dùng.’ Vua Ba-tư-nặc liền cho xe chở châu báu và các loại đồ ăn uống đến chỗ Thế Tôn, bạch:

“Hôm qua, trời mưa bảy báu và thức ăn uống này. Cúi xin thọ nhận.”

Lúc ấy, đại Mục-liên cách Như Lai không xa. Phật bảo vua:

“Nay Vua hãy đem bảy báu và đồ ăn uống cho đại Mục-liên. Vì sao vậy? Vì nhờ ân của Mục-liên mà Vua được sanh trở lại trên đất Thánh Hiền.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Vì lý do gì mà nói con sanh trở lại?”

Thế Tôn bảo:

“Sáng hôm qua Vua có đến gặp Ta để nghe pháp phải không? Lúc ấy, có hai người cũng đến nghe pháp. Vua đã nghĩ như vậy: ‘Ta ở đất nước này là hào quý tối tôn, được mọi người kính trọng, nhưng hai [705b01] người này từ đâu đến, thấy ta không đứng dậy nghênh đón?’”

Lúc ấy, vua bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Đó chẳng phải là người, mà chính là rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà. Biết được ý vua, chúng bảo nhau: ‘Chúng ta không có lỗi đối với ông vua người này, sao ông lại muốn hại chúng ta? Ta phải tiêu diệt đất nước này.’ Ta biết được những ý nghĩ trong tâm của rồng chúa, liền sai Mục-liên: ‘Phải cứu vua Ba-tư-nặc, không để cho rồng chúa làm hại.’ Mục-liên vâng lệnh Ta, ẩn hình bên trên cung điện và tạo ra sự biến hóa này. Rồng chúa lúc ấy, đã nổi giận mưa cát, sỏi, đá, ở trên cung điện; khi chưa rơi xuống đất, lập tức biến thành bảy báu, y phục, đồ ăn uống. Vì nhân duyên này, ngày hôm nay Đại vương được sanh trở lại.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc lo sợ đến toàn thân lông đều dựng đứng, liền quỳ gối đi đến trước Như Lai bạch:

“Nhờ ơn sâu dày của Thế Tôn mà con được cứu mạng sống!”

Lại lạy sát chân Mục-liên và nói:

“Nhờ ơn Tôn giả mà con được cứu sống.”

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, quốc vương liền nói kệ này:

*Nguyện Thế Tôn sống mãi.
Mãi mãi hộ mạng con;
Độ thoát khổ, khôn cùng;
Nhờ Thế Tôn thoát nạn.*

Vua Ba-tư-nặc dùng hương hoa cõi trời rải lên mình Như Lai và nói: “Nay con đem bảy báu này dâng lên ba ngôi báu. Cúi xin nạp thọ. Nói xong, vua đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi.”

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Chúng bốn bộ này, phần lớn lười biếng, không chịu nghe pháp, cũng không tìm cầu phương tiện để tự thân tác chứng, cũng không mong đạt những gì chưa đạt, đắc những gì chưa đắc. Nay Ta làm cho chúng bốn bộ này phải khát ngưỡng giáo pháp.’

Bây giờ, Thế Tôn không bảo cho chúng bốn bộ, cũng không dẫn theo thị giả; trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay biến khỏi Kỳ-hoàn, lên đến trời Tam thập tam.

Thích Đề-hoàn Nhân trông thấy Thế Tôn đến, liền dẫn thiên chúng ra trước nghinh đón Thế Tôn, đánh lễ sát chân, thỉnh Phật ngồi, rồi thưa:

“Cung nghinh Thế Tôn! Xa cách lâu chúng con mới được thăm hầu.”

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Nay Ta phải dùng thần túc thông ẩn thân để mọi người không biết ta ở đâu.’

Thế Tôn lại nghĩ: ‘Nay Ta ở trời Tam thập tam, nên hóa thân to lớn.’

Lúc ấy, tại giảng đường [705c01] Thiện pháp ở trên trời có phiến đá vàng vuông vức một do tuần. Thế Tôn ngồi

kiết già trên phiến đá, vừa tròn cả mặt đá.⁸

Bây giờ, thân mẫu của Như Lai là Ma-da dẫn các thiên nữ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên và bạch:

“Cách biệt lâu lắm mới được phụng hầu! Nay Thế Tôn đến đây thật là đại hạnh. Tôi hằng mong mỏi, nhớ tưởng gặp Phật, hôm nay Thế Tôn mới đến.”

Sau khi Thánh mẫu Ma-da đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Chư thiên trời Tam thập tam cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi chúng chư thiên thấy Như Lai, thì ở đó thiên chúng tăng ích, A-tu-la tổn giảm.

Bây giờ, Thế Tôn lần lượt thuyết cho chúng chư thiên kia các đề tài vi diệu, là luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên; dục là tướng bất tịnh, dâm là sự nhơ xấu, giải thoát là an lạc. Thế Tôn khi thấy tâm ý chúng chư thiên khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng khắp vì chư thiên mà nói hết. Mọi người ngay trên chỗ ngồi dứt sạch bụi nhơ, được mắt pháp trong sạch. Lại có mười tám ức thiên nữ thấy được dấu đạo; ba vạn sáu ngàn thiên chúng được mắt pháp trong sạch. Khi ấy, Mẹ Như Lai từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi trở vào trong cung.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Nay con phải dùng loại thức ăn gì cúng bữa ăn Như Lai? Là dùng thức ăn cõi người hay thức ăn tự nhiên của cõi trời?”

⁸ Kim thạch 金石. Truyền thuyết Pāli, Phật ngồi trên ngai Paṇḍukambala-silāsana của Đế Thích.

Thế Tôn bảo:

“Hãy dùng thức ăn cõi người mà dọn bữa cho Như Lai. Vì sao vậy? Vì thân Ta sanh ở nhân gian, lớn lên ở nhân gian, thành Phật ở nhân gian.”

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

“Theo thời tiết trên trời hay thời tiết nhân gian?”

Thế Tôn bảo:

“Theo thời tiết nhân gian.”

Đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân dùng thức ăn cõi người và lại y theo thời tiết cõi người, dọn bữa ăn cho Như Lai.

Bấy giờ, các trời Tam thập tam nói với nhau:

“Nay chúng ta mới thấy Như Lai ăn cơm suốt cả ngày.”

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nghĩ: ‘Nay Ta phải nhập tam-muội như vậy, muốn cho chư thiên tiến thì tiến, muốn cho chư thiên lui thì lui. Rồi Thế Tôn liền nhập tam-muội này khiến chư thiên tiến lui tùy theo thời thích hợp.

Bấy giờ, bốn bộ chúng ở nhân gian, lâu lắm không thấy Như Lai, liền đến chỗ A-nan, bạch [706a01] A-nan:

“Nay Như Lai đang ở đâu? Chúng con mong mỏi muốn được gặp.”

A-nan đáp:

“Chúng tôi lại cũng không biết Như Lai đang ở đâu!”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc, vua Ưu-điền, cùng đến chỗ A-nan, hỏi A-nan:

“Hôm nay Như Lai đang ở đâu?”

A-nan đáp:

“Đại vương, tôi cũng không biết Như Lai đang ở đâu.”

Hai vua vì nhớ, muốn gặp Như Lai, nên sinh ra bệnh khô. Bấy giờ quần thần chỗ vua Ưu-điền, tâu vua:

“Đại vương nay mắc bệnh gì?”

Vua bảo:

“Ta vì ưu sầu thành bệnh.”

Quần thần tâu vua:

“Đại vương ưu sầu chuyện gì mà thành bệnh vậy?”

Vua này đáp:

“Vì không thấy Như Lai. Nếu không gặp lại Như Lai, chắc ta chết mất.”

Lúc này, quần thần suy nghĩ:

“Phải tìm phương tiện gì để vua Ưu-điền không chết. Chúng ta nên làm hình tượng Như Lai.”

Bấy giờ, quần thần tâu vua:

“Chúng tôi muốn làm hình tượng Phật, để có thể cung kính, thừa sự, đánh lễ.”

Khi nghe những lời này xong, vua vui mừng hớn hở, không tự chế được, liền bảo quần thần:

“Lành thay, những lời của các khanh thật tuyệt diệu!”

Quần thần tâu vua:

“Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?”

Lúc ấy, vua liền ra lệnh cho các tượng sư kỹ xảo trong đất nước, bảo họ rằng:

“Nay ta muốn làm hình tượng.”

Các tượng sư kỹ xảo khéo đáp:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Vua Ưu-diên liền dùng gỗ chiên-đàn nguư-đầu làm hình tượng Như Lai, cao năm thước.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe vua Ưu-diên làm tượng Như Lai cao năm thước để cúng dường. Vua Ba-tư-nặc lại triệu mời các tượng sư khéo trong nước tới và bảo:

“Nay ta muốn tạo hình tượng Như Lai. Các khanh hãy làm cho xong ngay!”

Vua Ba-tư-nặc nghĩ như vậy: ‘Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?’ Lát sau lại nghĩ: ‘Thân hình Như Lai có màu vàng như thiên kim. Nay nên dùng vàng để tạo hình tượng Như Lai.’ Vua Ba-tư-nặc liền dùng vàng ròng từ ma làm hình tượng Như Lai, cao năm thước. Bấy giờ, trong Diêm-phù-đề mới có hai hình tượng Như Lai.

Lúc ấy, chúng bốn bộ đến chỗ A-nan, bạch với A-nan:

“Chúng con mong mỏi, nhớ nghĩ đến Như Lai, muốn được trông thấy Ngài. Ngày hôm nay Như Lai đang ở đâu vậy?”

A-nan đáp:

“Chúng tôi cũng lại không biết Như Lai đang ở đâu. Nhưng nay chúng ta hãy đến chỗ A-na-luật để hỏi ý nghĩa này. [706b01] Vì sao vậy? Tôn giả A-na-luật có

thiên nhân bậc nhất, trong sạch không tỳ vết. Ngài dùng thiên nhãn thấy một ngàn cho đến ba ngàn đại thiên thể giới. Ngài có thể thấy biết hết.”

Chúng bốn bộ cùng A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch A-na-luật:

“Hôm nay chúng bốn bộ đến gặp tôi hỏi tôi về việc ngày nay Như Lai đang ở đâu. Cúi xin Tôn giả, dùng thiên nhãn xem Như Lai đang ở đâu?”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật đáp:

“Các vị hãy chờ một lát, nay tôi cũng muốn xem Như Lai đang ở đâu?”

Lúc ấy, A-na-luật ngồi ngay ngắn, giữ niệm trước mặt, dùng thiên nhãn tìm khắp Diêm-phù-đề mà không thấy Như Lai. Lại dùng thiên nhãn quan sát khắp Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-việt, mà vẫn không thấy. Lại quan sát Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên, Diêm thiên, Đâu-suất thiên, Tha hóa tự tại thiên, cho đến Phạm thiên mà vẫn không thấy. Lại quán sát một ngàn Diêm-phù-đề, một ngàn Cù-da-ni, một ngàn Uất-đơn-việt, một ngàn Phất-vu-đãi, một ngàn Tứ thiên vương, một ngàn Diêm thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Tha hóa tự tại thiên, một ngàn Phạm thiên cũng không thấy Như Lai. Lại quán sát ba ngàn đại thiên quốc độ cũng không thấy. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy nói với A-nan:

“Tôi đã quán sát khắp ba ngàn đại thiên quốc độ mà vẫn không thấy Thế Tôn.”

Lúc ấy, A-nan và bốn chúng đều ngồi lặng im. A-nan nghĩ: “Như Lai sẽ không nhập Niết-bàn chứ?”

Bấy giờ, trên trời Tam thập tam, chư thiên báo nhau:

Tăng nhất A-hàm

“Chúng ta đã được thiện lợi. Cúi nguyện bảy Phật thường hiện ở đời để trời và người được nhiều lợi ích.”

Có vị Thiên nói:

“Nói chi đến bảy Phật, chỉ cần sáu Phật, điều này cũng đã quá tốt lành.”

Hoặc có Thiên tử nói chỉ cần có năm, hoặc bốn Phật, hoặc nói ba, hoặc nói hai Phật xuất hiện ở đời thì cũng nhiều lợi ích.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư thiên:

“Nói chi bảy Phật, cho đến hai Phật, chỉ duy Phật Thích ca ở đời lâu dài thì đã được nhiều lợi ích.”

Bấy giờ, ý Như Lai muốn chư thiên đến thì chư thiên liền đến, ý muốn chư thiên đi, thì chư thiên liền đi. Lúc ấy, chư thiên trời Tam thập tam nói với nhau:

“Vì sao Như Lai ăn suốt cả ngày vậy?”

Khi ấy, [706c01] Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư thiên trời Tam thập tam:

“Hiện tại, Như Lai thọ thực theo thời tiết ở nhân gian, không theo thời tiết trên trời.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã trải qua ba tháng ở trên trời. Thế Tôn nghĩ: ‘Chúng bốn bộ người Diêm-phù-đề không gặp Ta đã lâu, rất có lòng tưởng nhớ khát trông. Nay Ta nên xả thần túc cho các Thanh văn biết Như Lai đang ở trời Tam thập tam.’

Rồi Thế Tôn liền xả thần túc.

Lúc ấy, A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch với A-na-luật:

“Hôm nay bốn bộ chúng khát trông muốn gặp Như Lai.

Nhưng Như Lai nay không diệt độ chăng?”

Lúc ấy, A-na-luật bảo A-nan:

“Hôm qua có vị Thiên đến chỗ tôi báo, Như Lai đang ở trong giảng đường Thiện pháp trên trời Tam thập tam. Nay thầy hãy đợi một chút. Tôi muốn quán sát hiện Như Lai đang ở đâu?”

Rồi Tôn giả A-na-luật liền ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, tâm không lay động, dùng thiên nhãn quán sát trời Tam thập tam, thấy Thế Tôn đang ngồi trên phiến đá rộng một do tuần. A-na-luật liền xuất định, nói với A-nan:

“Như Lai hiện ở trời Tam thập tam, đang thuyết pháp cho Mẹ.”

Lúc ấy, A-nan và chúng bốn bộ vui mừng hơn hờ không tự chế được. A-nan hỏi chúng bốn bộ:

“Ai có thể đến trời Tam thập tam thăm hỏi Như Lai?”

A-na-luật đáp:

“Tôn giả Mục-liên có thần thông đệ nhất. Mong Tôn giả dùng thần lực đi thăm hỏi Phật.”

Chúng bốn bộ bạch Mục-liên:

“Hôm nay Như Lai ở trời Tam thập tam. Cúi xin Tôn giả đem danh tánh chúng bốn bộ thăm hỏi Như Lai và trình ý nghĩa này lên bạch Như Lai: ‘Thế Tôn đắc đạo trong Diêm-phù-đề, tại thế gian, xin oai thần khuất tất trở về lại thế gian.’”

Mục-liên đáp:

“Tốt lắm, các hiền giả.”

Lúc ấy, Mục-liên nhận lời dạy chúng bốn bộ, trong

khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã bay lên trời Tam thập tam, đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân và chư thiên trời Tam thập tam từ xa thấy Mục-liên đến, mọi người nghĩ như vậy: ‘Đúng là sứ giả Tăng hay sẽ là sứ giả các vua.’ Chư thiên đều đứng dậy nghinh đón và nói:

“Lành thay, Tôn giả!”

Từ xa Mục-liên thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người, bèn nghĩ thầm: ‘Thế Tôn ở tại cõi trời, cũng vẫn bị quấy rầy.’ Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, [707a01] Mục-liên bạch Phật:

“Thế Tôn, chúng bốn bộ hỏi thăm Như Lai sống có được nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không, và bạch việc này: ‘Như Lai sanh trưởng trong cõi Diêm-phù-đề, đắc đạo tại thế gian, cúi xin Thế Tôn trở về lại thế gian. Bốn chúng khát trông, muốn được gặp Thế Tôn.’”

Thế Tôn bảo:

“Mong cho chúng bốn bộ tiến tu đạo nghiệp không mệt mỏi. Thế nào, Mục-liên, chúng bốn bộ du hóa có cực nhọc không? Không có kiện tụng phải không? Ngoại đạo dị học không xúc nhiều chăng?”

Mục-liên đáp:

“Chúng bốn bộ hành đạo không có mệt mỏi.”

“Nhưng này Mục-liên, lúc nãy, ông nghĩ rằng: ‘Như Lai ở đây vẫn bị quấy rầy.’ Việc này không phải vậy. Vì sao vậy? Vì thời gian ta thuyết pháp không kéo dài lâu. Nếu ta nghĩ, muốn chư thiên đến, thì chư thiên liền đến. Ta muốn chư thiên không đến, chư thiên không đến. Mục-

liên, ông hãy trở về thế gian. Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thì.⁹

Lúc ấy, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Mục-liên đã trở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, đến gặp bốn chúng nói với họ:

“Các hiền giả nên biết! Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thì Diêm-phù-đề.”

Sau khi chúng bốn bộ nghe những lời này xong, vui mừng hớn hở, không tự chế được. Vua Ba-tư-nặc, Ưu-diên, Ác sanh, Ưu-đà-diên, Tần-bà-sa-la¹⁰ nghe tin bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn nước Tăng-ca-thì, vui mừng hớn hở, không tự chế được. Dân chúng Tỳ-xá-ly, dòng họ Thích Ca-tỳ-la-vệ¹¹, nhân dân Câu-di-la-việt, nghe Như Lai sẽ đến cõi Diêm-phù-đề. Nghe xong vui mừng hớn hở, không tự chế được.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh đến cạnh hồ nước này để gặp Thế Tôn. Lúc ấy, năm vị vua đều tập hợp binh chúng đến chỗ Thế Tôn, muốn được hầu thăm Như Lai. Dân chúng dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đều đến chỗ Thế Tôn, cùng chúng bốn bộ cũng đều đến chỗ Thế Tôn muốn được gặp Thế Tôn.

Bấy giờ là ngày đầu bảy ngày, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử Tự tại:

“Hôm nay, từ đỉnh núi Tu-di đến hồ nước Tăng-ca-thì,

⁹ Tăng-ca-thì quốc 僧迦尸國. Pāli: Saṅkassa, một thị trấn cách Xá-vệ chừng 30 dặm. Thế Tôn thị hiện thân biến tại đây, dưới cây Gaṇḍamba.

¹⁰ Đề bản: Tần-tì-sa-la

¹¹ Đề bản: Ca-tỳ-la-việt.

Tăng nhất A-hàm

ông hãy làm ba con đường. Ta quan sát, Như Lai sẽ không dùng thần túc trở về Diêm-phù-đề.”

Thiên tử Tự tại đáp:

[707b01]“Việc này rất hay. Đúng lúc ấy, tôi sẽ làm xong ngay.”

Thiên tử Tự tại làm ba con đường bằng vàng, bạc và thủy tinh. Con đường vàng ở giữa, đường thủy tinh một bên, và đường bạc một bên. Hai bên, hóa ra cây vàng.

Trong thời gian bảy ngày ấy, các vị chư thiên thần diệu đều đến nghe pháp.

Bây giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng nghìn vạn chúng trước sau vây quanh; thuyết về khổ của năm thủ uẩn.¹² Sao gọi là năm? đó là sắc, thọ*, tưởng, hành, thức.

“Sao gọi là sắc uẩn? Đó là thân do bốn đại, là sắc được tạo bởi bốn đại. Đó gọi là sắc uẩn.

“Sao gọi là thọ* uẩn? Đó là cảm thọ khô, cảm thọ lạnh, cảm thọ không khô không lạnh. Đó gọi là thọ uẩn.

“Sao gọi là tưởng uẩn? Đó là sự tụ hội của ba thời. Đó gọi là tưởng uẩn.

“Sao gọi là hành uẩn? Đó là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó gọi là hành uẩn.

“Sao gọi là thức uẩn? Đó là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Đó gọi là thức uẩn.

“Sao gọi là sắc? Sắc bao gồm lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc.

¹² Truyền thuyết Pāli, Phật giảng Abhidhamma trên Tam thập tam thiên. Đoạn này Phật đang giảng nội dung của Abhidhamma.

“Sao gọi là thọ? Thọ là giác biết. Giác biết vật gì? Giác biết khổ, giác biết lạc, giác biết không khổ, không lạc. Đó gọi là giác biết.

“Sao gọi là tướng? Tướng cũng là biết. Đó là biết xanh, vàng, đỏ, trắng, biết khổ, biết lạc. Đó gọi là biết.

“Sao gọi là hành? Nó tác thành nên gọi nó là hành. Tác thành những gì? Hoặc thành hành vi ác, hoặc thành hành vi thiện. Cho nên gọi là hành.

“Sao gọi là thức? Thức là phân biệt nhận biết phải hay không phải, cũng nhận biết các vị. Đó gọi là thức.

“Các thiên tử nên biết, có năm thủ uẩn này, là biết có ba đường: ác đạo, thiên đạo và nhân đạo. Năm thủ uẩn này diệt, biết là có đạo Niết-bàn.”

Khi Phật nói pháp này cho các vị trời, có sáu vạn người trên trời được mắt pháp trong sạch.

Sau khi thuyết pháp xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu-di nói kệ này:

*Các người hãy siêng học
Nơi Phật, Pháp, Thánh chúng.
Diệt đường đến tử vong,
Như dùng móc dạy voi.
Những ai không biếng nhác
Ở trong Chánh pháp này;
Người ấy dứt sanh tử,
Không có nguồn gốc khổ.*

[707c01] Thế Tôn nói kệ này xong, bèn đi đến con đường giữa. Khi ấy Phạm thiên trên con đường bạc phía bên hữu Như Lai. Thích Đề-hoàn Nhân trên con đường thủy tinh bên trái. Chư thiên chúng ở giữa hư không rải hoa, đốt hương, xướng kỹ nhạc, giúp vui cho Như Lai.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc¹³ nghe Như Lai hôm nay sẽ đến cạnh hồ trong nước Tăng-ca-thì ở Diêm-phù-đề. Cô suy nghĩ như vậy: “Chúng bốn bộ, quốc vương, đại thần, nhân dân trong nước không ai là không đến. Nếu ta bằng thường pháp đến thì điều này chẳng thích hợp. Nay ta phải hiện thành hình dung Chuyển luân Thánh vương đến gặp Thế Tôn.”

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền ẩn hình, hiện thành Chuyển luân Thánh vương đầy đủ bảy báu, như là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điện binh báu, kho tàng báu.

Trong lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề đang vá y tại một mé núi, trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành La-duyet. Tu-bồ-đề nghe Thế Tôn hôm nay về đến châu Diêm-phù-đề, thâm nghĩ, “Chúng bốn bộ không ai là không đến gặp. Nay ta cũng nên đến thăm hỏi, lễ bái Như Lai.” Tôn giả Tu Bồ Đề liền ngưng việc vá y. Rời chỗ ngồi đứng dậy, chân phải vừa chạm đất, tức thì ngai lại nghĩ: ‘Thân hình Như Lai đó, cái gì là Thế Tôn, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chăng? Người mà ta đến gặp lại là đất, nước, lửa, gió chăng? Hết thấy các pháp đều rỗng không vắng lặng, không tạo, không tác, như những gì Thế Tôn đã nói kệ:

*Nếu ai muốn lễ Phật
Và các bậc tối thắng,
Uân, xứ, giới¹⁴ các loại,
Đều phải quán vô thường.*

¹³ Ưu-bát-hoa-sắc 優鉢華色: Liên Hoa Sắc. Pāli: Pālī:

Uppalavaṇṇā, Tỳ-kheo-ni thần thông đệ nhất. Xem kinh 2 phẩm 5.

¹⁴ Âm, trì, nhập 陰持入: Uân, giới, xứ. Pāli: *khandha, dhātu, āyatana*.

*Phật quá khứ xa xưa,
Cho đến Phật tương lai,
Cùng chư Phật hiện tại,
Tất cả đều vô thường.*

*Nếu ai muốn lễ Phật
Quá khứ và tương lai,
Hoặc ở trong hiện tại,
Phải quán nơi pháp Không.*

*Nếu ai muốn lễ Phật,
Quá khứ và tương lai,
Hoặc ở trong hiện tại,
Nên xét nơi Vô ngã.*

“Trong đây không có ngã, không có mạng, không có con người, không có tạo tác, cũng không hình dung, có dạy, có truyền. Các pháp thấy đều không tịch. Cái gì là ngã? Cái ta là không [708a01] chủ. Nay ta quy mạng tụ chơn pháp.” Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền ngồi vá y trở lại.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc hóa thành Chuyển luân Thánh vương, bảy báu dẫn đường, đi đến chỗ Thế Tôn. Năm vua từ xa trông thấy Chuyển luân Thánh vương đến, vui mừng hơn hờ, không tự chế được, tự nói với nhau: “Thật là kỳ diệu hiếm có! Thế gian xuất hiện có hai trân bảo, là Như Lai và Chuyển luân Thánh vương.”

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn hàng vạn thiên chúng từ trên đỉnh núi Tu-di xuống đến cạnh hồ nước. Thế Tôn đưa chân dẫm lên đất, ngay khi ấy khiến ba ngàn Đại thiên thế giới này chấn động sáu cách. Chuyển luân Thánh vương hóa hiện, từ từ đi đến chỗ Thế Tôn. Vua các nước nhỏ và nhân dân tất cả đều tránh ra. Khi đã đến gần Thế Tôn, Chuyển luân Thánh vương hóa giả liền hiện nguyên hình là Tỳ-kheo-ni và đánh lễ sát chân. Năm vị vua thấy vậy,

đều than thở, bảo nhau: “Hôm nay chúng ta thật có sự mất mát. Chúng ta đáng ra được gặp Như Lai trước tiên, nhưng nay thì Tỳ-kheo-ni này đã gặp trước.”

Tỳ-kheo-ni đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật rằng:

“Nay con đánh lễ đấng Tồi Thẳng! Hôm nay, con được hầu thăm trước tiên. Con là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc, đệ tử của Như Lai.”

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ này:

*Nghiệp lành nhờ lễ trước,
Hơn hết, không ai bằng.
Cửa giải thoát Không, Vô¹⁵
Đó là nghĩa lễ Phật.
Nếu ai muốn lễ Phật,
Tương lai và quá khứ,
Hãy quán pháp Không vô.¹⁶
Đó là nghĩa lễ Phật.*

Khi ấy, năm vua và nhân dân nhiều không thể đếm xuể, đến chỗ Thế Tôn. Mỗi vị đều tự xưng danh hiệu. Con là Ba-tư-nặc vua nước Ca-thi. Con là Ưu-diên vua nước Bạt-sai. Con là Ác Sanh vua của Nhân dân Ngũ đô.¹⁷ Con là Ưu-đà-diên vua nước Nam hải. Con là Tần-bà-sa-la vua nước Ma-kiệt-đà. Lúc ấy, nhân dân trong khoảng

¹⁵ Kệ lược bớt chữ trong bản Hán: Không, Vô tướng, Vô nguyên; ba giải thoát môn.

¹⁶ Không vô, hay không tịch. Pāli: *suññatā*.

¹⁷ Nhân dân Ngũ đô, hay Ngu đô, có lẽ tương đương Pāli: *Pañcālajanapada* (*Pañcālaratṭha*), được kể 1 trong 16 đại quốc thời Phật. Theo Pāli, vua bấy giờ là Dummukha.

mười một na-thuật,¹⁸ cùng chúng bốn bộ và những Gia chủ tối tôn cả thấy là một ngàn hai trăm năm mươi người đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, vua Ưu-điền ôm tượng bằng ngưu-đầu chiên-đàn trong tay và nói kệ với Như Lai:

*Con có việc muốn hỏi,
[708b01] Từ bi hộ hết thấy:
Người tạo hình tượng Phật
Được những phước đức gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

*Đại vương, hãy lắng nghe,
Ta giảng nghĩa ít nhiều.
Người tạo hình tượng Phật,
Nay chỉ nói sơ lược.*

*Trước nhất, mắt không hư,
Sau có được thiên nhãn.
Phân biệt rõ trắng đen,
Đức tạo hình tượng Phật.*

*Hình vóc sẽ hoàn hảo
Ý chính, không mê lầm.
Thế lực hơn người thường.
Người tạo hình tượng Phật,*

*Hẳn không đọa đường ác;
Khi chết sanh lên trời,
Ở đó làm thiên vương:
Phước làm hình tượng Phật.*

¹⁸ Na-thuật 那術. Số đếm. Các phiên âm khác: na-do-tha, na-do-đà, tương đương một vạn, nghìn vạn, hay nghìn ức. Skt. nayuta.

*Phước khác không thể kể.
Phước kia khó nghĩ bàn.
Tiếng tốt vang bốn phương:
Phước tạo hình tượng Phật.*

“Lành thay, lành thay! Đại vương làm được nhiều lợi ích cho trời người mong nhờ.”

Lúc ấy, vua Ưu Điền vô cùng sung sướng.

Bấy giờ, Thế Tôn vì chúng bốn bộ và năm vua nói về diệu luận. Luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên; dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, giải thoát là vi diệu. Khi Thế Tôn đã thấy tâm ý chúng bốn bộ đã được khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì họ mà nói. Bấy giờ ngay trên chỗ ngồi hơn sáu vạn trời người dân, dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, năm vua bạch Thế Tôn:

“Nơi này là phước tối diệu, là đất thiêng, nên Như Lai mới từ trời Đâu-suất xuống, thuyết pháp tại đây. Nay chúng con muốn kiến lập nơi này khiến vĩnh viễn không còn bị mục nát.”

Thế Tôn bảo:

“Này năm Vua, các ông hãy xây dựng thân tự ở nơi này, đời đời hưởng phước không bao giờ hư hoại.”

Các vua thưa:

“Phải xây dựng thân tự như thế nào?”

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi bàn tay phải, từ trong đất xuất hiện chùa Ca-diếp Như Lai. Nhìn năm Vua mà bảo:

“Muốn tạo thân tự, hãy theo pháp này.”

Lúc ấy, năm vua liền khởi xây đại thần tự ở nơi này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tùy tùng của các Như Lai hằng sa trong quá khứ nhiều ít cũng như hôm nay không khác. Ngay cả tùy tùng của hằng sa chư Phật trong tương lai nhiều [708c01] ít cũng như hôm nay không khác. Nay Kinh này đặt tên là ‘Du thiên Pháp bốn.’

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Chúng bốn bộ và năm vua, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁹

¹⁹ Bản Hán, hết quyển 28.

THIÊN SÁU PHÁP

37. PHẨM SÁU TRỌNG PHÁP

KINH SỐ 1

[708b11] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy suy niệm sáu trọng pháp,¹ kính trọng, tôn trọng, và ghi nhớ mãi ở trong tâm không cho quên mất.²

“Những gì là sáu? Ở đây, Tỳ-kheo thân hành niệm từ,³ như soi gương thấy hình mình, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, được các thứ lợi lộc đúng pháp thì nên chia cho các phạm hạnh cùng hưởng, không tưởng tiếc rẻ; pháp

¹ Lục trọng pháp 六重法, thường nói là sáu pháp hòa kính, hay sáu pháp khả hỷ. Xem *Trung* 52, kinh 196 Châu-na (T1n26, tr. 755b21): Sáu pháp ủy lạo 六慰勞法. Pāli, M 104 Sāmagāmasutta (R. iii. 250): *Cha sārāṇīya-dhammā*.

² Pāli, *ibid.*, *chayime dhammā sārāṇīyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅghāya avivādāya sāmaggīyā ekībhāvāya samvattanti*, có sáu pháp khả niệm này, tác thành thân ái, tôn trọng, đưa đến đoàn kết, không tranh cãi, hòa hiệp, nhất trí.

³ Pāli, *ibid.*, *mettaṃ kāyakammaṃ paccupaṭṭhitam hoti sabrahmacārisu āvi ceva raho ca*, biểu hiện thân nghiệp từ ái đối với đồng phạm hạnh, trước công chúng cũng như nơi kín đáo.

này đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, có các giới cấm không hủ, không bại, cực kỳ hoàn hảo, không sút, không thủng, được bậc trí quý trọng, lại muốn đem giới này được phân bố cho người khác cũng đồng một vị; pháp này đáng kính, đáng quý không để quên mất.

“Lại nữa, chánh kiến của Hiền thánh dẫn đến xuất yếu; có kiến giải như vậy, và muốn các vị phạm hạnh đồng tu cùng đồng pháp này, cũng đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu trọng pháp này, đáng kính, đáng quý, không để quên mất. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xuyên tu tập các hành vi của thân, miệng, ý; nếu được các thứ lợi dưỡng, cũng nên nghĩ phân đều cho nhau, chớ khởi tương tham.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao A-nậu-đạt⁴ cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Các vị ấy đều là La-hán, ba minh⁵, sáu thông, thần túc tự [709a01] tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một Tỳ-kheo A-nan.

⁴ A-nậu-đạt tuyền 阿耨達泉. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 116c6). Pāli: Anotatta.

⁵ Nguyên Hán: Tam đạt 三達, thường nói là tam minh. Pāli: *tevijjā*.

Bảy giờ, Thế Tôn ngồi trên hoa sen vàng mà cọng sen được làm bằng bảy báu. Năm trăm Tỳ-kheo đều ngồi trên hoa sen báu. Khi ấy, Long vương A-nậu-đạt⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Sau khi quan sát hết Thánh chúng rồi, Long vương bạch Thế Tôn:

“Nay con thấy trong chúng này, trống, thiếu, không đủ, vì không có Tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo mời Tôn giả Xá-lợi-phất đến.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ngồi vá y cũ tại tinh xá Kỳ-hoàn. Bảy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-liên:

“Thầy đến chỗ Xá-lợi-phất bảo Xá-lợi-phất rằng: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Tôn giả Mục-liên đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất tại tinh xá Kỳ-hoàn, và nói với Xá-lợi-phất, Như Lai dạy: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’

Xá-lợi-phất đáp:

“Thầy hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Mục-liên đáp:

“Hết thầy Thánh chúng và Long vương A-nậu-đạt mong đợi tôn nhan, muốn được tương kiến, xin hãy đi ngay, đừng có chậm trễ.”

⁶ A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 117a1).

Tăng nhất A-hàm

Xá-lợi-phất đáp:

“Thầy hãy đến đó trước. Tôi sẽ đến sau.”

Lúc ấy, Mục-liên lại nói lại:

“Thế nào, Xá-lợi-phất, trong thần túc, có thể hơn được tôi sao, mà nay lại bảo tôi đi trước? Nếu Thầy không đứng dậy ngay thì tôi sẽ nắm cánh tay kéo đến suối ấy.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Mục-liên đang tìm cách đùa thử ta vậy!’

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cời dây đai kiết-chi⁷ đặt xuống đất, nói với Mục-liên:

“Nếu thần túc của Thầy là đệ nhất, thử cất giải y này lên khỏi mặt đất, sau đó hãy nắm cánh tay tôi dẫn đến ao A-nậu-đạt.”

Mục-liên nghĩ thầm:

“Xá-lợi-phất định đùa với ta nên muốn thử chẳng? Nay ông ấy đã cời dây đai đặt trên đất bảo ta nếu cất lên được, sau đó nắm cánh tay dẫn đi.”

Mục-liên lại nghĩ: ‘Đây ắt có nguyên nhân, nếu không, chẳng việc gì phải khổ nhọc.’ Lập tức, Tôn giả duỗi tay lấy sợi đai nâng lên, nhưng không thể khiến dây đai nhúc nhích mảy may nào. Mục-liên dùng hết sức của mình, vẫn không di chuyển đai này, không thể làm lay động

⁷ 羯支帶 *kiết chi đới*. *Kiết-chi* 羯支, tức *tăng-kiết-chi* 僧羯支, Skt. *saṃkacṣikā* (Pāli: *saṃkacchika*), các phiên âm khác: *Tăng-khước-kì* 僧却崎, *tăng-kì-chi* 僧祈支 dịch là *phủ kiên y* 覆肩衣 hay *yếm nịch y* 掩腋衣; thường chỉ yếm che ngực của tỳ-kheo ni; nhưng cũng chỉ y trùm vai của tỳ-kheo. Xem *Tứ phần* 48 tr. 24c14, *Phiên dịch danh nghĩa tập* 7 T54 tr. 1171c5.

được. Rồi Xá-lợi-phất lấy đai ấy buộc chặt vào cành cây [709c01] diêm-phù. Tôn giả Mục-liên lại dùng hết thân lực của mình muốn nâng dây này, nhưng không thể làm nó lay động, rốt cuộc không thể làm di chuyển được. Đang lúc nâng đai này lên, đất Diêm-phù chấn động.

Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể khiến Diêm-phù-đề này rung động, huống chi dây đai này. Nay ta nên đem đai này buộc chặt vào hai thiên hạ.’ Bấy giờ, Mục-liên cũng lại nâng nó. Buộc vào ba thiên hạ cho đến bốn thiên hạ cũng có thể nâng lên như nâng chiếc y mỏng.⁸

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể nâng bốn thiên hạ, cũng không đáng để nói. Nay ta phải đem đai này buộc chặt vào lưng núi Tu-di.’ Mục-liên lại làm lay động núi Tu-di này và cung Tứ thiên vương, cung trời Tam thập tam. Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai ấy vào một ngàn thế giới. Mục-liên cũng làm cho lay động.

Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai này vào hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, cũng lại lay động. Khi ấy, trời đất chấn động mạnh, chỉ có chỗ Như Lai ở ao A-nậu-đạt là không lay động, giống như người lực sĩ đùa với lá cây, không có gì khó khăn.”

Bấy giờ, Long vương bạch Thế Tôn :

“Vì sao trời đất này nay chấn động dữ vậy?”

Thế Tôn nói hết duyên gốc này cho Long vương.

Long vương bạch Phật:

“Hai vị ấy, thần lực của ai là hơn hết?”

⁸ Có sự mâu thuẫn bất nhất trong đoạn Hán dịch này.

Thế Tôn bảo:

“Thần lực Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là hơn hết.”

Long vương bạch Phật:

“Trước đây Thế Tôn đã từng xác nhận, thần túc của Tỳ-kheo Mục-liên là bậc nhất, không ai vượt hơn được.”

Thế Tôn đáp:

“Long vương nên biết, có bốn thần túc. Sao gọi là bốn? Là tự tại tam-muội thần lực, tinh tấn tam-muội thần lực, tâm tam-muội thần lực, giới tam-muội thần lực.⁹ Nay Long vương, đó gọi là có bốn thần túc lực này. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào có bốn thần túc lực này, thường xuyên tu hành không hề buông bỏ, đó là thần lực bậc nhất.”

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

“Tỳ-kheo Mục-liên không được bốn thần túc ấy sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo Mục-liên cũng được bốn thần túc lực này và thường xuyên tu hành không hề buông bỏ. Tỳ-kheo Mục-liên muốn giữ thọ mạng đến một kiếp, cũng có thể làm được. Nhưng Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên của tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: “Ba ngàn đại thiên quốc độ, Mục-liên [709c01] đều có thể di chuyển, làm cho vô số côn trùng bị chết, không tính hết.¹⁰ Nhưng tự thân ta nghe chỗ ngồi của Như Lai không thể lay động được. Nay ta có thể dùng đai này buộc chặt vào chỗ ngồi

⁹ Chi tiết, xem kinh số 7 phẩm 29 trên.

¹⁰ Chi tiết có thể do dịch giả Hán thêm vào; nó trái với ý nghĩa căn bản về hành vi vô ý thức của A-la-hán.

của Như Lai.” Mục-liên lại dùng thần túc nâng dây đai ấy nhưng không thể làm lay động. Mục-liên nghĩ thâm như vậy: “Chẳng lẽ thần túc ta bị sút giảm rồi sao? Nay nâng đai này mà không thể làm nó lay động. Ta hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này.”

Mục-liên sau khi buông đai này, liền dùng thần túc đi đến chỗ Thế Tôn. Từ xa, trông thấy Xá-lợi-phất đã ngồi ở trước Như Lai. Thấy vậy, Mục-liên lại nghĩ thâm: “Đệ tử của Thế Tôn, thần túc bậc nhất không ai vượt qua ta. Nhưng ta không bằng Xá-lợi-phất sao?”

Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

“Không lẽ với thần túc, con đã có sự sút giảm chăng? Vì sao vậy? Vì con rời khỏi tinh xá Kỳ-hoàn trước Xá-lợi-phất, sau đó Xá-lợi-phất mới đi. Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã ngồi trước Như Lai.”

Phật bảo:

“Thần túc của người không hề giảm sút, nhưng người không thể hiểu được thần túc tam-muội mà Xá-lợi-phất đã nhập. Vì sao vậy? Vì trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vô lượng, tâm được tự tại. Người không được tùy tâm bằng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đã được tự tại nơi tâm thần túc. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nghĩ đến pháp gì, tâm được tự tại đối với pháp ấy.” Đại Mục-liên ngay lúc đó im lặng.

Long vương A-nậu-đạt vui mừng hơn hờ, không tự chế được, vì nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có rất nhiều thần lực không thể nghĩ bàn. Những tam-muội mà ngài nhập, Tỳ-kheo Mục-liên không thể biết tên được.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Long vương A-nậu-đạt thuyết pháp vi diệu, khích lệ, làm Long vương hoan hỷ. Ngay tại đó

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn thuyết giới. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Từ miệng Thế Tôn đã ký thuyết, người có thần thông bậc nhất trong các Thanh văn chính là Tỳ-kheo Mục-liên, nhưng ngày nay không bằng Xá-lợi-phất.”

Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi tướng khinh mạn đối Mục-liên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: ‘Các Tỳ-kheo này khởi tướng khinh mạn đối với Mục-liên, sẽ chịu tội khó kể hết.’ Phật bảo Mục-liên:

“Hãy hiện thần lực của người khiến cho chúng này thấy, chớ để cho đại chúng khởi tướng biếng nhác.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngay ở trước Như Lai mà biến mất, đi qua [710a01] bảy hằng hà sa cõi Phật phương Đông. Ở đó, có Phật tên Kỳ Quang Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở cõi ấy. Mục-liên đến cõi ấy với y phục phàm thường, rồi ở đó đi quanh trên miệng bát. Nhân dân ở cõi ấy có hình thể rất lớn. Khi các Tỳ-kheo ở đó thấy Mục-liên, nói với nhau:

“Các thầy hãy nhìn xem, con sâu này giống y như samôn.”

Các Tỳ-kheo bắt xuống cho Phật ấy xem:

“Bạch Thế Tôn, nay có một con sâu giống y như samôn.”

Kỳ Quang Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

“Cách đây bảy hằng hà sa quốc độ thế giới kia về phương Tây, có Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn,

Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Đây là đệ tử vị ấy, thần túc bậc nhất.”

Bấy giờ, đức Phật kia bảo Mục-liên:

“Các Tỳ-kheo này nảy ý tưởng khinh mạn. Ngươi hãy hiện thần túc cho đại chúng được thấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo kia đem lên trời Phạm thiên. Khi ấy, Mục-liên dùng chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt trời Phạm thiên, rồi nói kệ này:

*Thường hãy niệm tinh cần,
Tu hành trong pháp Phật.
Hàng phục Ma, oán địch,
Như dùng móc dạy voi.¹¹
Nếu ai nơi pháp này
Thực hành không phóng dật,
Sẽ dứt sạch gốc khổ
Không còn các bức não.¹²*

Bấy giờ, Mục-liên làm cho âm vang này tràn đầy khắp tinh xá Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo khi nghe âm thanh này, đến bạch Thế Tôn:

“Mục-liên đang ở nơi nào mà nói bài kệ này?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo Mục-liên đang ở cách đây bảy hằng hà sa côi

¹¹ Pāli, ibid. *dhunātha maccuno senam, naḷāgāraṃva kuñjaro*, các người hãy quét sạch quân Ma, như voi dẹp nhà lá.

¹² Bài kệ, xem Pāli, S 6. 2.4 Aruṇavatī (R. i. 156).

Tăng nhất A-hàm

Phật về phương Đông, đứng năm trăm Tỳ-kheo trong bình bát, chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên mà nói bài kệ này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tán thán:

“Thật là việc chưa từng có, thật là kỳ diệu! Tỳ-kheo Mục-liên có thần túc lớn như vậy mà đối với Mục-liên chúng con khởi ý khinh mạn. Xin Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo ấy trở về chôn này.”

Thế Tôn từ xa hiện đạo lực cho Mục-liên biết ý. Mục-liên bèn đem năm trăm Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho hàng nghìn vạn chúng. [710a28] Đại Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Đệ tử của Phật Thích-ca Văn ngược lên nhìn các Tỳ-kheo ấy. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo ấy:

“Các vị từ đâu đến và là đệ tử của ai, đi đường mất bao lâu?”

Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca Văn:

“Thế giới chúng con hiện ở phương Đông. Phật hiệu là Kỳ Quang Như Lai. Chúng con là đệ tử của Phật ấy. Nhưng hôm nay chúng con lại cũng không biết là từ đâu đến và đã trải bao nhiêu ngày!”

Thế Tôn hỏi:

“Các ông có biết thế giới Phật không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Hôm nay các vị có muốn về lại nơi ấy không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn trở về lại nơi ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

“Hôm nay, Ta sẽ vì các vị nói về pháp sáu giới, hãy suy niệm kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Vì sao pháp ấy được gọi là pháp sáu giới? Tỳ-kheo nên biết, con người là sáu giới,¹³ thụ bẩm tinh khí của cha mẹ mà sanh ra.

“Những gì là sáu? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.¹⁴ Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu giới này.

“Thân người thụ bẩm tinh khí này mà sanh sáu xứ¹⁵. Sao gọi là sáu xứ? Đó là xứ của mắt, xứ của tai, xứ của mũi, xứ của lưỡi, xứ của thân và xứ của ý. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu xứ này, nhờ cha mẹ mà có được. Ý nơi sáu xứ mà có sáu thức thân. Sao gọi là sáu? Ý nơi thức của mắt mà có thức thân của mắt. Ý nơi thức của tai, thức

¹³ Lục giới chi nhân 六界之人. Cf. Pāli, M. 140 Dhātuvibhaṅga (R.iii. 239): *chadhāturo ayaṃ, bhikkhu, puriso chaphassāyatano aṭṭhārasa-manopavicāro caturādhiṭṭhāno*, “Nay các Tỳ-kheo, con người này là sáu giới này; là sáu xúc xứ, mười sáu ý cận hành, bốn trú xứ.”

¹⁴ Pāli, *ibid.*, *chayimā dhātuyo—pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññānadhātu*.

¹⁵ Lục nhập 六入, sáu xứ. Pāli: *cha āyatanāni*.

của mũi, thức của lưỡi, thức của thân, thức của ý mà có thức thân của ý.¹⁶ Đây Tỳ-kheo, đó gọi là sáu thức thân.

“Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu sáu giới, sáu xứ, sáu thức này, có thể vượt qua sáu cõi trời mà thọ hình trở lại.¹⁷ Nếu ở nơi ấy mạng chung sẽ sanh vào chốn này, thông minh tài cao, ngay trên hiện thân dứt sạch kết sử, đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Nay ngươi hãy đem các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật ấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lại lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo ấy, nhiều Phật ba vòng rồi lui đi, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay đã đến cõi Phật ấy. Mục-liên đặt các Tỳ-kheo này xuống xong, đánh lễ sát chân Phật ấy, rồi trở về thế giới Nhân này¹⁸. Các Tỳ-kheo cõi kia sau khi nghe sáu giới này đều dứt sạch cấu uế, được mắt pháp [710c01] trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo,

“Trong các đệ tử của ta, Thanh văn có thần thông bậc nhất khó ai bì kịp, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶ Lục thức thân 六識身, Pāli, *cha viññāṇkāyā*.

¹⁷ Vượt qua sáu Dục giới thiên, tái sinh Sắc giới.

¹⁸ Nhân giới 忍界, thế giới Kham nhẫn, tức thế giới Ta(Sa)-bà. Skt. Sahalokadhātu.

KINH SỐ 3

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Sư tử,¹⁹ nước Bạt-kỳ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đức cao có thần túc²⁰, như hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ly-việt, A-nan, v.v..., gồm năm trăm người đều có mặt.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đại Mục-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, đi đến chỗ Xá-lợi-phất. A-nan trông thấy ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất, liền bảo Ly-việt:

“Ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất. Hai chúng ta cũng nên đến chỗ Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Để nghe Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu.”

Ly-việt đáp:

“Việc này đáng vậy.”

Lúc ấy, Ly-việt, A-nan đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nói:

“Kính chào chư hiền! Mời ngồi xuống chỗ này.”

Xá-lợi-phất nói với A-nan:

“Nay tôi có điều muốn hỏi: Vườn Ngưu sư tử này thật là

¹⁹ Sư tử viên 師子園; đoạn dưới nói: Ngưu sư tử viên 牛師子園. Trong Pāli không có vườn nào tên Sư tử. Nội dung kinh tương đương M 32 Mahā-Gosiṅgasutta (R. i. 213), tại vườn Gosiṅgasālvanaḍāya: Ngưu giác sa-la lâm. Có lẽ Hán dịch đọc là Gosimha (Ngưu Sư tử) thay vì Gosiṅga (Ngưu giác, sừng bò). Khu rừng này ở tại Nāḍika, trong lãnh thổ của Vajji (Bạt-kỳ). Xem, Hán dịch tương đương, *Trung* 48, kinh 184: Ngưu giác sa-la lâm 牛角娑羅林.

²⁰ Thần túc cao đức 神足高德; Pāli, *ibid.*: *abhiññātehi abhiññātehi*, rất nổi tiếng, được mọi người biết đến.

khả ái lạc, hương trời tự nhiên bay khắp bốn phía. Ai có thể làm cho khu vườn này trở nên khả ái?²¹”

A-nan đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghe nhiều, những điều đã nghe không quên, tổng trì nghĩa và vị²² của các pháp, tu hành phạm hạnh đầy đủ.²³ Các pháp như vậy thấy đều đầy đủ, không quên sót, vì chúng bốn bộ mà nói pháp không mất thứ lớp, cũng không sơ sót, không có loạn tướng. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguru sư tử này trở nên khả ái lạc.”

Bây giờ, Xá-lợi-phất nói với Ly-việt:²⁴

“Hôm nay, A-nan đã nói rồi. Nay tôi lại muốn hỏi ý nghĩa nơi Thầy. Vườn Nguru sư tử mà trở thành khả ái lạc, Thầy hãy nói, có nghĩa như thế nào?”²⁵

Ly-việt đáp:

“Tỳ-kheo vui thích sống nơi nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, cùng tương ưng chỉ quán. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguru sư tử trở thành khả ái.”

²¹ Pāli, ibid., *kathamrūpena bhikkhunā gosiṅgasālavanam sobheyyā*”ti? Tỳ-kheo như thế nào thì làm sáng chói khu rừng Gosiṅgāsāla này? So sánh *Trung* 48, ibid. “Tỳ-kheo như thế nào thì làm *khởi phát* rừng Nguru giác sa-la này?”

²² Pāli: *sāttā sabyañjanā*: (pháp ấy) có nghĩa và có văn.

²³ Pāli: *kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam abhivadanti*, (pháp ấy) hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh và tuyệt đối hoàn hảo.

²⁴ Ly-việt 離越, xem kinh 2 phẩm 4. Pāli: Revata (Khadiravaniyo), đệ nhất lâm trú (*āraññakānam*).

²⁵ Nội dung câu hỏi Xá-lợi-phất nêu cho các Tỳ-kheo như nhau: Ai làm sáng chói khu rừng này? Văn Hán dịch biến thiên, dễ gây hiểu nhầm.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với A-na-luật²⁶:

“Nay Thầy hãy nói về ý nghĩa làm cho khả ái.”

A-na-luật đáp:

“Nếu Tỳ-kheo nào dùng thiên nhãn quan sát trông suốt các chúng sanh kẻ chết người sống, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu; thấy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sanh thân, [711a01] miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh. Giống như một người nhìn không trung, thấy không thiếu thứ gì.²⁷ Tỳ-kheo có thiên nhãn cũng lại như vậy, xem thấy thế giới không chút nghi ngờ. Tỳ-kheo làm cho khu vườn Ngưu sư tử trở thành khả ái.”

Xá-lợi-phất lại nói với Ca-diếp:

“Nay tôi hỏi Thầy, các hiền giả đã nói ý nghĩa làm cho khả ái như vậy. Nay đến lượt Thầy nói việc ấy.”

Ca-diếp đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào sống hành a-lan-nhã, lại khuyến khích người khác hành a-lan-nhã, tán thán đức nhân tĩnh, tự thân đắp y vá nhiều mảnh,²⁸ lại khuyến khích người khác hành đầu-đà, thân tự biết đủ, sống nơi nhân tĩnh, lại khuyến khích người khác tu hạnh ấy. Tự thân đầy đủ giới đức, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải

²⁶ A-na-luật 阿那律; thiên nhãn đệ nhất. Pāli: Anuruddha.

²⁷ Hán dịch lược bỏ đoạn giữa về thiên nhãn.

²⁸ Bỏ nạp chi y 補納之衣, đây hiểu là tri y phẩn tảo, một trong các hạnh đầu-đà. Pāli: *pamsukūliko*.

thoát, thành tựu giải thoát tri kiến,²⁹ lại dạy người khác khiến hành pháp này, tán thán pháp này, đã có thể khuyến hóa, lại dạy người khác khiến hành pháp này, giáo hóa không biết mệt mỏi. Tỳ-kheo như vậy làm cho vườn Ngưu sư tử trở thành khả ái không gì bằng.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Đại Mục-liên:

“Các Hiền thánh đã nói ý nghĩa làm cho khả ái. Nay đến lượt Thầy nói về ý nghĩa làm cho khả ái. Khu vườn Ngưu sư tử này khoái lạc vô song, nay Thầy muốn nói thế nào điều đó?”

Mục-liên đáp:

“Ở đây, Tỳ-kheo nào có đại thần túc, được tự tại nơi thần túc, vị ấy có thể biến hóa vô số ngàn việc mà không có gì khó khăn trở ngại. Cũng có thể phân một thân thành vô số thân, hoặc hoàn lại thành một thân. Có thể đi xuyên qua vách đá. Vọt lên, chìm xuống, một cách tự tại. Cũng như thuyền lướt trên sông, giống như chim bay trên không, chẳng lưu dấu vết. Giống như lửa dữ thiêu đốt núi hoang. Cũng như mặt trời mặt trăng chiếu khắp mọi nơi. Cũng có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Cũng có thể hóa thân cao đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Ngưu sư tử khả ái³⁰.”

Bấy giờ, Mục-liên nói với Xá-lợi-phất:

“Chúng tôi đều đã nói rõ ý kiến của mình. Nay chúng tôi hỏi ý nghĩa nơi Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như thế nào làm

²⁹ Nguyên Hán: Giải thoát kiến tuệ 解脫見慧, biết rằng ta đã giải thoát.

³⁰ Nguyên Hán dịch: Nghi ngưu sư tử viên trung 宜牛師子園中, “thích nghi trong vườn ngưu sư tử.” Câu văn dịch này bị gãy, dễ khiến hiểu lầm. So nội dung toàn Kinh mà chỉnh lại.

cho khu vườn Nguru sư tử này trở thành rất là khả ái?”³¹

Xá-lợi-phất nói:

“Nếu có Tỳ-kheo nào có khả năng hàng phục tâm, chứ tâm ấy không thể hàng phục Tỳ-kheo.³² Nếu Tỳ-kheo kia muốn đạt tam-muội tức thì Tỳ-kheo kia có thể được [711b01] tam-muội, tùy ý xa gần thành tựu tam-muội, tức có thể thành tựu việc ấy. Giống như nhà trưởng giả có y phục đẹp đựng đầy trong rương. Bấy giờ, gia chủ kia tùy ý muốn lấy những áo nào thì lấy tùy ý mà không có gì khó khăn. Ở đây cũng vậy, có thể tùy ý nhập vào tam muội. Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm,³³ tùy ý nhập định cũng không có gì khó khăn trở ngại. Như vậy, Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận

³¹ 何等比丘宜在其中 Dịch sát nguyên Hán, phải nói: “Vườn Nguru sư tử này cực kỳ khoái lạc, Tỳ-kheo như thế nào nên ở trong đó?” Như vậy có thể hoàn toàn sai với ý nghĩa nội dung toàn Kinh. Khu vườn này không phải là đệ nhất trong các khu vườn để được đánh giá quá cao như vậy. Từ 宜 *nghe*, nên hiểu là “làm sáng chói” theo Pāli: *kathamrūpena bhikkhunā gosīṅgasālavanam sobheyyā*”ti?

³² Đối chiếu Pāli: *no ca bhikkhu cittassa vasena vattati*: Tỳ-kheo không bị chế ngự bởi thế lực của tâm. Xem cht. 33 tiếp theo.

³³ 心能使比丘, 非比丘能使心 tâm năng sử Tỳ-kheo, phi Tỳ-kheo năng sử tâm. Lưu ý văn Hán dịch đảo từ. Xem A. iv. 35 (Vasasuttam): Tỳ-kheo thành tựu 7 pháp chế ngự được tâm chứ không phải bị tâm chế ngự: Thiện xảo định (*samādhikusalo*), thiện xảo nhập định (*samādhissa samāpattikusalo*), thiện xảo trụ định (*samādhissa thitikusalo*), thiện xảo xuất định (*samādhissa vuttānakusalo*), thiện xảo thiện xảo định (*samādhissa kalyāṇākusalo*), thiện xảo cảnh giới định (*samādhissa gocarakusalo*), thiện xảo dẫn phát định (*samādhissa abhinīhārakusalo*).

Tăng nhất A-hàm

dụng tâm. Tỳ-kheo như vậy sẽ khiến vườn Nguu sư tử khả ái.”

Rồi Xá-lợi-phất nói với các hiền giả:

“Chúng ta đã tùy theo biện tài của mình mà nói, và cũng tùy theo chỗ thích hợp mà khéo nói ý nghĩa này. Chúng ta hãy cùng đến hỏi Thế Tôn: ‘Tỳ-kheo như thế nào khiến vườn Nguu sư tử này khả ái?’ Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì chúng ta sẽ phụng hành.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất!”

Lúc ấy, các đại Thanh văn cùng nhau đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, các ngài đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ các đại Thanh văn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Lành thay, đúng như những gì A-nan nói. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo A-nan nghe pháp có thể ghi nhớ, tổng trì các pháp mà đầy đủ sự tu hành phạm hạnh. Với pháp như vậy, được khéo nghe, không quên sót, cũng không có tà kiến, vì chúng bốn bộ mà nói lại, lời lẽ không thác loạn, cũng không sơ suất.

“Những điều Tỳ-kheo Ly-việt nói lại cũng rất hay! Vì sao vậy? Ly-việt ưa thích nơi nhàn tĩnh, không ở giữa người đời, thường niệm tọa thiền, không có tranh cãi, cùng tương ưng chỉ quán, sống an tịch tịch nhàn tĩnh.

“Tỳ-kheo A-na-luật nói cũng lại rất hay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo A-na-luật thiên nhãn bậc nhất. Vị ấy dùng thiên nhãn quan sát ba ngàn thế giới. Giống như người sáng mắt xem hạt ngọc trong lòng bàn tay, Tỳ-kheo A-na-luật

cũng lại như vậy, dùng thiên nhãn quan sát khắp ba ngàn đại thiên thế giới này không chút đáng ngờ.

“Nay Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại rất hay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ca-diếp tự thân sống hành a-lan-nhã, lại hay tán thán đời sống ở nơi nhàn tĩnh. Tự mình khát thực, lại có thể ca ngợi đức khát thực. Tự thân mặc y rách vá, lại hay tán thán về đức mặc y rách vá. Tự thân biết đủ, lại tán thán về đức biết đủ. Tự thân ở nơi hang núi, lại hay tán thán về đức ở hang núi. Tự thân thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, [711c01] thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến*, lại hay dạy người thành tựu năm pháp thân này. Tự thân có thể giáo hóa, lại hay khiến mọi người thực hành pháp ấy.

“Lành thay! Lành thay! Như những gì Mục-liên đã nói. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Mục-liên có oai lực lớn, thần thông bậc nhất, tâm được tự tại, ý muốn kia làm gì đều có thể thành ngay. Hoặc hóa một thân phân làm vạn ức, hoặc hợp trở lại làm một. Đi xuyên qua vách đá mà không có trở ngại. Vọt lên, chìm xuống tự tại. Cũng như thuyền lướt trên nước, không chướng ngại. Như chim giữa hư không, không để lại dấu vết. Giống như mặt trời, mặt trăng, không chỗ nào không chiếu. Có thể hóa thân cho đến trời Phạm thiên.

“Lành thay! Như những gì Xá-lợi-phất nói. Vì sao vậy? Xá-lợi-phất có thể hàng phục tâm, không phải không hàng phục tâm. Xá-lợi-phất khi muốn nhập định thì có thể thành tựu không có khó ngại. Giống như gia chủ có y phục đẹp, tùy ý lấy mà không có khó ngại. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, có thể hàng phục tâm, không phải không có thể hàng phục. Xá-lợi-phất tùy ý nhập tam-muội, tất cả đều hiện tiền.

“Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo, các Thầy đã nói

những gì theo chỗ thích hợp của mình. Nhưng bây giờ hãy nghe những gì Ta nói.

“Tỳ-kheo làm sao khiến vườn Ngưu sư tử khả ái? Tỳ-kheo sống nương theo làng xóm, đến giờ, vị ấy đắp y mang bát, vào làng khát thực. Sau khi khát thực xong, vị ấy trở về chỗ ở, rửa mặt và tay, ngồi dưới một gốc cây, chánh thân, chánh ý, kiết già, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo ấy nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ không dời bỏ chỗ ngồi này, cho đến khi diệt tận hữu lậu, thành vô lậu.’

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sạch hữu lậu, tâm được giải thoát. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Ngưu sư tử khả ái. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn siêng năng tinh tấn, chớ có biếng nhác.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về sự chú nguyện³⁴ có sáu đức, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

³⁴ Theo nội dung, có thể hiểu đây chỉ sự chú nguyện khi nhận bố thí; tổng quát, chỉ chung sự bố thí. Pāli: *dakkhiṇā* (Skt. *dakṣiṇā*), dịch âm: 達嚩 𑖅𑖟𑖞𑖳𑖻. Xem cht. 14 kinh 2 phẩm 33.

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sáu đức ấy là gì? Ở đây, đàn việt thí chủ³⁵ thành tựu ba [712a01] pháp. Thế nào là đàn việt thí chủ thành tựu ba pháp? Ở đây, đàn việt thí chủ thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu đa văn. Đó gọi là đàn việt thí chủ thành tựu ba pháp này.

“Vật được thí cũng thành tựu ba pháp. Sao gọi là ba? Vật kia thành tựu sắc, thành tựu vị, thành tựu hương. Có ba pháp thành tựu này.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sự này, được công đức lớn, danh đức vang xa, đạt được báo cam lồ. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu sáu sự này, hãy niệm bổ thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người. Lúc ấy có một Tỳ-kheo ở trên chỗ ngồi, nghĩ thầm: “Mong Như Lai nói với ta điều gì đó.” Bấy giờ Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm vị ấy, nên bảo các Tỳ-kheo:

³⁵ 施主檀越 đàn việt (*dānapati*) tức thí chủ, Hán vừa dịch vừa âm vừa nghĩa.

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vậy: ‘Ước mong Như Lai đích thân giáo huấn ta’; Tỳ-kheo ấy hãy đầy đủ giới thanh tịnh, không có tỳ vết, tu hành chỉ quán, thích ở nơi nhàn tĩnh.

“Nếu Tỳ-kheo nào có ý muốn cầu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, hãy thành tựu giới đức, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng chỉ quán tương ưng.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại muốn cầu sự biết đủ, hãy niệm giới đức đầy đủ, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng tương ưng với chỉ quán.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại mong cầu sao cho chúng bốn bộ, quốc vương, nhân dân, các loài có hình hài trong thấy nhận biết mình, vị ấy hãy niệm tướng đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào ý muốn cầu bốn thiền, trong đó không tâm hối tiếc, không dòi dôi, hãy niệm thành tựu giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu bốn thần túc, hãy đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu tám giải thoát môn mà không trở ngại, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu thiên nhĩ nghe hết tiếng trời người, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu biết những ý nghĩ trong tâm người khác, niệm các căn thiếu sót, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu biết tâm ý chúng sanh là tâm hữu dục hay tâm vô dục, tâm có sân hận hay tâm không sân hận, [712b01] tâm có ngu si hay tâm không ngu si, như thật biết chúng. Tâm có ái hay tâm

không ái, tâm có thọ hay tâm không thọ, như thật biết chúng. Tâm có loạn hay tâm không loạn, tâm có ganh ghét hay tâm không ganh ghét, tâm có nhỏ mọn hay tâm không nhỏ mọn, tâm hạn lượng hay tâm không hạn lượng, tâm có cảm thọ hay tâm không cảm thọ, tâm có định hay tâm không định, tâm có giải thoát hay tâm không giải thoát, người nào muốn biết như thật như vậy cũng phải đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn được vô lượng thân túc, phân một thân thành vô số và hợp trở lại thành một, vọt lên và chìm xuống tự tại, có thể hóa thân cho đến Phạm thiên, vị ấy cũng phải niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu tự mình nhớ lại những việc trong vô số đời trước, hoặc một đời, hai đời cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, trong một kiếp thành, kiếp bại, kiếp thành bại không thể đếm hết. ‘Ta đã từng chết đây, sanh kia, tên ấy, họ ấy, hoặc từ nơi kia chết sanh đến chốn này.’ Tự nhớ những việc vô số kiếp như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức mà không có niệm khác.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn được thiên nhãn trông thấy hết chúng sanh, đường lành đường dữ, sắc đẹp sắc xấu, hoặc tốt, hoặc xấu, như thật mà biết. Hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tâm ý chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời thiện xứ; người có ý muốn như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau,’ hãy niệm đầy đủ giới

Tăng nhất A-hàm

đức, trong tự tư duy không có loạn tưởng, sống ở nơi nhàn tĩnh.³⁶

“Các Tỷ-kheo, hãy niệm đầy đủ giới đức, không có niệm khác, thành tựu đầy đủ oai nghi, sợ cả những lỗi nhỏ huống gì là lỗi lớn.

“Nếu có Tỷ-kheo nào có ý muốn được Như Lai nói đến, hãy niệm đầy đủ giới đức. Giới đức đã đầy đủ, hãy niệm văn đầy đủ. Văn đã đầy đủ thì, hãy niệm bố thí đầy đủ. Thí đã đầy đủ thì, hãy niệm đầy đủ trí huệ và giải thoát tri kiến, thấy đều đầy đủ.

“Nếu có Tỷ-kheo nào đầy đủ các thân giới, thân định, thân tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến, được trời rồng, quỷ thần trông thấy cúng dường, là chỗ đáng kính, đáng quý, được trời người cung phụng. Cho nên, này các Tỷ-kheo, ai niệm đầy đủ năm phân pháp thân, người ấy là ruộng phước thế gian, không gì hơn được.

“Các Tỷ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỷ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁷

³⁶ Từ đây trở lên, sáu đoạn, tham chiếu Pāli, A VI 2 Duttiya-āhuneyyasutta (R. iii. 280): 1. *iddhividham*, thần túc; 2. *dibbāya, sotadhātuyā visuddhāya*, thiên nhĩ thanh tịnh; 3. *parasattānaṃ parapuggalānaṃ cetasā ceto paricca pajānāti*, tha tâm thông; 3 *pubbenivāsaṃ anussarati*, túc mạng thông; 5. *dibbena cakkhunā visuddhena*, thiên nhãn thanh tịnh; 6. *āsavānaṃ khayā*, diệt tận hữu lậu. Tỷ-kheo thành tựu 6 pháp này, trở thành người xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, là phước điền vô thượng của thế gian (*āhuneyyo hoti ...pe... anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa*).

³⁷ Bản Hán, hết quyển 29.

KINH SỐ 6

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn rằng:

“Nay con đã kết hạ tại thành Xá-vệ. Ý con muốn đi du hóa trong nhân gian.”

Thế Tôn bảo:

“Nay là lúc thích hợp.”

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi ra đi.

Xá-lợi-phất đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo ôm ý phi báng, bạch Thế Tôn:

“Xá-lợi-phất gây gỗ với các Tỳ-kheo, rồi không sám hối. Nay bỏ đi du hành trong nhân gian.”³⁸

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy mau mang lời của Ta gọi Xá-lợi-phất.”

Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Mục-liên, A-nan:

“Các ngươi hãy đến các phòng tập hợp các Tỳ-kheo về chỗ Thế Tôn. Vì sao vậy? Bằng tam-muội đã chứng nhập,

³⁸ Chi tiết tương tự, xem *Trung 5*, kinh 24 (Sư tử hồng).

Xá-lợi-phất nay sẽ rống tiếng sư tử trước Như Lai.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đều tập hợp về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất, nói với Xá-lợi-phất:

“Như Lai muốn gặp Thầy!”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Vừa rồi, thầy vừa đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, bạch Ta rằng: ‘Tỳ-kheo Xá-lợi-phất [713a01] gây gỗ với các Tỳ-kheo. Chưa sám hối mà bỏ đi du hành nhân gian.’ Điều đó có thật không?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Như Lai đã biết điều đó.”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã biết rồi. Nhưng nay đại chúng đều có lòng hoài nghi. Nay, ở giữa đại chúng, ông hãy dùng biện tài của mình mà làm sáng tỏ việc này.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Từ khi ra khỏi thai mẹ đến tám mươi tuổi, con thường tự tư duy, là chưa từng sát sanh, cũng chưa nói dối. Ngay cả trong khi đùa vui cũng không nói dối. Con cũng chưa từng gây đấu loạn người này với người kia. Giả sử khi không chuyên ý, mới có thể làm việc này. Nhưng, bạch Thế Tôn, nay tâm ý con thanh tịnh, há cùng đấu tranh với các vị phạm hạnh sao?

“Cũng như đất này, nhận cả sạch lẫn dơ. Phân, nước tiểu, mọi thứ ô uế, thầy đều nhận hết. Máu mủ, đàm dãi, cũng không hề khước từ. Thế nhưng, đất này cũng không nói

đó là xấu, cũng không nói đó là tốt. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, tâm không lay động, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa? Người mà tâm không chuyên nhất, mới có thể có việc này. Nay tâm con đã chánh, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Cũng như nước, có thể rửa sạch vật tốt, cũng có thể rửa sạch vật không tốt. Nhưng nước kia không nghĩ rằng: ‘Ta làm sạch vật này; bỏ qua vật này.’ Con cũng như vậy, không có tưởng khác, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Giống như ngọn lửa dữ thiêu đốt núi rừng, không lựa chọn tốt xấu, không hề tưởng niệm gì. Con cũng như vậy, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Cũng như chổi quét, không có lựa tốt xấu, đều có thể quét sạch, không hề tưởng niệm gì.”³⁹

“Giống như bò không có hai sừng, hết sức hiền lành, không chút hung bạo, rất dễ điều khiển, dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó nhọc. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, tâm con như vậy, không khởi tưởng gây tổn hại gì, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Cũng như con gái dòng chiên-đà-la mặc áo rách nát, đi xin ăn giữa người đời, không có gì cấm kỵ”⁴⁰. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, cũng không có tưởng niệm rằng: ‘Cứ gây gổ rồi bỏ đi xa.’

“Cũng như cái nồi đựng mỡ bị rò rỉ nhiều chỗ, người có mắt thấy đều thấy chỗ rỉ ra. Con cũng như vậy, bạch Thế

³⁹ Nội dung có thêm đoạn lặp lại như trên, nhưng Hán dịch lược bỏ.

⁴⁰ Nên hiểu: Không xâm phạm đến ai.

Tôn, từ trong chín lỗ rỉ ra chất bất tịnh, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau?

“Giống như thiếu nữ xinh đẹp, lại lấy xác chết quần lên [713b01] cổ rồi sanh ghê tởm nó. Thế Tôn, con cũng như vậy, nhờm tởm thân này như thiếu nữ ấy không khác, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau rồi bỏ đi xa? Việc này không hề có. Thế Tôn đã biết điều này. Tỳ-kheo kia cũng biết rõ điều đó. Nếu có việc này, xin Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên tự hối lỗi. Vì sao vậy? Vì nếu không sám hối, đầu ông sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia trong lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, vội rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Nay, con tự biết xúc phạm Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, ngươi hãy tự hướng về Xá-lợi-phất mà sám hối. Nếu không đầu ngươi sẽ vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia liền hướng đến Xá-lợi-phất đánh lễ sát chân, bạch Xá-lợi-phất:

“Cúi xin ngài nhận sự sám hối của con. Vì ngu muội, không phân biệt được sự thật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

“Nay ông hãy nhận sự hối lỗi của Tỳ-kheo này, lại nên dùng tay xoa đầu. Vì sao vậy? Vì nếu ông không nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này, đầu kia sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Xá-lợi-phất dùng tay xoa đầu, nói Tỳ-kheo:

“Cho phép Thầy sám hối! Như ngu, như si, trong Phật pháp này rất là rộng rãi, có thể tùy thời hối lỗi. Lành thay! Nay ta nhận sự sám hối của Thầy, sau này chớ tái phạm.” Xá-lợi-phất nói như vậy ba lần.

Rồi Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo kia:

“Thầy chớ có tái phạm. Vì sao vậy? Vì có sáu pháp dẫn vào địa ngục, sáu pháp sanh thiên, sáu pháp dẫn đến Niết-bàn. Thế nào là sáu? (1) Muốn hại người khác. (2) ‘Ta đã khởi tâm hại’, rồi vui mừng hơn hờ không thể kể. (3) ‘Ta nên khiến người hại người khác’, ở trong đó mà khởi tâm hại. (4) Khi đã hại được người, ở trong đó khởi vui mừng. (5) ‘Ta sẽ được câu hỏi về sự không thom⁴¹ này’. (6) Sự việc ấy chưa xảy ra⁴², trong lòng ưu sầu. Đó gọi là có sáu pháp khiến người rơi vào đường dữ.

“Sao gọi là sáu pháp đưa người đến thiện xứ? Thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không tâm giết hại, không tâm ganh tị. Đó gọi là có sáu pháp này sanh vào thiện xứ.

“Sao gọi là tu sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Đó là sáu pháp tư niệm. Thế nào là sáu? Thân hành từ không hoen ố, miệng hành từ không hoen ố [713c01], ý hành từ không hoen ố. Nếu được đồ lợi dưỡng thì có thể phân chia đồng đều cho người khác mà không có tướng tiếc rẻ. Giữ gìn giới cấm không có lầm lỗi; thành tựu đầy đủ giới mà

⁴¹ Hán: bất hình chi vấn 不馨之問; chưa rõ ý. Có lẽ muốn nói “tiếng đồn không tốt”; ở đây muốn rao truyền tiếng xấu hại người. Xem *Tì-nại da 4*, T24 tr. 866c13: “Sa-môn Đầu-na nghe lời đồn đãi không tốt ấy 聞此不馨問 liền đến bạch Thế Tôn.”

⁴² Nghĩa là, chưa hại được người.

người trí quý trọng. Điều gì là tà kiến, chánh kiến, xuất yếu của Hiền thánh, dứt sạch gốc khổ; các kiến giải như vậy, thấy đều phân minh.⁴³ Đó gọi là sáu pháp được đến Niết-bàn. Nay Tỳ-kheo, thầy hãy tìm cầu phương tiện hành sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy phải học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Xá-lợi-phất: “Nay con lại tự sám hối. Vì như ngu, như si mà không phân biệt được sự thật. Cúi xin Xá-lợi-phất nhận sự hối lỗi của con. Sau này con sẽ không tái phạm.”

Xá-lợi-phất nói:

“Cho phép Thầy hối lỗi. Trong pháp Hiền thánh rất rộng rãi, hãy tự sửa đổi. Từ nay về sau, chớ có tái phạm lại.”

Tỳ-kheo kia, sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁴⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói pháp Không tối thượng đệ nhất⁴⁵. Các người hãy lắng nghe và suy niệm kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

⁴³ Sáu trọng pháp, hay khả hỷ, xem kinh số 1 phẩm 37 trên.

⁴⁴ Đối chiếu *Tạp 13*, (Hán) kinh 355, (Việt) kinh 299.

⁴⁵ 第一最空法.

Như vậy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất? Nếu khi mắt khởi thì nó khởi, nhưng không thấy từ đâu đến. Khi mắt diệt thì nó diệt, nhưng không thấy nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu⁴⁶, pháp nhân duyên. Sao gọi là giả hiệu nhân duyên? Cái này có, thì (cái kia) có; cái này sinh, thì (cái kia) sinh. Tức là, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc⁴⁷, xúc duyên thọ⁴⁸, thọ duyên ái, ái duyên thủ⁴⁹, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não không thể đếm hết. Như vậy khổ uẩn được tác thành.

“Do nhân duyên này, (cái này) không thì không (kia), đây diệt thì (kia) diệt, vô minh diệt thì hành diệt; hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu xứ diệt; sáu xứ diệt thì xúc* diệt; xúc diệt thì thọ* diệt; thọ diệt thì ái diệt; ái diệt thì thủ* diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sanh diệt; sanh diệt thì chết diệt; chết diệt thì sầu ưu khổ não đều bị diệt sạch, ngoại trừ pháp giả hiệu. Pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng lại như vậy. Khi khởi thì khởi, nhưng không biết nó từ đâu đến. Khi diệt thì diệt cũng không biết nơi nó diệt, [714a01] trừ

⁴⁶ (除)假號法因緣法 (trừ) giả hiệu pháp nhân duyên pháp; Cf.

Tap, dẫn trên: (除)俗數法 (trừ) tục số pháp. Có lẽ tương đương Pāli: *idappaccayatā paṭiccasamuppāda*, y duyên tánh duyên khởi, thủ nhân tánh duyên khởi, tương y tánh duyên khởi. Trong đó, từ 除 *trừ* có thể hiểu “ngoại trừ”, tức hàm ý “duy chỉ”.

⁴⁷ Nguyên Hán: Canh lạc 更樂.

⁴⁸ Nguyên Hán: Thống 痛.

⁴⁹ Nguyên Hán: Thọ 受.

Tăng nhất A-hàm

pháp giả hiệu kia. Pháp giả hiệu kia là, đây khởi thì (kia) khởi, đây diệt thì (kia) diệt.

“Sáu xứ này cũng không có người tạo tác, cũng vậy danh sắc. Pháp sáu xứ⁵⁰ là do cha mẹ mà có thai, cũng không có nhưng do nhân duyên mà có. Đây cũng là giả hiệu. Trước phải có đối đãi, sau đó mới có.⁵¹ Giống như dùi cây tìm lửa. Vì trước có đối đãi, sau đó lửa sanh*. Lửa không từ cây ra, cũng không ở ngoài cây. Nếu có người nào bỏ cây tìm lửa, cũng không thể được. Đều do nhân duyên hội hợp, sau đó có lửa. Sáu tình⁵² này khởi bệnh cũng lại như vậy, đều do duyên hợp ở trong đó khởi bệnh. Khi sáu xứ này khởi thì khởi, cũng không thấy nó đến. Khi diệt thì diệt, cũng không thấy nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Nhân vì cha mẹ hội hợp mà có.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trước phải thọ bào thai,
Dần dần như giọt sữa.
Rồi giống như khối thịt.
Sau mới tượng ra hình.*

*Trước tiên sanh đầu cổ;
Kế sanh tay, chân, ngón;
Và sanh các bộ phận:
Lông, tóc, móng, răng thành.*

*Nếu khi mẹ ăn uống,
Các thứ món ăn ngon,*

⁵⁰ Sau các từ này, 7 chữ trong đề bản: 六入亦無人造作, được xóa bỏ trong TNM.

⁵¹ Dịch sát theo Hán; nhưng cũng có thể hiểu: Do quan hệ với cái trước mà cái sau có.

⁵² 六情 lục tình, đây chỉ sáu căn.

*Tinh khí dùng nuôi mạng;
Nguồn gốc của thọ thai.*

*Hình hài thành đầy đủ,
Các căn không thiếu sót;
Nhờ mẹ được sanh ra
Thọ thai khổ như vậy.⁵³*

“Các Tỳ-kheo nên biết, nhân duyên hội hợp mới có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo, trong một thân người có ba trăm sáu mươi đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm dây gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết, thân sáu xứ có những tai biến như vậy. Tỳ-kheo hãy niệm tư duy về tai hoạn như vậy. Ai tạo ra bộ xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo ra tám vạn hộ trùng này?

“Khi Tỳ-kheo kia tư duy như vậy liền đắc hai quả A-na-hàm hoặc A-la-hán,”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Ba trăm sáu đốt xương,
Ở trong thân người này.
Điều mà Cổ Phật đã diễn,
Nay ta cũng nói lại.*

*[714b01] Gân gồm năm trăm dây;
Mạch cũng cùng như vậy.
Trùng có tám vạn loại.
Chín vạn chín ngàn lông.*

⁵³ Tham chiếu, *Tạp* 49 T2 tr. 357; dẫn bởi *Câu-xá* 9 tr. 47c19; cf. Pāli, S. i. 206: *pathamaṃ kalamaṃ hoti kalalā hoti abbudam/ abbudā jayate pesī pesī nibbattati ghano// ghanā pasākhā jāyanti kesā lomā nakhāni ca/ yaṃ cassa bhuñjati mātā, annaṃ pānaṃ ca bhojjanam/ tena so tattha yāpeti, mātukucchigato naro'til*

*Hãy quán thân như vậy;
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Chóng đắc đạo La-hán,
Đi đến cõi Niết-bàn.*

*Pháp này đều Không tịch,
Nhưng người ngu tham đắm.
Người trí tâm vui vẻ
Nghe gốc pháp Không này.*

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất. Ta đã nói cho các người pháp được Như Lai thi hành⁵⁴. Nay Ta đã khởi lòng từ thương xót, điều cần làm Ta đã làm xong. Các người thường phải niệm tu hành pháp này. Ở chỗ nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Nay không tu hành, sau hối vô ích. Đó là lời giáo huấn của Ta.”⁵⁵

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁵⁶

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi

⁵⁴ Để bản: Thuyết hành 說行. TNM: Thi hành 施行.

⁵⁵ Văn chuẩn về giáo giới này, xem *Trung* 21, kinh 86 (tr. 565c19), và tán mạn. Văn chuẩn Pāli, xem M 8 Sallekha (R.i. 46), và tán mạn.

⁵⁶ Cf. A VI 52 Khattiyasutta (R. iii. 362).

Phật rồi, ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu⁵⁷ bạch Thế Tôn:

“Thưa Cù-đàm, ngày nay tâm ý của người sát-lợi muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì? Theo đuổi mục đích gì?⁵⁸ Tâm ý của người bà-la-môn ý muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi gì? Quốc vương ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi mục đích gì? Đạo tặc ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi mục đích gì? Người nữ ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi mục đích gì?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

“Sát-lợi thường thích tranh tụng, nhiều thứ kỹ thuật, ham thích tác vụ, việc làm phải đạt cứu cánh, không nghỉ giữa chừng.”⁵⁹

Bà-la-môn hỏi:

“Bà-la-môn, ý cầu gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, ý thích chú thuật, y tựa cư gia, ưa thích nơi chốn nhàn tĩnh, mục đích cư gia, ý hướng đến Phạm

⁵⁷ Xem cht. 14, kinh 2 phẩm 6. Tham chiếu Hán, *Trung* 37, kinh 149.

⁵⁸ Pāli: *kiṃ adhippāya, kiṃ upavicāra, kiṃ adhiṭṭhānā, kiṃ abhinivesā, kiṃ pariyoṣānā*, mong cầu cái gì? Tư niệm cái gì? Y tựa cái gì? Tham chấp cái gì? Theo đuổi cứu cánh gì?

⁵⁹ So sánh Pāli, dẫn trên: “Người sát-lợi mong cầu tài vật, tư niệm trí tuệ, y tựa sức mạnh, tham chấp lãnh thổ, cứu cánh là quyền lực.”

Tăng nhất A-hàm

thiên.”⁶⁰

Lại hỏi:

“Quốc vương, ý cầu những gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn nên biết, ý muốn của vua là được quyền cai trị, ý đặt tại binh đao, tham đắm tài bảo.”⁶¹

“Đạo tặc, ý cầu gì?”⁶²

Thế Tôn bảo:

“Kẻ trộm, ý đạo tặc nhắm trộm lén, tâm đặt ở chỗ gian tà, muốn cho mọi [714c01] người không biết việc làm của mình.”

“Người nữ, ý cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Người nữ, ý để nơi người nam, tham đắm tài bảo, tâm lụy nam nữ, tâm muốn tự do.”

Bấy giờ, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Thật là kỳ diệu! Thật hy hữu! Ngài biết ngần ấy sự kiện, như thật không hư. Ngày nay, ý Tỷ-kheo cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Giới đức đầy đủ, tâm an trú đạo pháp, ý ở nơi bốn đế,

⁶⁰ Pāli, dẫn trên: “Bà-la-môn mong cầu tài vật, tư niệm trí tuệ, y tựa chú thuật, tham chấp tế tự, cứu cánh hướng đến thế giới Phạm thiên.”

⁶¹ Trong bản Pāli, sát-lợi và quốc vương được liệt vào một nhóm chung.

⁶² Trong bản Pāli, hỏi về giai cấp cư sĩ (*gahapati*), thay vì đạo tặc.

ước muốn đến Niết-bàn. Đây là những điều mong cầu của Tỳ-kheo.”

Lúc ấy, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, Thế Tôn, việc làm của Tỳ-kheo, ý không dòi dôi. Ý nghĩa thật như vậy, thừa Cù-đàm, Niết-bàn là cực kỳ an lạc. Những gì Như Lai đã thuyết là quá nhiều. Giống như kẻ mù được thấy, người điếc được nghe, người ở trong tối thấy sáng. Những điều Như Lai nói hôm nay, cũng như vậy, không đổi khác. Nay tôi việc nước quá nhiều, muốn trở về nơi ở.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng lúc.”

Bà-la-môn Sanh Lậu rời từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Bà-la-môn Sanh Lậu, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁶³

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Ở trong đây có Tỳ-kheo nào tu hành thế nào mà phạm hạnh không sút, không rò rỉ; thanh tịnh tu phạm hạnh?”

Thế Tôn bảo:

⁶³ Tham chiếu, A. VII. 47 Methunā (R. iv. 54).

Tăng nhất A-hàm

“Nếu có người nào giới luật đầy đủ, không có điều vi phạm, người đó được nói là thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

“Lại nữa, Bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, không khởi tướng đắm, không khởi niệm tướng phân biệt,⁶⁴ trừ tướng ác, bỏ pháp bất thiện, được nhãn căn trọn vẹn; người này được nói là tu phạm hạnh thanh tịnh. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp, đều không có tướng của thức,⁶⁵ không khởi niệm của tướng,⁶⁶ tu phạm hạnh thanh tịnh, thành tựu ý căn.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là không tu phạm hạnh, không đầy đủ thanh tịnh hạnh⁶⁷?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có giao hội⁶⁸ với người, đó gọi phi phạm hạnh.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là rò rỉ,⁶⁹ không đầy đủ?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có người giao tiếp với người nữ, hoặc sờ nắm tay

⁶⁴ Thức niệm 識念. Về thủ hộ căn môn, văn chuẩn, theo Pāli (Cf. D 2 Sāmaññaphala, và tán mạn): *cakkhunṃ rūpaṃ disvā na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī*, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng (chi tiết).

⁶⁵ Thức tướng 識想, thức nắm bắt tổng tướng. Xem cht. 64 trên.

⁶⁶ Tướng niệm 想念, như thức niệm, xem cht. 64 trên.

⁶⁷ Thanh tịnh hạnh 清淨行: Phạm hạnh; Pāli: *brahmacariya*.

⁶⁸ Nguyên Hán: 俱會 câu hội (Pāli: *dvayayaṃsamāpatti = methunā*); định nghĩa từ phi phạm hạnh (Pāli: *abrahmacariya*): Hành pháp dâm dục.

⁶⁹ Phạm hạnh bị sút mẻ, rò rỉ.

chân nhau,⁷⁰ [715a01] áp ủ trong lòng, nhớ mãi không quên; người đó, này Bà-la-môn, được nói là hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, các sự dâm dật⁷¹ cùng tương ưng với dâm, nộ, si.

“Lại nữa, Bà-la-môn, hoặc người ấy đùa cợt,⁷² đối đáp với người nữ. Này Bà-la-môn, người đó được nói là người này hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, có dâm, sân, si; phạm hạnh không đầy đủ để tu thanh tịnh hạnh.

“Lại nữa, Bà-la-môn, hoặc có người trở mắt nhìn⁷³ người nữ không di chuyển rời ở trong đó khởi tưởng dâm, nộ, si, sanh các loạn niệm; này Bà-la-môn, người này được nói là phạm hạnh không thanh tịnh, không tu phạm hạnh.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, hoặc có người từ xa nghe, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười,⁷⁴ bèn ở trong đó khởi các loạn tưởng dâm, nộ, si; này Bà-la-môn, người này được nói là không thanh tịnh tu phạm hạnh, cùng tương ưng với dâm, nộ, si, phạm hạnh không toàn đủ.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, hoặc có người đã từng gặp người nữ,⁷⁵ sau đó sinh tưởng nhớ, hoặc con mắt người nữ, ở trong đó sinh tưởng; tại nơi khuất kín vắng vẻ, khởi dâm, nộ, si, cùng ác hạnh tương ưng; này Bà-la-môn, người này được nói là không tu Phạm hạnh.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

⁷⁰ Pāli: Không hành dâm nhưng sờ nắm.

⁷¹ Lậu, chư dâm dật 漏諸姪洩. Pāli: (*brahmacariyassa*) *sabalaṃ*, *kammāsa*, (phạm hạnh) có tỳ vết, có hoen ố. Nhưng Hán dịch đọc là *āsavaṃ*, *kaṃāsaṃ*, có lậu, có khát vọng dâm dục.

⁷² Pāli, không xúc chạm thân thể nhưng đùa cợt.

⁷³ Pāli, không đùa cợt, nhưng nhìn.

⁷⁴ Pāli, không nhìn, nhưng nghe tiếng nữ, bị kích thích.

⁷⁵ Pāli, không thấy, không nghe tiếng, nhưng nhớ.

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sa-môn Cù-đàm này biết rõ phạm hạnh, cũng biết không phạm hạnh; biết rõ phạm hạnh rõ rí, cũng biết rõ phạm hạnh không rõ rí. Vì sao vậy? Vì nay tôi cũng có ý nghĩ này, khi thấy có người nào cùng người nữ chân tay đụng chạm nhau, khởi các loạn tưởng, khi ấy tôi nghĩ rằng người này hành bất tịnh hạnh, cùng dâm, nộ, si tương ưng. Cảm thọ bậc nhất, là người nữ. Khả dục bậc nhất, đó chính là mắt với mắt nhìn nhau, người nữ kia hoặc nói, hoặc cười, hoặc nắm chéo áo người nam; hoặc cùng nói chuyện vừa nắm chéo áo người nam.”⁷⁶ Khi ấy, tôi liền sanh ý nghĩ này: ‘Sáu điều này, người đều hành hạnh bất tịnh hết.’

“Hôm nay, Như Lai đã dạy rất nhiều. Giống như người mù được mắt, người mê thấy đường, người ngu được nghe đạo, người có mắt thấy sắc; Như Lai thuyết pháp lại cũng như vậy. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở về sau không sát sinh nữa. Cúi xin nhận con làm ưu-bà-tắc.

Bà-la-môn Sanh Lậu, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hạnh.

KINH SỐ 10⁷⁷

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại rừng bên ngoài thành Tỳ-xá-ly cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả

⁷⁶ Hán: Sáu trường hợp quan hệ nam nữ liên hệ dâm dục. Pāli, ibid., bảy trường hợp liên hệ hành dâm (*sattannam methunasamyogānam*).

⁷⁷ Tham chiếu Pāli, M 35 Cūḷa-Saccakasutta (R.i. 227). Hán, Tạp 5, kinh 110.

Mã Sư⁷⁸ đến [715b01] giờ khát thực, đắp y mang bát vào thành khát thực. Khi ấy, Ni-kiền Tử Tát-già⁷⁹ thấy Tôn giả Mã Sư đến, liền đến hỏi:

“Thầy ông nói những nghĩa gì? Có những giáo huấn gì? Giáo giới đệ tử bằng nghĩa thuyết gì?”

Tôn giả Mã Sư đáp:

“Này Bà-la-môn, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Ông muốn biết thì, ý nghĩa mà Thầy tôi giáo giới là như vậy, vì các đệ tử dạy nghĩa như vậy.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử lấy hai tay che tai nói:

“Thôi, thôi! Mã Sư! Tôi không thích nghe những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy điều này, thì tôi thật không muốn nghe. Vì sao vậy? Theo nghĩa của tôi thì sắc là thường. Nghĩa của Sa-môn thì vô thường. Ngày nào đó tôi sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để biện luận. Tôi sẽ trừ khử tâm điên đảo Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử cùng tập hợp lại một chỗ để bàn luận. Lúc này, Ni-kiền Tử đến chỗ năm trăm đồng tử, nói với các đồng tử: “Các cậu với

⁷⁸ Mã Sư 馬師. *Tạp 5: A-thấp-ba-thệ*. Pāli: Assaji.

⁷⁹ Tát-già Ni-kiền Tử 薩遮尼健子. Pāli: Saccaka Niganthaputta.

tôi cùng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì tôi muốn biện luận với Sa-môn Cù-đàm kia, để cho Sa-môn kia thấy được đường chính chân thật. Sa-môn nói sắc là vô thường. Theo nghĩa ta thì sắc là thường. Giống như lực sĩ tay nắm lấy lông của con dê lông dài, rồi dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó ngại. Nay ta cũng vậy, hôm nay ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm kia biện luận, ta buông hay bắt tùy ý, không có gì nghi ngờ.

“Giống như con voi mạnh hung bạo có sáu ngà, ở trong núi sâu nỏ đùa không có gì trở ngại. Nay ta cũng vậy, ta sẽ cùng Sa-môn kia biện luận, không có gì nghi nan. Giống như hai tráng sĩ bắt một người yếu, nướng trên ngọn lửa, trở qua trở lại tùy ý, cũng không có gì khó khăn trở ngại. Nay ta cùng vị kia luận nghĩa cũng vậy, không có gì khó khăn trở ngại. Trong luận nghĩa của ta, voi còn có thể bị hại, huống gì là người. Ta cũng có thể khiến voi đi về Đông, Tây, Nam, Bắc há không bằng người sao? Nay những vật vô tình như các cột kèo trong giảng đường này, ta còn khiến cho [715c01] di chuyển, huống chi cùng người biện luận, mà có thể thắng ta sao? Ta sẽ khiến ông ấy trào máu miệng ra mà chết.”

Trong số đó, hoặc có đồng tử nói như vậy:

“Ni-kiền Tử nhất định không có khả năng luận nghị⁸⁰ với Sa-môn. Nhưng chỉ sợ Sa-môn Cù-đàm mới cùng luận nghị với Ni-kiền Tử thôi.”

Có người lại nói:

“Sa-môn Cù-đàm không luận nghị cùng với Ni-kiền Tử. Chỉ có Ni-kiền Tử mới có khả năng luận nghị với Sa-môn thôi.”

⁸⁰ Nên hiểu: Không thể phá luận nghị của.

Khi ấy, Ni-kiền Tử suy nghĩ như vậy:

“Giả sử những điều Sa-môn Cù-đàm nói như Tỳ-kheo Mã Sư, thế thì đủ cho ta đối đáp. Nếu có nghĩa gì khác, cứ nghe rồi sẽ biết.”

Bấy giờ Ni-kiền Tử dẫn năm trăm đồng tử trước sau vây quanh đi đến chỗ Thế Tôn, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên.

Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Thế nào, Cù-đàm, Ngài có giáo giới gì? Dùng giáo giới gì để dạy cho các đệ tử?”

Phật bảo Ni-kiền Tử:

“Những điều Ta nói, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Giáo giới của Ta, ý nghĩa là như vậy.”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tôi không ưa nghe ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì theo nghĩa tôi hiểu, sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông hãy chuyên tâm ý suy tư diệu lý, sau đó hãy nói!”

Ni-kiền Tử nói:

Tăng nhất A-hàm

“Nay tôi nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông cứ nói điều biện luận của mình, sao lại dẫn theo năm trăm đồng tử kia?”

Ni-kiền Tử nói:

“Nay tôi nói sắc là thường. Sa-môn muốn biện luận thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Nay Ta nói sắc là vô thường, cũng là vô ngã. Giả tạm hợp lại mà có tên sắc này chứ không chân thật, không chắc, không bền, cũng như nắm tuyết, chúng là pháp diệt vong, là pháp biến dịch. Nay ông nói sắc là thường, vậy Ta hỏi lại ông, tùy ý mà trả lời Ta.

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương lại có được tự tại ở trong quốc độ của mình không? Lại nữa, [716a01] Đại vương kia, muốn thả ai thì thả, muốn trói ai thì trói, có được vậy không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Thánh vương này có quyền lực tự tại đó, muốn giết ai thì giết; muốn trói ai thì trói.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương rồi sẽ già không? Đầu có bạc, mặt có nhăn, y phục có bẩn không?”

Khi ấy, Ni-kiền Tử im lặng không đáp. Thế Tôn hỏi lại ba lần, ông cũng ba lần im lặng không đáp lại.

Lúc ấy, lực sĩ Kim cang Mật Tích cầm chày kim cương ở giữa hư không, bảo rằng:

“Nếu ông không trả lời, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh ngay trước mặt Như Lai.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ni-kiền Tử:

“Ông hãy quan sát giữa hư không!”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử ngược nhìn lên hư không, thấy lực sĩ Kim cang Mật Tích, lại nghe trên hư không có tiếng nói rằng: ‘Nếu ông không trả lời Như Lai, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh.’ Nghe xong, hoảng sợ, y lông dựng đứng, bạch với Thế Tôn:

“Cúi xin Cù-đàm hãy cứu vớt. Xin hỏi lại. Con sẽ đáp ngay.”

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương sẽ lại già không? Cũng sẽ tóc bạc, răng rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tuy Sa-môn Cù-đàm nói vậy, nhưng theo tôi hiểu thì sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy suy nghĩ cho kỹ, sau đó mới nói. Nghĩa trước và sau không tương ưng với nhau. Ta chỉ luận, Thánh vương sẽ già không? Đầu sẽ bạc, răng sẽ rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử nói:

“Chuyển luân Thánh vương vẫn bị già.”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương có thể tự tại trong nước của mình, vì sao lại không thể trừ khử già, bệnh, chết; nói rằng: ‘Ta không cần cái già, bệnh, chết. Ta thường hằng.’? Giả sử có như vậy, nhưng nghĩa này có hứa khả được chăng?”

Ni-kiền Tử im lặng không đáp, buồn rầu không vui, im lặng không nói. Khi này, thân thể Ni-kiền Tử toát mồ hôi hột, mồ hôi ra ướt cả áo, thấm chỗ ngồi, cho đến dưới đất.

Thế Tôn bảo:

“Ni-kiền Tử lúc ở giữa đại chúng, ông đã rống tiếng sư tử bảo: ‘Các đồng tử, hãy cùng tôi đến chỗ Cù-đàm đề tranh luận. Tôi sẽ hàng phục Cù-đàm như nắm lông của một con dê lông dài, kéo đi phía Đông hay phía Tây tùy ý. Cũng như voi đi lại tự do ở trong rừng sâu, không có gì phải [716b01] sợ hãi. Cũng như hai người lực lưỡng bắt một người yếu ớt nướng trên lửa, xoay qua xoay lại tùy ý.’ Ông còn nói rằng: ‘Luận nghị của tôi còn có thể giết con voi lớn. Khi tôi luận nghị với những thứ vô tình như cây cỏ, cột kèo các thứ, tôi cũng có thể khiến chúng phải cúi đầu khuất phục, làm cho chúng toát mồ hôi nách.’”

Bấy giờ, Thế Tôn vén ba y cho Ni-kiền Tử xem, rồi nói:

“Ông hãy xem, nách của Như Lai không có một giọt mồ hôi. Còn ông thì ngược lại, mình đầy mồ hôi, thậm chí rơi xuống đất.”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, ở trong chúng đó có một đồng tử tên Đầu-ma⁸¹.
Đồng tử Đầu-ma bạch Thế Tôn:

“Nay con nhận thấy có điều có thể áp dụng, và con muốn nói.”

Thế Tôn đáp:

“Hãy nói tùy ý.”

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

“Giống như cách thôn làng không xa, có ao tắm tốt. Trong ao tắm kia có một con cua.⁸² Nhân dân già trẻ, nam nữ, trong thôn đến ao tắm đó vớt con trùng này ra, rồi lấy gạch đá đập nát chân tay của nó. Trùng này dù muốn trở xuống nước, rốt cuộc không làm được việc này. Ni-kiền Tử này cũng như vậy, ban đầu rất mạnh bạo tranh luận với Như Lai, lòng ôm tặc đồ, ý ôm kiêu mạn. Như Lai đã diệt trừ sạch chúng vĩnh viễn không còn sót. Ni-kiền Tử này không bao giờ còn dám trở lại chỗ Như Lai để biện luận nữa.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử nói với đồng tử Đầu-ma:

“Người ngu si không phân biệt chân hay nguy. Ta không nói chuyện với người, mà ta đang biện luận với Sa-môn Cù-đàm.”

Ni-kiền Tử bạch Phật:

“Tôi chỉ hỏi nghĩa lý. Xin Ngài nói lại.”

Thế Tôn đáp:

⁸¹ Đầu-ma 頭摩. Pāli: Dumumkha.

⁸² Trùng nhiều cước 虫饒腳: Con sâu có nhiều chân. Dịch giả không hiểu con gì nên mô tả như vậy. Pāli: *kakkaṭaka*.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương muốn khiến cho già bệnh chết không đến, có thể được vậy không? Thánh vương kia có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không thể toại nguyện như vậy được.”

“Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không được, thưa Cù-đàm.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, sắc là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Sắc là vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch. Ông có thấy ‘Cái này là ta; ta là của cái kia’ không?”

Đáp:

“Không, thưa Cù-đàm.”

“Thọ*, tướng, hành, thức, là thường hay là vô thường?”

Đáp:

“Vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch, [716c01] ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

Thế Tôn hỏi:

“Năm thủ uẩn này là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Là vô thường.”

Phật hỏi:

“Nếu là vô thường, nó là pháp biến dịch, ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

“Thế nào, Ni-kiền Tử, ông đã nói là thường, như vậy không phải là trái ngược với nghĩa lý này hay sao?”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Nay con ngu si không phân biệt chân đế nên khởi ý muốn này, là cùng tranh luận với Cù-đàm rằng: ‘Sắc là thường.’ Giống như mãnh thú sư tử từ xa trông thấy người đến mà có tâm sợ hãi sao? Hoàn toàn không có việc này. Hôm nay Như Lai cũng như vậy, không có máy may nào. Nay con si mê chưa hiểu nghĩa sâu mới dám xúc phạm. Sa-môn Cù-đàm đã dạy quá nhiều. Giống kẻ mù được mắt, người điếc được nghe thính, người mê thấy đường, người không mất thấy sắc. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay trở về sau trọn đời làm người ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Cúi xin Phật và Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh của con, muốn cúng bữa ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Ni-kiền Tử thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi đi. Đến chỗ các đồng tử ở thành Tỳ-xá-ly, ông nói các đồng tử:

Tăng nhất A-hàm

“Các cậu có cúng tôi vật gì thì hãy mang đến ngay cho tôi để tôi bày biện, chớ để trễ thời. Nay tôi đã thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, ngày mai tôi sẽ cúng bữa ăn.”

Lúc ấy, các đồng tử liền mang các thứ đồ ăn thức uống đến cho ông. Đêm ấy, Ni-kiền Tử chuẩn bị soạn các loại đồ ăn thức uống ngon lành, trải tọa cụ tốt, rồi đến bạch: “Đã đến giờ, cúi xin hạ cố.”

Đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, dẫn chúng tăng vào thành Tỳ-xá-ly, đến nhà Ni-kiền Tử. Đến rồi, ngồi vào chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ lớp. Lúc này, Ni-kiền Tử thấy Phật và chúng tăng đã an tọa, tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ trai xong, đã dùng nước rửa, ông dọn một chỗ ngồi nhỏ, ngồi trước Như Lai để nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết giảng cho ông các đề tài vi diệu; các đề tài về bố thí, [717a01] về trì giới, về sanh thiên; dục là ô uế, dâm là hạnh bất tịnh, giải thoát là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý của Ni-kiền Tử đã khai mở, như những gì mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, về khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì Ni-kiền Tử nói hết. Lúc ấy, Ni-kiền Tử liền ngay trên chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được mắt pháp trong sạch.

Lúc này, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cúng tế, lừa hơn hết;
Thi thơ, tụng đứng đầu;
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Các sao, trăng sáng nhất;
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Mọi vật sanh bởi đất,*

*Trời cùng với Nhân loại:
Phật là vô thượng tôn.
Ai muốn cầu đức kia,
Tam-phật* là tối thượng.⁸³*

Sau khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, Ngài đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, năm trăm đệ tử của Ni-kiền Tử nghe thầy mình nhận sự giáo hóa của Phật, mọi người bảo nhau: “Sao Đại sư của chúng ta lại tôn Cù-đàm làm Thầy?” Rồi các đệ tử ấy ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng chờ ở giữa đường. Trong lúc đó, Ni-kiền Tử đến chỗ Phật để nghe Pháp. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho Ni-kiền Tử, khích lệ khiến hoan hỷ. Ni-kiền Tử sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các đệ tử của Ni-kiền Tử từ xa thấy thầy mình đến, mọi người bảo nhau: “Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Chúng ta hãy lấy gạch đá giết chết ông ta.”

Khi nghe tin Ni-kiền Tử bị các đệ tử giết, các đồng tử liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn: “Ni-kiền Tử mà Như Lai đã giáo hóa nay đã bị các đệ tử giết. Nay đã qua đời, ông ấy sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Ông ấy là một người có đức, đầy đủ bốn đức, đã dứt sạch ba kết sử, thành quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn dứt sạch gốc khổ. Hôm nay, mạng chung sanh lên cõi trời Tam thập tam. Sau này khi gặp Phật Di-lặc, vị ấy sẽ dứt sạch gốc khổ. Đó là nghĩa của nó, hãy niệm tu hành.”

Các đồng tử bạch Phật rằng:

⁸³ Xem kinh số 4, phẩm 18, cht. 20, 22.

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Ni-kiền Tử này đến chỗ Thế Tôn để tranh luận hơn thua rồi lại tự trối chết bởi lý luận của chính mình, đến nhận sự giáo hóa của Như Lai. Phàm đã gặp Như Lai thì hoàn toàn không uổng phí. Giống như có người vào biển tìm châu báu, nhất định có thu hoạch, không bao giờ trở về không. Ở đây cũng như vậy, nếu có chúng sanh nào mà đến chỗ Thế Tôn, chắc chắn sẽ được Pháp bảo, quyết không có trở về không.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì các thiếu niên nói Pháp vi diệu, khiến họ hoan hỷ.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, các đồng tử từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi ra về.

Các đồng tử, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁸⁴

⁸⁴ Bản Hán, hết quyển 30.

38. PHẨM LỰC ¹

KINH SỐ 1¹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu loại sức mạnh đời thường.² Những gì là sáu? Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói. Sa-môn, bà-la-môn dùng nhần nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày. Quốc vương dùng kiêu ngạo³ làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện. Song a-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, dùng đại bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sanh.⁴

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

¹ Pāli, A. VIII. 27 Bala (R. iv. 223).

² A. ibid. Tám loại sức mạnh.

³ A. ibid. quyền năng tự tại là sức mạnh của vua chúa (*issariyabalā rājāno*).

⁴ Hai sức mạnh sau, Pāli thay bằng: Vũ khí là sức mạnh của đạo tặc (*āvuddhabalā corā*), chê bai là sức mạnh của kẻ ngu (*ujjhattibalā bālā*), thâm sát là sức mạnh của kẻ trí (*nijjhattibā paṇḍitā*), tư trạch là sức mạnh của đa văn (*paṭisaṅkhānabalā bahussutā*).

phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tư duy về tướng vô thường, [717c] phát triển tướng vô thường, đoạn hết ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Giống như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn lưu dấu vết nào. Ở đây cũng như vậy, tu tướng vô thường, dứt sạch dục ái, sắc ái và vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, vĩnh viễn không còn tàn dư. Vì sao vậy? Khi Tỳ-kheo tu tướng vô thường thì không có tâm dục. Do không có tâm dục nên có thể phân biệt pháp, tư duy nghĩa của nó, không có sầu ưu khổ não. Do tư duy nghĩa pháp thì tu hành không còn ngu si, sai lầm. Nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Các hiền sĩ này không tu tướng vô thường, không phát triển tướng vô thường cho nên đưa đến tranh cãi này. Vị ấy do tranh cãi, không quán nghĩa của nó. Do không quán nghĩa của nó nên tâm mê lầm. Vị ấy đã chấp vào sai lầm này nên khi chết rơi vào trong ba đường dữ là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu tướng vô thường và phát triển tướng vô thường, liền không còn tướng sân hận, ngu si, cũng có thể quán pháp và quán nghĩa của nó. Nếu sau khi chết sẽ sanh về ba đường lành trời, người, và dẫn đến Niết-bàn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi* nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại bên bờ sông Ưu-ca-chi.⁶ Bấy giờ, Thế Tôn đến dưới một bóng cây, tự trải tọa cụ mà ngồi, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt.

Lúc ấy, có một bà-la-môn đi đến chỗ kia. Thấy dấu chân của Thế Tôn rất kỳ diệu, bà-la-môn này nghĩ thầm: ‘Đây là dấu chân của người nào, là trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà,⁷ a-tu-la, người hay phi nhân hay là Phạm thiên Tổ phụ của ta?’ Lúc ấy, bà-la-môn liền theo dấu chân mà đi tới, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Thấy vậy, ông bèn hỏi:

“Ông là vị trời chăng?”

Thế Tôn bảo:

“Ta chẳng phải là trời.”

“Là càn-thát-bà chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Ta cũng chẳng phải là càn-thát-bà*.”

“Là rồng chăng?”

Đáp:

“Ta chẳng phải là rồng.”

“Là dạ-xoa chăng?”

⁵ Pāli, A.IV 36 Doṇa (R. ii.38). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 1077.

⁶ Ưu-ca-chi 憂迦支江水. Pāli: Ukattā, một thị trấn ở Kosala.

⁷ Đề bản: Càn-đạp-hòa 乾沓和

Tăng nhất A-hàm

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta chẳng phải là dạ-xoa.”

“Là Tổ phụ⁸ chẳng?”

“Ta chẳng phải là Tổ [718a] phụ.”

Lúc ấy, bà-la-môn hỏi Thế Tôn:

“VẬY Ngài là ai?”

Thế Tôn nói:

“Người có ái thì có thù⁹, có thù thì có tham ái¹⁰, nhân duyên hội hợp sau đó từng cái sanh ra nhau như vậy, như vậy, năm khổ thủ uẩn không bao giờ chấm dứt. Vì đã biết ái rồi, thì biết năm dục, cũng biết sáu trần ngoài và sáu xứ trong, tức biết gốc ngọn thủ uẩn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thế gian có ngũ dục;
Ý là vua¹¹ thứ sáu.
Biết sáu pháp trong ngoài.
Nên niệm diệt gốc khổ.*

“Cho nên phải tìm phương tiện diệt trừ sáu sự trong ngoài. Bà-la-môn, hãy học điều như vậy.”

Bà-la-môn nghe Phật dạy như vậy, tư duy nghiền ngẫm, ôm ấp trong tâm không rời, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

⁸ Chi Phạm thiên.

⁹ Nguyên Hán: Thọ 受

¹⁰ 有受則有愛, có lẽ nên hiểu là “có thủ thì có hữu.”

¹¹ Đê bản: 生 sanh. TNM: 王 vương. Cf. *Tứ phần* 32 (tr. 791c14): 帝 lục vương vi thượng 第六王為上.

Bà-la-môn, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, trong lúc Ta còn là Bồ-tát, chưa thành Phật đạo, có nghĩ như vậy: ‘Thế gian này rất là cần khổ, có sanh, có già, có bệnh, có chết, mà không đạt được cùng tận nguồn gốc của năm thủ uẩn này.’ Lúc ấy, Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết, lại vì nhân duyên gì đưa đến tai hoạn này?’ Trong khi đang tư duy, Ta lại sanh khởi ý nghĩ như vậy: ‘Có sanh thì có già, bệnh, chết.’

“Trong lúc đang tư duy, bấy giờ Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì có sanh?’ Ở đây, do hữu mà có sinh. Lại tự nghĩ như vậy: ‘Hữu do đâu mà có?’ Trong khi đang tư duy, lại tự nghĩ như vậy: ‘Hữu này do thủ* mà có hữu.’ Lại tự nghĩ: ‘Thủ này do đâu mà có?’ Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: ‘Do ái mà có thủ.’ Lại tư duy nữa: ‘Ái này do đâu mà sinh?’ Lại quán sát nữa: ‘Do thọ mà có ái.’ Lại tư duy nữa: ‘Thọ này do đâu mà sinh?’ Trong khi đang quán sát: ‘Do xúc mà có thọ này,’ lại tự nghĩ tiếp: ‘Xúc này do đâu mà có?’ Lúc Ta khởi suy niệm này: ‘Duyên sáu xứ mà có sự xúc này,’ thời Ta lại tư duy: ‘Sáu xứ này do đâu mà có?’ Lúc quán sát: ‘Do danh sắc mà có sáu xứ,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Danh sắc do đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do thức mà có danh sắc,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Thức do [718b] đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do hành sinh thức,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Hành do đâu mà sinh?’ Khi quán sát, lại thấy: ‘Hành do vô minh mà sinh.’

Tăng nhất A-hàm

“Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên buồn rầu khổ não không thể nói hết. Đó gọi là sự tập khởi của khổ thủ uẩn như vậy.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ: ‘Do nhân duyên gì già, bệnh, chết diệt?’ Khi Ta quan sát, thấy rằng: ‘Sanh diệt thì già, bệnh, chết diệt.’ Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Do đâu mà không sinh?’ Quán sát gốc của sinh thì thấy: ‘Hữu diệt thì sanh diệt.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu không có hữu?’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Không thủ thì không hữu.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu mà thủ diệt?’ Khi Ta quan sát, thấy rằng: ‘Ái diệt thì thủ diệt.’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Do gì mà diệt ái?’ Ta lại quan sát thấy: ‘Thọ diệt thì ái diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà thọ diệt?’ Khi quan sát thấy: ‘Xúc diệt thì thọ diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà xúc diệt?’ Lúc quan sát thấy: ‘Sáu xứ diệt thì xúc diệt.’ Lại quán sát: ‘Sáu xứ này do gì mà diệt?’ Lúc đang quan sát, Ta thấy: ‘Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt.’ Lại quán sát: ‘Do gì danh sắc diệt? Thức diệt thì danh sắc diệt.’ Lại quán: ‘Thức này do gì mà diệt?’ Hành diệt thì thức diệt.’ Lại quán: ‘Hành này do gì mà diệt?’ Si diệt thì hành diệt. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, bệnh, diệt; già bệnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thủ uẩn diệt.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Thức này là đầu mối tối sơ đưa con người đến sanh, già, bệnh, chết này, nhưng lại không thể biết nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết này.

“Ví như có người ở trong rừng đi theo con đường nhỏ, đi

tới trước một chút thì gặp một con đường lớn cũ, là nơi ngày xưa mọi người đi trên đó. Lúc này, người ấy liền đi theo con đường đó, đi tới trước một chút nữa lại thấy thành quách xưa, vườn cảnh ao tắm thấy đều rất tốt tươi. Nhưng trong thành kia không có người ở. Người này thấy [718c] rồi, quay trở về bốn quốc, đến trước tâu vua:

“Hôm qua dạo chơi núi rừng, tôi gặp thành quách tốt, cây cối sum suê tươi tốt, nhưng trong thành ấy không có người dân. Đại vương hãy cho nhân dân đến cư trú ở thành kia.”

“Nghe người ấy nói xong, bấy giờ quốc vương liền cho nhân dân ở. Nhờ vậy thành quách này trở lại như xưa, nhân dân đông đúc, vui vẻ vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong núi, thấy nơi chốn du hành của chư Phật xa xưa, liền theo con đường này, liền biết được nguồn gốc sinh khởi của sanh, già, bệnh, chết. Có sinh thì có diệt, thấy đều phân biệt, biết sinh khổ, sinh tập, sinh diệt, và sinh đạo, thấy đều biết rõ ràng. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng lại như vậy. Vô minh khởi thì hành khởi, những gì được hành tạo lại do thức. Nay Ta đã biết rõ thức, nên nay vì chúng bốn bộ mà nói về gốc này; tất cả đều phải biết chỗ phát sanh nguồn gốc này: Biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo, hãy suy niệm cho rõ ràng. Đã biết sáu xứ thì biết sanh, già, bệnh, chết; sáu xứ diệt thì sanh, già, bệnh, chết diệt. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ sáu xứ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết Pháp cho vô số, trăm ngàn vạn chúng. Khi ấy, A-na-luật ở trên chỗ ngồi kia. A-na-luật ở giữa đại chúng mà ngủ gục. Khi Phật thấy A-na-luật ngồi ngủ, liền nói kệ này:

*Nghe pháp ưa ngủ nghĩ;
Ý không có thác loạn.
Những pháp Hiền thánh nói
Là điều kẻ trí ưa.*

*Giống như hồ nước sâu,
Lặng trong không bọt dơ.
Người nghe Pháp như vậy,
Hưởng vui, tâm thanh tịnh.¹²*

*Cũng như tảng đá lớn,
Gió lay không thể động.
Như vậy, được khen chê,
Tâm không có dao động.¹³*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Ông sợ pháp vua và sợ giặc cướp mà hành đạo sao?”

A-na-luật đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

Phật hỏi A-na-luật [719a]:

¹² Dhp. 82.

¹³ Pháp cú Pāli, Dhp. 81.

“Vì sao ông xuất gia học đạo?”

A-na-luật bạch Phật:

“Vì ghê tởm già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não này. Vì bị khổ bức bách, muốn dứt bỏ, cho nên xuất gia học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông là thiện gia nam tử với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Hôm nay chính Thế Tôn đang thuyết pháp, vì sao ở trong đây ngủ gục?”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vén áo bày vai phải, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

“Từ nay về sau, thân thể tan nát, con quyết cũng không ngồi trước Thế Tôn mà ngủ gục.”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật suốt đêm đến sáng không ngủ, nhưng không thể trừ được mê ngủ, nhãn căn dần dần tổn thương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Sự nỗ lực tinh tấn của người tương ưng với trạo cử. Nếu lại biếng nhác, thì nó tương ưng với kết. Hành trì của người hiện nay là nên ở giữa.”

A-na-luật bạch Phật:

“Ở trước Như Lai con đã thề, nay không thể làm ngược lại bốn nguyện.”

Sau đó, Thế Tôn bảo Kỳ-vực:

“Hãy chữa trị mắt cho A-na-luật.”

Kỳ-vực đáp:

“Nếu A-na-luật chịu ngủ nghỉ chút ít thì con mới chữa mắt được.”

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Ngươi nên ngủ. Vì sao vậy? Tất cả pháp do ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn. Tai lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi thơm làm thức ăn. Lưỡi lấy vị làm thức ăn. Thân lấy sự trơn láng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Nay Ta cũng nói, Niết-bàn cũng có thức ăn.”

A-na-luật bạch Phật:

“Niết-bàn lấy gì làm thức ăn?”

Phật bảo A-na-luật:

“Niết-bàn lấy sự không phóng dật làm thức ăn. Nương vào không phóng dật đến được vô vi.”

A-na-luật bạch Phật:

“Tuy nói mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, nhưng con không kham ngủ nghỉ.”

Bấy giờ, A-na-luật đang vá y phục cũ thì mắt từ từ bị hư hoại, nhưng được thiên nhân không có tỳ vết. Lúc ấy, A-na-luật dùng pháp thường để vá y phục, nhưng không thể xỏ chỉ qua lỗ kim. A-na-luật liền tự nghĩ: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.”

Lúc ấy, Thế Tôn, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe âm thanh này: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.” Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật, bảo rằng:

“Ông đưa kim [719b] lại đây Ta xỏ cho.”

A-na-luật bạch Phật:

“Vừa rồi con có kêu gọi những ai ở thế gian muốn cầu phước kia, thì hãy xỏ kim cho con.”

Thế Tôn đáp:

“Người cầu phước thế gian không có ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không bao giờ nhàm chán. Những gì là sáu? Một là bố thí, hai là giáo giới, ba là nhẫn nhục, bốn là thuyết pháp thuyết nghĩa, năm là giúp đỡ chúng sanh, sáu là cầu Đạo Vô thượng Chánh chơn. Nay A-na-luật, đó gọi là Như Lai đối với sáu pháp này không bao giờ nhàm chán.”

A-na-luật bạch:

“Thân Như Lai là Pháp thân chân thật, còn muốn cầu pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển sanh tử, lại thoát ái trước, mà nay vẫn đứng đầu trong những người cầu phước!”

Thế Tôn bảo:

“Đúng vậy, A-na-luật! Như lời ông nói: ‘Như Lai cũng biết sáu pháp này mà không bao giờ nhàm chán. Nếu chúng sanh nào biết những việc làm nơi thân, miệng, ý là nguồn gốc của tội ác, sẽ không bao giờ rơi vào ba đường dữ. Do chúng sanh kia không biết nguồn gốc tội ác nên đọa vào trong ba đường dữ.’”

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

*Lực mà thế gian có,
Tồn tại trong trời người;
Lực phước là hơn hết.
Do phước được thành Phật.*

“Cho nên, A-na-luật, hãy tìm cầu phương tiện được sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, một số các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khát thực, nghe thấy bên ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc có đám đông người dân giơ tay kêu gào, tỏ vẻ oán trách: ‘Trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma¹⁵ hết sức hung bạo, giết hại người vô số, không từ bi đối với hết thảy chúng sanh. Nhân dân trong nước không ai là không kinh tởm lo sợ. Mỗi ngày, nó giết một người, lấy một ngón tay xâu thành chuỗi, cho nên gọi nó là: “Chuỗi Ngón Tay.”¹⁶ Cúi xin Đại vương hãy đi đánh bắt.’

Các Tỳ-kheo sau khi khát thực xong, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thân cất y bát, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

[719c] “Chúng con một số đông vào thành Xá-vệ khát thực nghe thấy bên ngoài cung vua có nhiều người dân kêu than oán trách: ‘Nay trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma là người hung bạo, không có tâm từ, giết hại hết thảy chúng sanh. Người chết, đất nước trống không, đều do kẻ ấy. Nó lại lấy ngón tay người xâu làm tràng hoa.’”

¹⁴ Pāli, M 86 *Āṅgulimāla* (R. ii. 97). Hán, *Tạp* 38, kinh 1077.

¹⁵ Ương-quật-ma 鴞掘魔. Pāli: *Āṅgulimāla*.

¹⁶ Hán: Chi man 指鬘; cũng là dịch nghĩa của từ *āṅguli-māla*.

Định nghĩa của Pāli: *so manusse vadhitvā vadhitvā āṅgulīnaṃ mālaṃ dhāreti*, nó giết nhiều người, rồi lấy ngón tay làm tràng hoa mà đeo.

Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo kia nói xong, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, im lặng ra đi.

Thế Tôn ngay sau đó đi đến chỗ tên giặc kia. Những người kiếm củi, nhặt cỏ, người đi cày, người chăn bò, dê, thấy Thế Tôn đi vào con đường ấy, đều bạch với Phật:

“Sa-môn, chớ có đi theo con đường này. Vì sao vậy? Cạnh đường này có giặc cướp tên Ương-quật-ma đang ở đó. Người dân muốn đi vào đường này thì phải tập hợp mười người, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, mà vẫn không qua được, bị Ương-quật-ma bắt giết hết. Nhưng Sa-môn Cù-đàm đi một mình không có bạn sẽ bị Ương-quật-ma quấy nhiễu, chuyện này phải cảnh giác.”

Thế Tôn tuy nghe những lời này, nhưng vẫn đi tới, không dừng lại.

Trong lúc đó, mẹ Ương-quật-ma đem thức ăn đến chỗ Ương-quật-ma. Lúc này, Ương-quật-ma tự nghĩ: ‘Chuỗi ngón tay của ta đã đủ số chưa?’ Nó bèn đếm, số ngón tay vẫn chưa đủ. Lại đếm trở lại, chỉ thiếu một ngón tay người. Ương-quật-ma nhìn quanh quất hai bên, tìm một người lạ để bắt giết, nhưng nhìn khắp bốn phía đều không thấy người. Nó liền tự nghĩ: ‘Thầy ta có dạy, nếu giết hại mẹ thì tất sẽ sanh thiên. Nay mẹ ta đã tự đến đây, ta hãy bắt giết, được đủ số ngón tay là được sanh lên trời.’

Rồi Ương-quật-ma dùng tay trái nắm đầu mẹ, tay phải rút kiếm nói với mẹ: ‘Mẹ ơi, hãy đứng lại một lát.’

Lúc ấy, Thế Tôn liền nghĩ: ‘Ương-quật-ma này đang tạo ngũ nghịch.’ Ngài lập tức phóng ánh sáng từ giữa chạng mày chiếu khắp núi rừng ấy. Lúc ấy, Ương-quật-ma thấy ánh sáng này, liền nói với mẹ: ‘Đây là ánh sáng gì mà chiếu khắp núi rừng này? Chẳng phải nhà vua tập hợp

Tăng nhất A-hàm

binh chúng đem công phật ta u?’

Lúc ấy, người mẹ bảo:

“Con ơi, nên biết, đây chẳng phải ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay lửa, cũng chẳng phải ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương.”

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ này:

*Chẳng phải ánh sáng lửa.
Trời, trăng, hay Thích, Phạm.
[720a]Chim thú không kinh sợ,
Vẫn ca hát như thường.*

*Ánh sáng rất thanh tịnh,
Khiến người vui vô lượng.
Ắt là đáng Tối thắng,
Thập lực, đến chốn này.*

*Trong cõi trời và người,
Thiên nhân nhìn thế giới;
Vì muốn độ cho con
Thế Tôn đến nơi này.*

Bấy giờ, Ương-quật-ma nghe đến tiếng Phật, vui mừng hớn hở, không tự dừng được, liền nói:

“Thầy con cũng giáo giới, bảo con: ‘Nếu con có thể giết mẹ, hay Sa-môn Cù-đàm, thì có thể sanh lên trời Phạm thiên.’”

Lúc ấy, Ương-quật-ma bảo mẹ:

“Nay Mẹ đứng đây! Trước hết con bắt giết Sa-môn Cù-đàm, sau đó hãy ăn.”

Ương-quật-ma liền bỏ mẹ ra mà chạy đuổi theo Thế Tôn. Từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, giống như khối vàng, chiếu khắp mọi nơi. Nó cười mà nói rằng: ‘Nay Sa-môn

này nhất định ở trong tay ta, tất sẽ giết không nghi ngại. Nhân dân muốn đi vào đường này, họ đều tập hợp đông người, mà đi đường này. Vậy mà Sa-môn này đơn độc không bạn bè. Nay ta sẽ bắt giết ông ta.”

Rồi Ương-quật-ma liền rút kiếm ra, đi ngược về phía Thế Tôn. Trong lúc đó, Thế Tôn liền quay ngược đường lại, từ từ mà đi. Nhưng Ương-quật-ma chạy rượt theo cũng không thể nào kịp. Khi ấy, Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

“Sa-môn, dừng lại! dừng lại!”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã tự dừng rồi. Tự người không dừng!”

Ương-quật-ma vừa chạy, vừa từ xa nói kệ này:

*Đi, mà lại nói dừng.
Lại bảo ta không dừng.
Nói nghĩa này cho tôi:
Ông dừng, tôi không dừng?*

Lúc ấy, Thế Tôn liền dùng kệ đáp:

*Thế Tôn nói đã dừng,
Vì không hại hết thấy.
Nay người có tâm giết,
Không lìa xa nguồn ác.
Ta dừng nơi tâm từ;
Thương giúp cả mọi người.
Người gieo nhân địa ngục,
Không lìa xa nguồn ác.*

Ương-quật-ma nghe bài kệ này, liền tự nghĩ: “Ta đã làm việc ác thật sao? Còn thầy bảo ta: ‘Đó là đại tể đàn, được quả báo lớn, [720b] nếu có thể bắt giết một ngàn người, lấy ngón tay xâu thành chuỗi, thì được quả như sở

nguyện mình. Người như vậy, sau khi chết vào chỗ lành, sanh lên trời. Nếu bắt giết mẹ ruột và Sa-môn Cù-đàm thì sẽ sanh lên Phạm thiên.” Lúc ấy, Phật liền dùng oai thần, khiến thần thức của nó chột sáng: “Các sách vở của bà-la-môn cũng có nói rằng Như Lai ra đời rất là khó gặp, thật lâu, ức kiếp mới xuất hiện một lần. Khi vị ấy ra đời, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát. Vị ấy nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp. Sao gọi là sáu? Người nói có ngã kiến, liền nói pháp diệt trừ ngã kiến; người nói không có ngã kiến thì cũng vì họ nói pháp diệt trừ không có ngã kiến; người nói vừa có ngã kiến, vừa không có ngã kiến thì, cũng vì họ nói pháp diệt trừ vừa có ngã vừa không có ngã. Lại tự quán sát, nói pháp đã được quán sát, tự nói pháp vô ngã, cũng chẳng phải pháp Ta nói, cũng chẳng phải pháp Ta chẳng nói. Nếu Như Lai xuất thế sẽ nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp này. Lại nữa, khi ta chạy đi thì có thể đuổi kịp voi, ngựa, xe cộ và nhân dân, nhưng Sa-môn này đi không nhanh vội, song hôm nay ta không thể theo kịp người này. Đây chắc phải là Như Lai.”

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền nói kệ này:

*Tôn giả đã vì tôi
Mà nói kệ vì diệu.
Người ác nay biết chân,
Đều nhờ oai thần Ngài.
Lập tức bỏ kiếm bén,
Ném vào trong hang sâu.
Nay lễ chân Sa-môn
Liền cầu làm Sa-môn.*

Rồi Ương-quật-ma liền đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Hãy đến đây, Tỳ-kheo!” Lập tức Ương-quật-ma liền thành sa-môn, mặc ba pháp y.

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nay ông đã cạo đầu;
Trừ kết sử cũng vậy.
Diệt kết, đắc quả lớn;
Không còn sầu, khổ não.*

Ương-quật-ma sau khi nghe những lời này, dứt sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch.

Bây giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Ương-quật-ma trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ. Trong lúc đó, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh, định đánh dẹp Ương-quật-ma. Khi ấy, vua liền tự nghĩ: ‘Nay ta hãy đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này thưa đầy đủ lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn [720c] có dạy điều gì thì sẽ phụng hành.’

Bây giờ, vua Ba-tư-nặc liền tập hợp binh bốn bộ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

“Đại vương, hôm nay sắp đi đâu, mà thân thể đầy bụi bậm đến như vậy?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Nay trong nước con có giặc cướp tên Ương-quật-ma hết sức hung bạo, không có lòng từ đối với hết thầy chúng sanh. Đất nước hoang vắng, nhân dân lưu tán, đều do tên tặc này. Nay nó bắt người giết đi, lấy ngón tay xâu thành chuỗi. Đó là quý dữ, chẳng phải là người. Nay con muốn bắt người này mà giết đi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu Đại vương thấy Ương-quật-ma với lòng tin kiên cố

Tăng nhất A-hàm

đã xuất gia học đạo, thì sẽ làm sao?”

Vua bạch Phật rằng:

“Còn biết làm gì hơn, là cung kính, cúng dường, tùy thời lễ bái! Nhưng, bạch Thế Tôn, nó lại là người ác, không có một mảy may thiện, thường giết hại, thì có thể có tâm xuất gia học đạo này chăng? Hoàn toàn không thể có việc ấy!”

Lúc ấy, Ương-quật-ma đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải chỉ và nói với vua:

“Đó là tên cướp Ương-quật-ma.”

Vua nghe những lời này, trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng.

Thế Tôn bảo vua:

“Chớ sinh lòng sợ hãi, hãy bước đến trước, thì tự vua sẽ tỏ ý mình.”

Vua nghe lời Phật dạy, liền đến trước Ương-quật-ma, nói với Ương-quật-ma:

“Ông họ gì?”

Ương-quật-ma đáp:

“Tôi họ Già-già,¹⁷ mẹ tên Mãn Túc.¹⁸”

Lúc ấy, vua đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua hỏi:

“Khéo vui trong chánh pháp này, chớ có lười biếng, tu phạm hạnh thanh tịnh để dứt gốc khổ. Tôi sẽ trọn đời

¹⁷ Già-già 伽伽. Pāli: Gagga, là tên cha. Họ là Bhaggava.

¹⁸ Mãn Túc 滿足. Pāli: Mantāṇī.

cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh.”

Ương-quật-ma im lặng không đáp. Vua liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân. Quay trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua lại bạch với Phật:

“Người chưa hàng khiến hàng, người chưa phục khiến phục. Thật là kỳ lạ, hiếm có! Cho đến có thể hàng phục người cực ác. Cầu mong Thế Tôn thọ mạng vô cùng, để nuôi dưỡng nhân dân. Nhờ ơn Thế Tôn mà thoát được nạn này. Việc nước bề bộn, con xin trở về thành.”

Thế Tôn bảo:

“Vua nên biết đúng lúc!”

Bấy giờ, quốc vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ [721a01] sát chân Phật, rồi lui đi.

Lúc bấy giờ, Ương-quật-ma hành a-lan-nhã, đắp y năm mảnh. Đến giờ, vị ấy ôm bát, đi đến từng nhà khát thực, một vòng rồi trở lại từ đầu; đắp y rách vá, thô xấu, tồi tàn, lại ngồi ở giữa trời trống, không che thân thể. Ương-quật-ma ở nơi vắng vẻ, tự tu hạnh này, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Bấy giờ, Ương-quật-ma liền thành A-la-hán, sáu thông trong suốt không còn bụi dơ.

Sau khi đã thành A-la-hán, đến giờ khoác y, cầm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, có một thiếu phụ đang sanh khó. Thấy vậy, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Đau khổ thay,

chúng sanh chịu bức não¹⁹ vô hạn.’ Sau khi thọ thực xong, Ương-quật-ma cất y bát, lấy tọa cụ đặt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi, con khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực, gặp một người nữ thân thể mang thai nặng nề.²⁰ Lúc ấy, con liền tự nghĩ: ‘Chúng sanh chịu khổ đến như vậy sao?’”

Thế Tôn đáp:

“Ông hãy đến chỗ người phụ nữ ấy, nói như vậy: ‘Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến²¹!’”

Ương-quật-ma đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Ngay trong ngày ấy, Ương-quật-ma liền khoác y, cầm bát, vào thành Xá-vệ, đến chỗ người mẹ kia, nói với cô: “Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến.”

Lúc ấy, người mẹ mang thai liền sanh được.

¹⁹ Để bản chép: Thọ thai 受胎. TNM: Thọ não. Sửa lại cho phù hợp với Pāli: *kilissanti vata bho sattā*.

²⁰ Nguyên Hán: Trọng nhâm 重妊. Tường thuật không phù hợp với trả lời của Phật. Có lẽ tương đương Pāli: *mūlhagabbham*, sanh khó, nhưng Hán dịch hiểu *mūlha* theo nghĩa đen là “nặng nề, chậm chạp.”

²¹ Pāli, định cú: *tena saccena sotthi te hotu*, “bằng sự thật này, mong cho cô được an lành.” Đây là một *paritta*, hộ chú, câu thần chú cứu hộ, phổ biến trong Pāli.

Một hôm, Ương-quật-ma vào thành khát thực, các nam, nữ lớn nhỏ, mọi người đều nói với nhau:

“Đó gọi là Ương-quật-ma, đã giết hại chúng sinh không thể kể, nay lại đi trong thành khát thực.”

Rồi thì, nhân dân trong thành, mọi người lấy gạch đá đá thương, hoặc dùng dao chém, khiến đầu mặt Ương-quật-ma bị thương, y phục bị rách hết, máu chảy nhớp thân thể. Sau khi ra khỏi thành Xá-vệ, Ương-quật-ma đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn thấy Ương-quật-ma bị thương tích đầy đầu mặt, máu chảy ướn y, đang đi đến. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói:

“Ngươi hãy nhẫn nhịn! Vì sao vậy? Tội này, đáng ra phải chịu báo mãi trong một kiếp lâu dài.”

[721b01] Lúc ấy, Ương-quật-ma liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma ở trước Như Lai nói kệ này:

*Kiên cố nghe pháp cú;
Kiên cố hành Phật Pháp;
Kiên cố gần bạn lành;
Liền đến nơi diệt tận.*

*Con vốn là đại tặc,
Tên là Ương-quật-ma,
Bị cuốn trôi theo dòng,
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.*

*Nay quán, tự trả nghiệp,
Cũng nên quán gốc pháp.
Nay đã đắc ba minh,
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.*

Tăng nhất A-hàm

Con vốn tên Vô Hại,²²
Nhưng giết hại vô kể,²³
Nay tên Chân Đế Thật,²³
Không còn hại gì nữa.

Giả sử thân, miệng, ý,
Đều không tâm thức hại;
Đó là không sát hại;
Huống gì khởi tư tưởng.

Thợ cung hay nắn sừng (?),²⁴
Nhà thủy hay dẫn nước;
Người thợ chạm, đẽo gỗ;
Bậc trí tự điều thân.²⁵

Hoặc dùng roi gây phục;
Hoặc dùng lời lẽ khuất,
Trọn không dùng đao gây.
Nay con tự hàng phục.

Trước, người gây tội ác,
Sau đừng không tái phạm,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Như mây tan, trăng hiện.

Trước, người gây tội ác,
Sau đừng không tái phạm,

²² Vô Hại 無害. Pāli: Ahimsaka, tên cha mẹ đặt. Anguimāla là tên do người đời đặt.

²³ Chân Đế Thật. Pāli: Sacca. Nhưng Pāli, (...) *ajjāham saccanāmomhi*, (...), [Tôi vốn tên Vô Hại, nhưng đã hại người rất nhiều], *nay chân thật* [là Vô Hại, vì không còn hại ai nữa].

²⁴ Hán: Giác 角. Cf. Dh. 80: *usukārā namayanti tejanam*, thợ làm tên nắn thẳng mũi tên.

²⁵ Dh. 80.

*Chiếu sáng khắp thế gian;
Mây tan, mặt trời hiện.*

*Tỳ-kheo già, trẻ khỏe,
Tu hành, hành Phật pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Như trăng kia, mây tan.²⁶*

*Tỳ-kheo già, trẻ khỏe,
Tu hành theo Phật Pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Mặt trời kia, mây tan.*

*Nay con chịu chút khó.
Ăn uống tự biết đủ.
Thoát hết tất cả khó.
Duyên cũ nay đã hết.*

*Không theo dấu tử thân,
Cũng không còn tái sanh;
Nay chỉ đợi thời tiết,
Hoan hỷ, không rối loạn.*

Bấy giờ, Như Lai hứa khả những gì Ương-quật-ma nói. Ương-quật-ma [721c] thấy Như Lai đã im lặng hứa khả, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Ương-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay thông minh, trí huệ, mặt mày xinh đẹp hiếm có trên đời? Lại tạo hành vi bất thiện gì mà trên thân hiện này, sát hại chúng sanh vô số kẻ? Lại tạo công đức gì mà nay gặp Như Lai, đắc quả A-la-hán?”

²⁶ Cf. Dhp. 382.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Vào thời quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này,²⁷ có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Sau khi Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có vua tên Đại Quả thống lĩnh trong nước, cai trị Diêm-phù-đề. Vua ấy có tám vạn bốn ngàn cung nhân nữ, nhưng không có con cái. Bây giờ, vua Đại Quả liền hướng về thần cây, thần núi, mặt trời, mặt trăng, tinh tú không nơi nào là không cầu xin con cái. Sau đó đệ nhất phu nhân của vua mang thai, trải qua tám, chín tháng, sanh được một con trai, tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Lúc ấy, vị vua kia liền tự nghĩ: ‘Ta trước kia không có con cái, suốt một thời gian như vậy nay mới sanh hài nhi, cần phải đặt tên, để cho nó ở trong ngũ dục mà thụ hưởng.’

Vua bèn triệu tập quần thần, những người có thể xem tướng, bảo rằng:

“Nay ta đã sanh hài nhi này, các khanh hãy đặt tên cho.”

Những người này nghe vua dạy rồi, liền tâu vua:

“Nay Thái tử này rất kỳ diệu, xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, ắt sẽ có thể lực lớn, nay nên đặt tên là Đại Lực.”

Sau khi thấy tướng đặt tên cho thái tử rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bây giờ, quốc vương yêu thương thái tử này, chưa từng rời mắt.

Khi thái tử vừa lên tám tuổi, dẫn theo các người hầu cận đến chỗ phụ vương, hầu hạ thăm hỏi. Vua cha tự nghĩ: ‘Thái tử này, tự thật là kỳ lạ!’ Vua liền bảo thái tử:

²⁷ Truyện tiền thân của *Āṅgulimāla*, Pāli, *Jataka* 537; *Mahā-Sutasoma*.

“Thế nào, nay ta cưới vợ cho con?”

Thái tử tâu vua:

“Nay con còn nhỏ tuổi, cần gì cưới vợ?”

Lúc ấy, vua cha tạm đình chỉ không cưới vợ cho. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại nói:

“Ta muốn cưới vợ cho con.”

Thái tử tâu vua:

“Con không cần cưới vợ.”

Lúc ấy, vua bảo quần thần, nhân dân:

“Ta trước kia không có con cái, qua [722a] thời gian rất lâu mới sinh được một đứa con. Nay nó không chịu lấy vợ, thanh tịnh không một tí vết.”

Bấy giờ, vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

Khi thái tử Thanh Tịnh đã gần ba mươi tuổi, vua lại bảo quần thần:

“Hiện nay tuổi ta đã suy yếu, không con nào khác; hiện chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay vương vị cao phải truyền cho thái tử. Nhưng thái tử không thích sống trong năm dục, làm sao xử lý việc nước?”

Quần thần đáp:

“Phải tìm cách làm cho thái tử ưa thích năm dục.”

Lúc ấy, vua liền cho đánh chuông, kích trống, thông báo với nhân dân trong nước:

“Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.”

Bấy giờ, có người nữ tên Dâm Chung, hiểu rõ sáu mươi

Tặng nhất A-hàm

bốn biển. Người nữ kia nghe vua có sắc lệnh: ‘Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.’ Cô liền đến chỗ vua cha và tâu:

“Hãy cho tôi ngàn vàng và các vật báu, tôi có thể khiến cho thái tử của vua quen với năm dục.”

Vua cha bảo:

“Nếu làm được việc ấy, ta sẽ ban cho gấp đôi; không phụ lời hứa.”

Dâm nữ tâu vua:

“Thái tử ngủ ở đâu vậy?”

Vua bảo:

“Ở tòa nhà phía Đông, không có nữ nhon. Chỉ có một người nam làm thị vệ ở đó.”

Người nữ tâu:

“Cúi xin Đại vương ra lệnh trong cung cho tôi tùy ý ra vào, không được ngăn cản.”

Ngay đêm đó, vào canh hai, dâm nữ ở cạnh cửa phòng thái tử giả bộ cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng khóc người nữ, liền hỏi người hầu:

“Đây là người nào đến đây mà khóc?”

Người hầu đáp:

“Đó là người nữ, đang khóc ở cạnh cửa.”

Thái tử nói:

“Khanh mau đến chỗ đó, hỏi vì sao khóc?”

Người hầu kia liền đến chỗ đó hỏi vì sao khóc. Dâm nữ

đáp:

“Bị chồng bỏ, cho nên khóc!”

Người hầu trở vào tâu thái tử:

“Người nữ này bị chồng bỏ, lại sợ trộm cướp, cho nên khóc!”

Thái tử bảo:

“Dẫn người nữ này để trong chuồng voi.”

Đến đó, cô lại vẫn khóc. Thái tử bảo dẫn vào chuồng ngựa, cô lại khóc.

Thái tử lại bảo quân hầu:

“Dẫn đến đây!”

Cô liền được dẫn vào nhà. Ở đây cô lại vẫn khóc.

Thái tử đích thân tự hỏi:

“Vì sao lại khóc?”

Dâm nữ đáp:

“Thưa thái tử, người nữ một mình yếu đuối, rất là sợ hãi, cho nên khóc.”

Thái tử bảo:

“Lên trên giường ta thì không còn sợ nữa.”

[722b] Lúc ấy, người nữ im lặng không đáp, cũng không còn khóc. Rồi thì, người nữ liền cởi y phục, tới trước nắm tay thái tử đặt lên ngực mình. Cảm giác kinh sợ chỉ trong chốc lát, nhưng rồi dần dần khởi dục tưởng. Khi dục tâm đã khởi thì thân thể đến với nhau.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua cha. Lúc ấy, vua cha từ xa trông thấy nhan sắc thái tử khác

Tăng nhất A-hàm

với ngài thường, liền nói:

“Những điều mà con muốn, đã kết quả rồi sao?”

Thái tử đáp:

“Đúng như Đại vương nói.”

Lúc này, vua cha vui mừng hơn hớ, không xiết kể, bèn nói:

“Con muốn cầu mong gì, ta sẽ ban cho?”

Thái tử nói:

“Những gì cha đã muốn ban, đừng có hối tiếc lại, thì con sẽ xin theo ước nguyện của mình!”

Thời vua bảo:

“Như những gì con đã nói, cha quyết không hối tiếc. Con muốn cầu ước nguyện gì?”

Thái tử tâu vua:

“Ngày nay, Phụ vương thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề, tự do với mọi thứ. Vậy xin hãy đem hết tất cả những cô gái chưa chồng trong cõi Diêm-phù-đề, rước về nhà ta, sau đó cho lấy chồng.”

Lúc ấy, vua bảo:

“Ta sẽ làm theo lời con.”

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

“Ai có con gái chưa gả chồng, trước đưa đến cho thái tử Thanh Tịnh, rồi sau đó mới gả chồng.”

Bấy giờ, trong thành kia có một người nữ tên Tu-man, đến lượt phải đến chỗ vua. Lúc ấy, con gái gia chủ Tu-man, để thân thể trần truồng, đi chân không giữa đám đông người, cũng không hề hổ thẹn. Mọi người thấy vậy,

nói với nhau:

“Đây là con gái gia chủ, tiếng đồn khắp nơi, vì sao lại trần truồng đi giữa chốn đông người như con lừa không khác?”

Người nữ nói với mọi người:

“Tôi chẳng phải là con lừa. Những người các ngươi mới là con lừa. Các người có thấy người nữ nào gặp người nữ mà lại mắc cỡ? Mọi người trong thành đều là người nữ, chỉ có thái tử Thanh tịnh là người nam thôi. Nếu tôi đến cửa thái tử Thanh Tịnh thì tôi mới mặc quần áo.”

Lúc này, nhân dân trong thành cùng bàn nhau:

“Những điều cô này nói thật đúng ý chúng ta. Chúng ta đúng là nữ, chẳng phải nam. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là nam. Hôm nay chúng ta phải thực hiện pháp người nam.”

Rồi nhân dân trong thành sắm sửa vũ khí, mặc giáp, mang gậy, đến chỗ vua cha, tâu với vua cha:

“Chúng tôi có hai lời nguyện, xin vua chấp nhận.”

Vua hỏi:

“Hai lời nguyện gì?”

Nhân dân tâu vua:

“Vua muốn sống thì hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Muốn thái tử sống thì chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không chịu phụng sự [722c] thái tử Thanh Tịnh, vì nhục cho phép thường của nước.”

Lúc ấy, vua cha liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người.

Vì thôn, mất một nhà.

Vì nước, mất một thôn.

Vì thân, mất thế gian.

Vua nói bài kệ này rồi, bảo nhân dân:

“Nay chính đã đúng lúc! Tùy ý các khanh.”

Bấy giờ, mọi người liền bắt trói hai tay thái tử Thanh Tịnh, dẫn ra bên ngoài thành, họ nói với nhau rằng:

“Chúng ta tất cả đều cùng dùng gạch đá đập chết. Cần gì một người giết!”

Khi thái tử Thanh Tịnh sắp chết, tự nói lên lời thề nguyện: “Những người dân này bắt ta giết uống. Nhưng vua cha đã tự cho ta nguyện này. Nay ta chịu chết cũng không dám từ. Mong đời tương lai, ta sẽ báo oán này, và lại mong gặp A-la-hán chân nhơn để sớm được giải thoát.”

Nhân dân bắt giết thái tử rồi, tự giải tán.

“Này các Tỳ-kheo, các người chớ nghĩ vua Đại Quả lúc ấy há người nào khác, mà nay chính là thầy của Ương-quật-ma. Dâm nữ lúc ấy nay chính là vợ của ông thầy ấy. Nhân dân lúc ấy nay là tám vạn người bị giết chết. Thái tử Thanh Tịnh lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Khi sắp chết, đã phát thệ nguyện này, nên nay báo oán hoàn trả không thoát được. Vì nhân duyên này, nên giết hại vô số. Sau đó, nguyện gặp Phật, nên nay được giải thoát, thành A-la-hán. Đó là ý nghĩa của việc này, hãy nhớ mà phụng hành.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các đệ tử ta, người có trí huệ, thông minh bậc nhất chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

phụng hành.²⁸

KINH SỐ 7²⁹

[723a06] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy núi Linh thú³⁰ này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác. Các người có thấy núi Quảng phổ³¹ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các người có thấy núi Bạch thiện³² không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống

²⁸ Bản Hán, hết quyền 31.

²⁹ Pāli, M.116, Isigili (R.iii.68).

³⁰ Linh thú sơn 靈鷲山, tức Kỳ-xà-quật 耆闍崛山. Pāli: Gijjhikūṭa.

³¹ Quảng phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla (Vipulla), núi cao nhất trong năm núi bao quanh thành Vương xá.

³² Bạch thiện sơn 白善山. Pāli: Paṇḍava; ngọn đồi gần Vương xá.

với ngày nay. Các người có thấy núi Phụ trọng³³ không?’

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người có thấy núi Tiên nhân quật³⁴ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này cũng có tên như vậy. Vì sao vậy? Núi Tiên nhân là nơi thường có các vị Bồ tát thần túc, đắc đạo A-la-hán và các vị tiên nhân cư trú. Các vị Bích-chi-phật cũng du hành trong núi ấy. Nay Ta nói danh hiệu của các vị Bích-chi-phật, các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Có Bích-chi-phật tên A-lợi-tra, Bà-lợi-tra, có Bích-chi-phật tên Thâm Đế Trọng, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Quán, có Bích-chi-phật hiệu Cứu Cánh, có Bích-chi-phật hiệu Thông Minh, có Bích-chi-phật hiệu Vô Cầu, có Bích-chi-phật hiệu Đế-xa, Niệm Quán, Vô Diệt, Vô Hình, Thắng, Tối Thắng, Cực Đại, Cực Lôi Điện, Quang Minh.³⁵ Nay các Tỳ-kheo! Khi Như Lai

³³ Phụ trọng sơn 負重山. Pāli: Vebhāra, một trong năm núi (đồi) chung quanh Vương xá.

³⁴ Tiên nhân quật 仙人掘山. (chữ 掘 nên sửa lại là 窟) Pāli: Isigili, một trong năm núi quanh Vương xá, được nói là đẹp nhất.

³⁵ Danh sách các Bích-chi-phật theo Pāli: Arittho (A-lị-trá 阿利吒); Uparittho (Bà-lị-tra 婆利吒); Tagarasikhī (Hán đọc là Takkasikhī, Thâm Đế Trọng 審諦重?); Yasassī; Sudassano (Thiện Quán 善觀); Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto (Hán đọc là Niṭṭha, Cứu Cánh 究竟?); Tatho (Hán?), Sutavā (Hán?); Bhāvitatto (Niệm Quán 念觀). Các vị khác được kể thêm trong phần kệ của Pāli: Hán: Đế-xa 帝奢, Pāli: Tissa. Thông Minh 聰明 (Pāli?). Vô Cầu 無垢 (Pāli?). Vô Diệt 無滅 (Pāli?).

không xuất thế, bây giờ trong núi này có năm trăm vị Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn này. Khi Như Lai ở trên trời Đâu-suất muốn lai sinh, Thiên tử Tịnh cư tự đến đây thông báo và ra lệnh cho tất cả thế gian: ‘Hãy làm thanh tịnh cõi Phật để hai năm sau Như Lai sẽ xuất hiện ở đời.’

“Các vị Bích-chi-phật sau khi nghe vị thiên nhơn nói rồi, đều bay lên hư không mà [723b01] nói kệ này:

*Khi Phật chưa xuất thế,
Hiền thánh trú nơi đây.
Bích-chi-phật tự ngộ,
Thường sống trong núi này.*

*Núi này tên Tiên nhơn
Nơi ở Bích-chi-phật
Tiên nhơn và La-hán
Không lúc nào vắng mặt.*

“Lúc ấy, các vị Bích-chi-phật liền ở trên không trung thiêu thân nhập Bát-niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đời không hai hiệu Phật, nên phải diệt độ vậy. Trong đoàn khách buôn không cần hai người lãnh đạo. Trong một nước không có hai vua. Một cõi Phật không hai tôn hiệu. Vì sao vậy? Vì trong quá khứ lâu xa, thành La-duyet có vua tên Hỷ Ích thường nghĩ đến thống khổ địa ngục, cũng nghĩ đến nỗi khổ nạ quý, súc sanh. Bây giờ, vua ấy liền tự nghĩ: ‘Ta thường nhớ nghĩ đến thống khổ nơi địa ngục, nạ quý, súc sanh; nay ta không nên đi vào ba đường dữ này. Nên xả bỏ hết ngôi vua, vợ con, tôi tớ, với lòng tin

Vô Hình 無形 (Pāli?). Thắng 勝 (Jeta). Tối Thắng 最勝 (Jayanta). Cực Đại 極大 (Pāli?). Cực Lôi Điện 極雷電. (Pāli?).
Quang Minh 光明 (Pāli?).

Tăng nhất A-hàm

kiên cố xuất gia học đạo.’

“Bấy giờ, đại vương Hỷ Ích chán ghét nỗi khổ này liền xả bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, ở tại nơi vắng vẻ tự khắc chế mình, quán năm thủ uẩn, quán rõ vô thường: đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, thấy đều vô thường. Khi đang quán năm thủ uẩn này, thấy rằng các pháp có thể tập khởi là pháp diệt tận. Sau khi quán sát pháp này, liền thành Bích-chi-phật.

“Lúc ấy, Bích-chi-phật Hỷ Ích đã thành đạo quả, liền nói kệ này:

*Ta nghĩ khổ địa ngục,
Súc sanh, trong năm đường;
Bỏ nó mà học đạo;
Một mình không sầu ưu.*

“Lúc ấy, Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn kia. Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết trong núi này thường có Bồ-tát thần túc, những bậc Chân nhân đắc đạo, người học đạo tiên đang cư trú trong đó. Cho nên gọi là núi Tiên nhân, không có tên nào khác. Khi Như Lai không xuất hiện ở đời, chư thiên thường đến núi này đánh lễ. Vì sao vậy? Trong núi này toàn là các bậc Chân nhân, không có lẫn lộn. Nếu khi Phật Di-lặc giáng thân xuống thế gian, tên [723c01] các núi đều đổi khác, chỉ có núi Tiên nhân vẫn không tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên núi này cũng không khác. Tỳ-kheo, các người nên thân cận núi này, cung kính, thừa sự sẽ tăng ích các công đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

phụng hành.

KINH SỐ 8³⁶

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chuyên niệm mà tự tu tập. Thế nào là chuyên niệm? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi biết đi, cử động, tới dừng, co, duỗi, cúi, ngước, mặc pháp y, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc nói, hoặc im lặng, thấy đều biết thời. Nếu Tỳ-kheo tâm ý chuyên chánh, với Tỳ-kheo ấy dục lậu chưa sinh liền không sinh, đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sanh, đã sanh liền diệt, vô minh lậu chưa sanh khiến không sanh, đã sanh liền diệt. Nếu chuyên niệm phân biệt sáu xứ, trọn không rơi vào đường dữ.

“Sao gọi sáu xứ là đường dữ? Mắt nhìn sắc này, hoặc đẹp hoặc xấu. Thấy đẹp thì thích, thấy xấu thì không thích. Tai nghe tiếng hoặc hay, hoặc dở. Nghe tiếng hay thì thích, nghe tiếng không hay thì không thích. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Giống như có sáu loại thú có tánh nết khác nhau, hành động cũng khác. Nếu có người bắt chó, cáo, vượn, cá chiên,³⁷ rắn, chim, tất cả đều cột lại, nhốt chung vào một nơi rồi thả đi. Bấy giờ, trong sáu loại vật, mỗi con sẽ thể hiện mỗi tính cách.

“Bấy giờ, trong ý con chó muốn chạy vào thôn; trong ý con cáo muốn chạy đến gò mả; trong ý con cá chiên muốn vào trong nước; trong ý con vượn muốn vào rừng núi; trong ý rắn độc muốn vào trong hang; trong ý chim

³⁶ Pāli, S. 35. 206 Chapāna (R. iv. 198)

³⁷ Hán: Chiên ngư 鱖魚. Pāli: *susumāra*, cá sấu.

Tăng nhất A-hàm

muốn bay lên hư không. Sáu loài, mỗi loài có tánh cách khác nhau.

“Nếu có người lại bắt sáu loại vật này nhốt vào một chỗ, không cho chúng tự do đi theo bốn hướng. Lúc này, sáu con vật ấy tuy đi lại nhưng không rời khỏi chỗ cũ trong đó. Sáu tình cũng lại như vậy, mỗi loại đều có chủ đích riêng, phận sự bất đồng, lối nhìn cũng khác biệt, hoặc tốt hoặc xấu.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo buộc sáu tình này mà đặt một chỗ. Cho nên, [724a01] các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ chuyên tinh, ý không tán loạn. Lúc ấy, tỳ ma Ba-tuần hoàn toàn không có cơ hội, các công đức lành thay đều được thành tựu.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, nên niệm đầy đủ nhãn căn, sẽ được hai quả: Ở ngay trong hiện tại đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường. Đã tư duy tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, liền đoạn trừ được dục ái, sắc ái, vô sắc ái, đoạn sạch kiêu mạn, vô minh. Vì sao vậy? Ngày xưa, trong đời

quá khứ lâu xa, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Mục,³⁸ tướng mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, nhìn xem xét kỹ thì, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn.

“Bấy giờ, Thiện Mục Bích-chi-phật, đến giờ đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khát thực, dần dần đến nhà đại gia chủ, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, con gái của gia chủ từ xa thấy có đạo sĩ đứng ở ngoài cửa, vô cùng đoan chánh, tướng mạo đặc thù hiếm có trên đời, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn, liền khởi dục tâm, đến chỗ Tỳ-kheo kia nói rằng: ‘Ông xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Nay tôi tuy là xử nữ, nhưng lại cũng xinh đẹp. Chúng ta hãy hòa hợp. Trong nhà tôi rất nhiều châu báu, vô số của cải; còn làm sa-môn thật là không phải dễ.’

“Lúc ấy, Bích-chi-phật hỏi: ‘Này cô em, cô mê chỗ nào?’ Con gái gia chủ đáp: ‘Tôi thật sự mê sắc của cặp mắt. Lại nữa trong miệng tỏa mùi hương hoa sen ưu-bát, thân lại tiết ra mùi hương chiên đàn.’

“Khi ấy Bích-chi-phật liền duỗi tay trái, dùng tay phải móc mắt đặt vào lòng bàn tay mà bảo: ‘Cái mà cô gọi con mắt đáng yêu đây! Cô em, bây giờ cô còn mê chỗ nào nữa? Giống như ung nhọt, chẳng có gì đáng ham cá, mà trong mắt này cũng rỉ bất tịnh. Cô em nên biết, con mắt như bọt nước nổi, cũng không bền chắc, huyễn ngụy không thật, mê hoặc người đời. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều [724b01] không bền chắc, giả dối không thật. Miệng là nơi khắc nhô đờm dãi, ra những vật bất tịnh, chứa toàn xương trắng. Thân là đồ chứa sự khổ, là pháp

³⁸ Thiện Mục 善目; Pāli: Sunetta, cf. DhA. ii 71 f.

hoại diệt, là nơi thường chứa chất hôi thối, là nơi các loại vi trùng quấy rối. Cũng như chiếc bình vẽ, bên trong đựng bất tịnh. Nay cô em, nay cô mê chỗ nào? Cho nên, nay cô em, hãy chuyên tâm tư duy, pháp này huyền diệu không thật. Nếu cô em tư duy về nhãn sắc vô thường, những ý tưởng nào đắm đuối dục liền tự tiêu diệt. Tai, mũi, miệng, thân, ý thấy đều vô thường. Sau khi tư duy điều này, những gì là dục ý tự sẽ tiêu trừ. Tư duy về sáu xứ sẽ không có tướng dục.'

"Lúc ấy, cô gia chủ liền hoảng sợ, đến trước lạy ngay sát chân vị Bích-chi-phật, bạch Bích-chi-phật: 'Từ nay trở đi con xin sửa lỗi tu thiện, không còn khởi tướng dục nữa. Cúi xin Ngài nhận sự hối lỗi.' Nói ba lần như vậy.

"Bích-chi-phật bảo: 'Thôi, thôi, cô em! Đó chẳng phải lỗi của cô, mà là tội từ đời trước của ta, nên mang hình này khiến người thấy đều khởi ý dục tình. Hãy quán sát kỹ mắt. Mắt này chẳng phải ta, ta chẳng phải của mắt, cũng chẳng phải ta tạo, cũng chẳng phải nó làm, từ trong không có mà sanh, đã có rồi tự hư hoại; cũng chẳng phải đời trước, đời này, đời sau; mà đều do nhân duyên hội hợp. Nhân duyên hội hợp là duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy, thấy đều trống không. Cho nên, cô em chớ đắm nhãn sắc. Do không đắm sắc mà đến nơi an ổn, không còn dục của tình. Nay cô em, hãy học điều này như vậy.'

"Bấy giờ, Bích-chi-phật vì người nữ kia nói bốn pháp phi thường, rồi bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hóa, sau đó trở về chỗ cũ.

"Lúc ấy, người nữ kia quán sát mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều không có sở hữu, liền ở nơi vắng vẻ, tư duy pháp này. Người nữ kia lại tư duy về sáu tình không chủ, đạt

được bốn vô lượng tâm, thân hoại mạng chung sanh lên cõi Phạm thiên.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, nếu tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, sẽ dứt sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái; kiêu mạn, vô minh, thấy đều trừ sạch.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.⁴⁰

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe:

“Người chuẩn bị xe [724c01] lông chim báu*. Ta muốn đi ra ngoài xem xét.”

Người kia vâng lời vua dạy, chuẩn bị xe lông chim báu, rồi đến trước tàu vua:

“Đã chuẩn bị xong xe lông chim báu. Vua nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tư-nặc dẫn theo người này⁴¹ ra khỏi thành Xá-vệ,

³⁹ Tham chiếu, Pāli, M. 89 Dhammacetiya (R. ii. 117). Hán: *Trung 59*, kinh 213.

⁴⁰ Đoạn tự thuyết này không phù hợp với báo cáo được nói trong đoạn sau của Kinh. Xem cht. 41.

⁴¹ Pāli: Dīgho Kārāyano (*Trung* kinh 213: Trường Tác 長作), tổng chỉ huy quân đội của Vua. Sở giải Pháp cú (DhA.iii. 355) cho biết, chính thời điểm này, ông này với Thái tử Viḍḍadabha âm mưu cướp ngôi.

Tăng nhất A-hàm

đến khu vườn kia,⁴² thấy cây cối không một tiếng động, cũng không bóng người, tịch nhiên trống vắng. Thấy vậy, vua liền nhớ lại Như Lai đã từng thuyết về gốc các pháp. Lúc ấy, người đánh xe đứng phía sau cầm quạt, quạt hầu vua. Vua nói:

“Cây cối, hoa quả vườn này không một tiếng động, cũng không một bóng người dân, tịch nhiên trống vắng. Nay ta muốn thỉnh Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác du hóa ở đây, nhưng không biết hiện nay Như Lai đang ở đâu. Ta muốn đến hầu thăm.”

Người hầu nói:

“Dòng họ Thích có thôn tên Lộc đường;⁴³ Như Lai đang giáo hóa ở đó.”

Vua Ba-tư-nặc bảo:

“Lộc đường ấy cách đây gần hay xa?”

Người hầu tâu:

“Chỗ ở Như Lai cách đây không xa, nếu tính dặm đường, chỉ khoảng ba do tuần.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo:

“Hãy chuẩn bị xe lông chim báu. Ta muốn đi gặp Như Lai.”

Vâng lệnh vua, người ấy liền chuẩn bị xe, rồi đến trước tâu vua:

⁴² Pāli: Thị trấn Nagaraka. Sớ giải Pāli nói, đây là một thôn của người Thích-ca. *Trung* ibid.: Thị trấn tên là Ấp 邑名城.

⁴³ Lộc đường 鹿堂. Pāli: Bảy giờ Thế Tôn đang ở giữa những người họ Thích, tại thị trấn Medallumpa. *Trung* ibid.: Di-lũ-li 彌婁離.

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua liền lên xe đi đến thôn ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống. Khi ấy, vua xuống xe, đến chỗ các Tỳ-kheo; đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, vua bạch Tỳ-kheo:

“Nhu Lai hiện đang ở đâu? Con muốn gặp Ngài.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn đang ở trong giảng đường này. Vua có thể vào gặp Ngài, chớ có ngại.”

Vua liền nhẹ nhàng bước vào, không gây ra một tiếng động. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc quay lại nhìn người hầu. Người ấy liền tự nghĩ: “Nay hãy để vua vào gặp Thế Tôn một mình. Ta nên đứng đây.”

Bấy giờ, vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn bằng thiên nhãn thấy vua đang đứng ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mở cửa cho vua. Thấy Thế Tôn, vua liền đánh lễ sát chân, tự xưng tên họ: “Con là Vua Ba-tư-nặc.” Ba lần tự xưng danh hiệu.

Thế Tôn nói:

“Ông là Vua. Còn Ta là dòng họ Thích xuất gia học đạo.”

Vua bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn kéo dài tuổi thọ đến vô cùng, để trời người được an lạc.”

Thế Tôn bảo:

“Chúc đại vương cũng sống lâu vô cùng, theo pháp [725a01] cai trị, chớ dùng phi pháp. Những ai cai trị đúng pháp đều sanh lên trời, sanh thiện xứ; sau khi chết danh tiếng còn mãi, người đời truyền rằng: ‘Xưa có vua

cai trị dân đúng pháp, chưa từng tà vạy.’ Nếu có người dân nào sống trong cảnh giới của vua này, khen ngợi công đức của vua, nhớ nghĩ không quên, thì thân vua ở trên trời, tăng sáu việc công đức. Những gì là sáu? Một được thọ tuổi trời, hai được sắc đẹp trời, ba được thú vui trời, bốn được thần túc trời, năm được oai đức trời, sáu được ánh sáng trời. Vì vậy, Đại vương, hãy theo pháp cai trị dân, chớ dùng phi pháp. Ngày nay, tự thân Ta có công đức này nên xứng đáng nhận người cung kính lễ bái.”

Vua bạch Phật:

“Công đức của Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái.”

Thế Tôn bảo:

“Vì sao hôm nay Ông nói Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái?”

Vua bạch Phật rằng:

“Như Lai có sáu công đức⁴⁴ xứng đáng được nhận người lễ bái. Những gì là sáu? Chánh pháp Như Lai rất là hòa nhã, được người trí tu hành. Đó gọi là công đức đầu tiên của Như Lai đáng thờ, đáng kính.

“Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất hòa thuận, thành tựu pháp tùy pháp, thành tựu giới, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi, tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là ruộng phước lớn của thế gian. Đó gọi là công đức thứ hai của Như Lai.

⁴⁴ *Trung ibid.*: Pháp tĩn 法 靖, sự loại suy về pháp. Pāli: *dhammanvaya*, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chứng nghiệm thực tế.

“Lại nữa, Như Lai có chúng bốn bộ đều học tập, thực hành pháp cần được thực hành, không quấy nhiễu Như Lai thêm nữa. Đó gọi là công đức thứ ba của Như Lai.

“Lại nữa, Thế Tôn, con thấy dòng sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ, sa-môn, tài cao, hơn đời đều tập hợp lại bàn luận: ‘Chúng ta phải đem luận đề này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm kia không đáp luận đề này thì ông ấy còn yếu kém. Nếu có thể đáp thì chúng ta sẽ khen hay.’ Lúc ấy, bốn dòng họ đến chỗ Thế Tôn mà hỏi luận này, hoặc lại có người im lặng. Bấy giờ, Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp xong họ không hỏi thêm gì nữa, huông chi lại muốn tranh luận và đều thờ Như Lai làm Thầy. Đó gọi là công đức thứ tư của Như Lai.

“Lại nữa, có sáu mươi hai kiến giải ngoại đạo lừa dối người đời, không hiểu chánh pháp do đó đưa đến ngu si. Nhưng Như Lai có thể trừ các nghiệp tà kiến này, sửa cho họ Chánh kiến. Đó gọi là công đức thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, chúng sanh tạo ác bởi thân, miệng, ý. Nếu mạng chung mà nhớ nghĩ [725b01] công đức Như Lai thì được lìa ba đường dữ, được sinh lên trời. Cho dù là người cực ác, cũng được sinh lên trời. Đó gọi là công đức thứ sáu của Như Lai. Vì vậy nên chúng sanh nào thấy Như Lai cũng đều sanh tâm cung kính mà cúng dường Ngài.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay Đại vương, đã có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử, diễn bày công đức của Như Lai! Cho nên, Đại vương, hãy thường khởi tâm hướng về Như Lai. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vi diệu khiến sinh hoan hỷ. Đại vương sau khi nghe Phật thuyết pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn

Tăng nhất A-hàm

rồi lui đi. Sau đó không lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên cúng dường pháp này, khéo tụng niệm. Vì sao vậy? Vì đây là những điều vua Ba-tư-nặc đã nói. Các người cũng nên vì chúng bốn bộ giảng rộng nghĩa ấy.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi* nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo quần thần:

“Các khanh hãy nhanh chuẩn bị xe lông chim báu. Ta muốn đến gặp Thế Tôn.”

Quần thần vâng lệnh vua, chuẩn bị xe lông chim báu, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua lên xe lông chim báu, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyet.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua. Khi vua thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

Lúc ấy, quỷ thần trong thành Tỳ-xá-ly rất lộng hành, làm cho người dân tử vong vô số kể, trong một ngày mà người chết có đến số trăm. Quỷ thần la-sát đầy dẫy trong ấy. Bệnh nhân mặt mũi vàng vọt, sau ba, bốn ngày thì chết. Nhân dân thành Tỳ-xá-ly hoảng sợ, tập hợp lại một chỗ cùng bàn bạc:

“Đại thành này rất thịnh vượng, đất tốt được mùa, người giàu vui vô hạn, giống như thiên cung, [725c01] chỗ ở Đế Thích. Nhưng nay bị quỷ thần này làm hại, sẽ tử vong hết, hoang vắng như núi rừng. Ai có thần đức để trừ tai họa này?”

Rồi mọi người dân tự bảo với nhau:

“Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm đến chỗ nào thì nơi đó tà ma, ác quỷ không đến gần quấy nhiễu được. Nếu Như Lai đến đây, các quỷ thần này tự tâu tán. Nhưng hiện nay Thế Tôn đang ở trong thành La-duyet kia, đang được vua A-xà-thế cúng dường; e rằng Ngài sẽ không đến giáo hóa chốn này.”

Hoặc lại có người nói:

“Như Lai có từ bi lớn, thương tưởng chúng sanh, nhìn thấy tất cả khắp nơi; người chưa độ khiến cho được độ, như mẹ thương yêu con, không bỏ rơi bất cứ một chúng sanh nào. Nếu có người thỉnh, Như Lai đến liền. Vua A-xà-thế chắc không giữ lại được. Ai có thể chịu đi đến nước vua A-xà-thế mà bạch Thế Tôn rằng: ‘Nay trong thành chúng con đang gặp nguy khốn này. Cúi xin Thế Tôn thương xót chiếu cố?’”

Lúc ấy, có đại gia chủ tên Tội Đại đang họp trong chúng này. Mọi người nói với gia chủ:

“Chúng ta nghe nói, Sa-môn Cù-đàm đến nơi nào thì nơi

đó tà ma ác quỷ không thể làm hại. Nếu Như Lai đến chốn này, có thể trừ được tai họa này liền. Ngài hãy đến chỗ Thế Tôn bạch đầy đủ ý này, để cho thành quách này được tồn tại lâu dài.”

Gia chủ im lặng nhận lời mọi người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về nhà. Về đến nơi, ông sắp xếp hành trang đi đường, dẫn theo những người hầu, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Lúc ấy, gia chủ bạch Thế Tôn:

“Nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly gặp tai hoạn này, nhân dân tử vong rất nhiều. Trong thành ấy, mỗi ngày có hàng trăm chiếc xe nối tiếp nhau chở xác chết có đến số trăm. Cúi xin Thế Tôn giữ lòng thương tình cứu vớt, khiến cho những người còn lại mau chọn chỗ an ổn để được vô sự. Chúng con lại nghe Thế Tôn đến chỗ nào, nơi đó thiên long quỷ thần không dám đến gần quấy nhiễu. Cúi xin Ngài chiếu cố đến trong thành kia độ cho dân chúng họ sống an ổn vô sự.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta đã nhận lời thỉnh của vua A-xà-thế thành La-duyet rồi. Chư Phật Thế Tôn không nói hai lời. Nếu vua A-xà-thế chấp nhận, Như Lai sẽ đến.”

Gia chủ Tỏi Đại bạch Phật:

“Việc này rất khó. Vua A-xà-thế chắc không bao giờ để cho Như Lai đi đến nước kia. [276a01] Vì sao vậy? Vì vua A-xà-thế đối với đất nước chúng con không có mấy may thiện cảm, lúc nào cũng tìm cách muốn hại nhân dân nước con. Nếu vua A-xà-thế thấy con, liền bắt giết con ngay huống chi là cho trình bày việc này. Nếu nghe nói nhân dân nước con bị quỷ thần làm hại thì ông ta sẽ vui mừng vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Chớ có lo sợ. Ông hãy đi đến chỗ vua, mà tâu việc này rằng: ‘Nhu Lai đã báo trước về bản thân Vua rồi, điều đó hoàn toàn không hư dối, không hai lời. Phụ vương ngài không lỗi mà bị bắt giết. Đáng ra ngài sinh vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp. Nhưng nay ngài đã lìa tội này rồi, đã sửa đổi tội lỗi kia; đã thành tựu tín căn trong pháp Như Lai. Nhờ gốc đức này mà diệt được tội đó, vĩnh viễn không còn sót. Đời thân này sau khi chết, sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu.⁴⁵ Ở đó, mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Diêm thiên; ở trên Diêm thiên mạng chung sẽ sanh trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại, rồi trở lại kế đến trời Tứ thiên vương. Đại vương nên biết, trong hai mươi kiếp không đọa đường dữ, thường sanh trong loài người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật Trừ Ác.’

“Vua ấy nghe những lời này xong, sẽ vui mừng hơn hờ không tự dừng được, rồi cũng sẽ bảo ông những lời này: ‘Nay ông có ước nguyện gì, ta cũng sẽ không từ chối.’”

Gia chủ bạch Thế Tôn:

“Nay con sẽ nương vào oai thần Thế Tôn, đến chỗ vua kia.”

Rời từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, đến chỗ vua kia.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng quần thần ở trên điện cao, đang có việc bàn luận. Lúc ấy, đại gia chủ đến trước vua.

⁴⁵ Phách cầu 拍毬. TNM: Phách cúc.

Tăng nhất A-hàm

Từ xa, vua nhìn thấy ông đến, bảo các quần thần:

“Nếu người kia đến chỗ này, các khanh muốn bắt làm gì?”

Có người nói:

“Chúng ta sẽ bắt chặt năm khúc.”

Lại có người nói:

“Chúng ta sẽ bêu đầu.”

Vua A-xà-thế nói:

“Các khanh hãy bắt giết ngay đi. Không cần gặp ta.”

Gia chủ khi nghe những lời này, rất lo sợ, lớn tiếng nói:

“Tôi là sứ giả của Phật.”

Vua nghe đến tiếng Phật, liền bước xuống ghế, gối hữu quỳ sát đất, hướng về chỗ Như Lai, hỏi gia chủ:

“Như Lai dạy điều gì?”

Gia chủ đáp:

“Như Lai đã thọ ký Thánh vương rồi, điều đó không có hư [726b01] dối, những gì đã nói ra hoàn toàn không hai lời. Vua bắt vua cha giết, duyên gốc tội này sẽ vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp; nhưng sau đó vua đã kịp thời sửa lỗi đối với Như Lai. Nay sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương, rồi lần lượt sanh đến Tha hóa tự tại thiên, rồi kế đến trở lại sinh về trong Tứ thiên vương. Trong hai mươi kiếp, không đoạ vào ba đường dữ, lưu chuyển trong trời người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo tên là Bích-chi-phật Trừ Ác.”

Vua nghe xong, vui mừng hớn hở không xiết kể, liền bảo với Gia chủ:

“Giờ ông có ước nguyện gì, ta sẽ ban cho.”

Gia chủ tâu:

“Sở nguyện của thần, xin vua chớ từ chối.”

Vua A-xà-thế nói:

“Ông cứ nói ước nguyện gì, ta sẽ không từ chối.”

Gia chủ tâu:

“Nhân dân thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, bị quỷ thần làm hại, không thể kể hết. Nay, la-sát quỷ thần rất là bạo ngược. Cúi xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến đất nước ấy, khiến cho quỷ thần ấy đều tẩu tán. Vì sao vậy? Chúng tôi từng nghe, nơi nào Như Lai đến thì trời, rồng, quỷ thần, không được tùy tiện. Xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến nước ấy.”

Vua nghe những lời này xong, liền thở dài, bảo với gia chủ rằng:

“Nguyện này quá lớn, chẳng phải người thường đáp ứng được. Nếu ông xin ta thành quách, xóm làng, của báu, vợ con thì ta sẽ tùy không tiếc. Ta không ngờ ông lại xin thỉnh Thế Tôn. Nhưng ta trước đã lỡ hứa sẽ chấp nhận lời nguyện đó. Nay tùy ý ông.”

Khi ấy, gia chủ hết sức vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, từ giả lui đi. Đến chỗ Thế Tôn, bạch rằng:

“Vua A-xà-thế đã đồng ý để Thế Tôn đến nước kia.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy về trước. Như Lai tự sẽ biết thời!”

Gia chủ đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo

Tăng nhất A-hàm

trước sau vây quanh rời khỏi Ca-lan-đà Trúc viên đến thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, vua A-xà-thế ở trên lầu cao, với một người hầu cầm lọng che. Từ xa, trông thấy Thế Tôn bấy giờ hướng về nước kia, liền tự than thở với người hầu:

“Chúng ta đã bị gia chủ này lừa dối. Giờ ta sống mà làm gì, khi Như Lai đã đi khỏi nước này?”

Bấy giờ, vua A-xà-thế mang năm trăm cây lọng theo tiến Thế Tôn, vì sợ bụi bám thân Thế Tôn. Lại có năm trăm cây lọng báu ở thành La-duyet theo sau Thế Tôn. Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, lại dùng năm trăm cây lọng báu che trên không trung, vì sợ bụi bám vào thân Như Lai. Các thần sông cũng mang năm trăm cây lọng báu che trên hư không. Lúc này nhân dân thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang vào thành, cũng mang năm trăm cây lọng báu đến trước đón Thế Tôn. Bấy giờ, có hai ngàn năm trăm cây lọng báu treo trên hư không.

Khi Thế Tôn thấy những cây lọng này, liền mỉm cười. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, lúc Như Lai mỉm cười, trong miệng liền phát ra ánh sáng năm màu là xanh, vàng, trắng, đen, đỏ.⁴⁶ Thị giả A-nan thấy ánh sáng này, liền suy nghĩ: ‘Đây là nhân duyên gì? Nếu Thế Tôn cười, ắt có nhân duyên, không phải việc suông.’

A-nan bèn quỳ xuống, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Như Lai hoàn toàn không cười vô cớ; mà cười ắt có duyên do.”

Thế Tôn bảo:

⁴⁶ Có thể dịch giả theo tập quán kể năm màu của Trung quốc. Các kinh chỉ kể bốn màu, trừ màu đen.

“Nay người có thấy hai ngàn năm trăm cây lọng báu này cúng dường Như Lai không?”

A-nan bạch:

“Thưa vâng, có thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị nhân dân trong hai ngàn năm trăm đời. Vì Như Lai xuất gia học đạo, nên không nhận những cây lọng báu này.

“A-nan, nên biết, trong quá khứ lâu xa, có vị vua tên Thiện Hóa Trì⁴⁷ ở nước Mật-hi-la cai trị đúng pháp, giáo hóa tiếp nạp có phương pháp; thống trị cả Diêm-phù-lý-địa⁴⁸ này, không ai là không quy thuận.

Bấy giờ, vua này có tám vạn bốn ngàn phu nhân thể nữ, đều thuộc dòng sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên Nhật Quang, không có con cái nối dõi. Lúc bấy giờ, vua này tự nghĩ: ‘Hiện ta thống trị Diêm-phù-lý-địa này, mà nay không có con cái.’ Vua liền hướng về các thần núi, thần cây, thần minh, trời đất, cầu có con cái. Trải qua trong vòng chưa được vài ngày, phu nhân mang thai. Lúc ấy, phu nhân Nhật Quang tâu vua:

“Đại vương, nên biết, nay thiếp biết đã có thai, nên cần tự giữ gìn.”

“Lại trải qua tám, chín tháng, sinh được một nam nhi, tướng mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào. Phu nhân thấy vậy rất vui mừng, bồng đến vua xem. [727a01] Vua

⁴⁷ Đoạn dưới, nói là Thiện Hóa.

⁴⁸ Diêm-phù-lý-địa 閼浮里地, (Skt. Jambudvīpa); các chỗ khác âm Diên-phù-địa. Phiên âm không thống nhất trong bản Hán.

Tặng nhất A-hàm

thấy vui mừng hơn hờ không tự dừng được. Tám vạn bốn ngàn phu nhân thấy sinh thái tử, mọi người cũng đều vui mừng.

“Lúc ấy, vua triệu các quần thần, quốc sư, đạo sĩ, để xem tướng, lại đặt tên để đời truyền gọi. Người tướng đến trước, tâu vua: ‘Nay sinh Thái tử rất xinh đẹp, khác hẳn người đời, ai thấy mà không yêu mến. Nay đặt tên là Ái Niệm.’ Sau khi đặt tên thái tử xong, họ đều trở về nơi ở.

“Lúc ấy, quốc vương yêu mến thái tử chưa từng rời mắt. Vua xây cho thái tử giảng đường theo ba mùa, lại cho các thể nữ ở đây trong đó để vui đùa cùng thái tử.

“Bấy giờ, thái tử tự nghĩ: ‘Các thể nữ trong đây, có ai tồn tại mà không lìa thế gian, cũng không biến đổi chăng? Nhìn xem trong bọn họ tất cả đều vô thường, không có ai là thường còn ở thế gian; tất cả đều huyền nguy, không có chân thật. Nhưng lại làm cho mọi người đắm đuối, đam mê, không biết xa lìa. Nay ta cần gì những thứ ấy. Hãy bỏ mà học đạo.’

“Ngay trong ngày đó, thái tử Ái Niệm liền cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo. Và cũng trong đêm đó, thái tử đã dứt sạch các kết sử trói buộc, tư duy thấy các pháp tập khởi thấy đều bị tiêu diệt, thành Bích-chi-phật. Sau đó liền nói kệ này:

*Dục là pháp vô thường
Biến đổi, không định chắc.
Biết chúng là họa lớn;
Đi riêng, không theo chúng.*

“Sau khi nói kệ này xong, liền bay lên hư không, nhiều quanh thành Mật-hi-la kia ba vòng. Lúc ấy, quốc vương ở trên điện cao, đang vui đùa cùng các cung nữ, thấy Bích-chi-phật bay quanh thành ba vòng, hết sức vui mừng

không thể tự kiềm chế được, tự nghĩ: ‘Thái tử con ta đang bay trên hư không giống như chim vậy.’ Nhà vua còn không biết thái tử đã thành Bích-chi-phật nên bảo rằng: ‘Nay con hãy hạ xuống trên điện này cùng ta vui đùa với nhau.’

Bảy giờ, này A-nan, Bích-chi-phật kia, vì muốn độ cha mẹ, nên hạ xuống trên điện. Lúc ấy, vua nói: ‘Hôm nay sao Thái tử mặc y phục thể nữ này, lại cạo râu tóc, khác hẳn người thường?’ Bích-chi-phật nói: ‘Những gì con đang mặc là cao quý khác thường, chẳng phải là đồ mà người thường quen dùng.’ Vua lại hỏi: ‘Vì sao con không vào trong cung?’ Bích-chi-phật nói: ‘Từ đây về sau con không đuổi theo dục vọng nữa, cũng không ham muốn [727b] sống trong năm dục này.’ Vua nói: ‘Nếu không thích trong năm dục này thì, hãy ở trong vườn sau của ta.’

“Bảy giờ, vua thân hành đến trong vườn, tạo dựng phòng xá. Khi ấy, vì muốn độ cha mẹ nên Bích-chi-phật vào ở trong khu vườn đó, nhận sự cúng dường của vua. Một thời gian sau, vào Bát-niết-bàn trong Niết-bàn giới vô dư. Vua đưa xá-lợi đi hỏa thiêu, rồi xây tháp thờ. Vua cho xây tháp lớn tại một nơi kia. Một hôm rảnh rỗi, vua đến trong vườn ngắm cảnh, thấy ngôi tháp đã bị hư nát, liền suy nghĩ: ‘Đó là tháp thờ con ta. Nay nó đã bị hư nát, sụp đổ.’ Khi ấy, quốc vương vì lòng thương yêu chưa dứt, liền đem cây lọng của mình che lên trên tháp kia.’

“Này A-nan, chớ có nghĩ ai khác. Vua Thiện Hóa lúc bảy giờ chính là thân Ta. Lúc ấy vì con, nên đã đem một cây lọng che lên trên tháp. Nhờ nhân duyên phước đức này, mà lưu chuyển trong cõi trời người, hàng trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết vị ấy là Bích-chi-phật. Nếu ta biết đó là Bích-chi-phật thì phước đức không thể

Tăng nhất A-hàm

tính hết được. Nếu Như Lai không thành Đạo Vô thượng Chánh chơn thì sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương hai ngàn năm trăm lần nữa để sửa dạy đời. Do đã thành đạo nên nay có hai ngàn năm trăm cây lọng tự nhiên ứng hiện.

“Này A-nan, vì lý do đó mà Như Lai mỉm cười. Thừa sự chư Phật có công đức không thể kể hết như vậy. Cho nên, A-nan, ngươi hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chư Phật Thế Tôn.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến thành Tỳ-xá-ly, đứng ở trong cổng thành nói kệ này:

Nay đã thành Như Lai

Chỉ tôn trên thế gian:

Bằng lời chân thật này,

Tỳ-xá-ly bình yên.

Đây là Pháp chân thật

Dẫn đến Niết-bàn giới;

Bằng lời chân thật này,

Tỳ-xá-ly yên bình.

Đây là Tăng chân thật,

Chúng Hiền thánh bậc nhất;

Bằng lời chân thật này,

Tỳ-xá-ly yên bình.

Loài hai chân an ổn;

Loài bốn chân cũng vậy;

Khách đi đường an lành;

Khách đến cũng như vậy.

[727c01]Ngày đêm được an ổn,

Không có ai quấy nhiễu.

Bằng lời chân thật này,

*Tỳ-xá-ly yên bình.*⁴⁹

Khi Như Lai nói bài kệ ấy xong, la-sát quý thân, mỗi loài tự tẩu tán, không còn ở yên chỗ đó nữa, không còn trở vào thành Tỳ-xá-ly được nữa. Những người mắc bệnh đều được khỏi bệnh.

“Bấy giờ, Thê Tôn di trú bên bờ ao Di hầu. Nhân dân trong nước thừa sự, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Tùy theo khả năng giàu nghèo của họ, mỗi người mang cơm nước cúng dường Phật cùng Tăng Tỳ-kheo. Họ cũng thọ bát quan trai, không mất thời tiết.

Lúc ấy, nội thành Tỳ-xá-ly có sáu Tông sư đang du hóa ở đây. Sáu Tông sư đó là Bất-lan-ca-diếp, A-di-sù⁵⁰, Cù-da-lâu, Ba-hưu-ca-chiên, Tiên-ti-lô-trì, Ni-kiền Tử. Sáu Tông sư tập hợp một chỗ, bàn luận:

“Sa-môn Cù-đàm này trú tại thành Tỳ-xá-ly, được nhân dân cúng dường. Còn chúng ta không được nhân dân cúng dường. Chúng ta hãy đến tranh luận cùng ông ấy, xem ai đắc thắng, ai bị bại.”

Bất-lan-ca-diếp nói:

⁴⁹ Cf. Pāli, Ratanasutta (kinh Tam Bảo), được xem như hộ chú (*paritta*), đọc khi cầu an: *Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā, saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ; na no samam atthi tathāgatena, idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ; etena saccena suvatthi hotu...* “Dù trong đời này hay đời khác, hay trên thiên giới, không có tài bảo vi diệu nào sánh với Đức Như lai. Ở đây, Phật là tài bảo tối thắng vi diệu. Bằng sự thực này, ước nguyện tất cả đều được an lành...”

⁵⁰ 𑖀𑖦𑖫𑖞, đọc là *sùyy* cho phù hợp với nguyên âm Phạn (Pāli: *Ajitakesakambala*)

Tăng nhất A-hàm

“Các sa-môn, bà-la-môn chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến cật vấn; đó chẳng phải pháp sa-môn, bà-la-môn. Nhưng Sa-môn Cù-đàm này chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến nạn vấn, chúng ta làm sao có thể tranh luận với ông ta được?”

A-di-sù-y nói:

“Không có thí, không có (người) nhận, cũng không có người cho, cũng không có đời này, đời sau, không có loài hóa sanh, cũng không có báo thiện, ác.”

Cừu-da-lâu nói:

“Ở bên bờ này Hằng thủy giết vô số người, chất thịt thành núi, ở bên bờ kia Hằng thủy tạo các công đức. Duyên đây, đều chẳng có báo thiện ác.”⁵¹

Ba-hưu-ca-chiên nói:

“Giả sử ở bên trái Hằng thủy, dù có bố thí, giữ giới, tùy thời cung cấp không để ai thiếu, cũng lại không phước báo này.”

Tiên-tỉ-lô-trì nói:

“Không có lời nói, cũng không có báo lời nói. Chỉ im lặng là khoái lạc.”

Ni-kiền Tử nói:

“Có ngôn ngữ, cũng có báo ngôn ngữ. Sa-môn Cù-đàm là người, ta cũng là người. Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thần túc. Ông ấy

⁵¹ Cf. Pāli, D. 2 Sāmaññaphala (R. i. 52), thuyết vô nghiệp (akiriya) của Pūraṇa Kassapa.

hiện bốn, ta sẽ hiện tám. Ông ấy hiện [728a01] tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Luôn luôn tăng gấp bội, chứ không bao giờ chịu khuất phục; đủ sức để thi đấu. Nếu ông ấy không chịu tranh luận với chúng ta, tức là lỗi của ông ấy. Nhân dân nghe rồi sẽ không cùng đường ông ta nữa. Chúng ta sẽ được cùng đường.”

Vào lúc đó, có Tỳ-kheo ni nghe đồn sáu Tông sư ngoại đạo tập hợp lại một chỗ bàn với nhau: ‘Sa-môn Cù-đàm không chịu tranh luận với người. Chúng ta đủ để đắc thắng.’ Khi ấy, Tỳ-kheo ni Thâu-lô-ni⁵² liền bay lên hư không hướng về sáu Tông sư kia mà nói bài kệ này:

*Thầy ta không ai bằng,
Tối tôn, không ai hơn;
Ta đệ tử vị ấy,
Tên là Thâu-lô-ni.*

*Nếu người có khả năng
Hãy tranh luận với ta.
Ta sẽ đáp từng việc;
Như sư tử bắt nai.*

*Ngoài Tôn sư tôi ra,
Không ai là Như Lai.
Nay Tỳ-kheo ni ta
Đủ hàng phục ngoại đạo.*

Sau khi Tỳ-kheo ni nói bài kệ này xong, sáu Tông sư còn không thể ngược lên nhìn nhan sắc, huống chi cùng tranh luận.

⁵² Thâu-lô-ni 輸盧尼, nghi dư chữ ni. Tức Tỳ-kheo ni Thâu-na được nói trong kinh 2 phẩm 5 trên. Có thể đồng nhất Pāli: Soṇā.

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, nhân dân thành Tỳ-xá-ly từ xa trong thấy Tỳ-kheo ni ở trên hư không tranh luận với sáu Tông sư, nhưng sáu Tông sư không thể đáp; mọi người đều reo vui mừng rỡ vô cùng:

“Hôm nay, sáu Tông sư đã chịu khuất phục cô ấy.”

Nhóm sáu Tông sư rất sầu ưu, rời khỏi thành Tỳ-xá-ly mà đi, không vào thành nữa.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe chuyện Tỳ-kheo ni Thâu-lô tranh luận thắng sáu Tông sư. Các vị ấy đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo ni Thâu-lô có thần túc lớn, có oai thần lớn, trí huệ, đa văn, Ta thường lúc nào cũng nghĩ như vậy: Không có ai lại có thể tranh luận với sáu Tông sư. Chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo ni này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo ni nào có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo ni này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo ni đứng đầu trong các Thanh văn của Ta, có thể hàng phục ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo ni Thâu-lô.”⁵³

⁵³ Xem kinh 2, phẩm 5: Tỳ-kheo ni Thâu-na. Lưu ý phiên âm tên người không thống nhất của bản Hán này.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12

[728b01] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu xúc xú.⁵⁴ Những gì là sáu? Là các xúc như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu xúc. Phạm phu khi mắt thấy sắc liền khởi tâm đắm nhiễm không thể lìa bỏ. Do thấy sắc, rồi khởi nhiễm đắm, nên lưu chuyển sanh tử không có lúc nào thoát. Sáu tình cũng lại như vậy, khởi tương nhiễm đắm, ý không thể lìa bỏ, do đó lưu chuyển không có lúc nào thoát.

“Nếu đệ tử Hiền thánh của Thế Tôn, mắt thấy sắc rồi không khởi đắm trước, không có tâm ô nhiễm, tức có thể phân biệt mắt này là pháp vô thường, khổ, không, pháp chẳng phải thân.⁵⁵ Sáu tình cũng lại như vậy, không khởi tâm ô nhiễm, phân biệt sáu tình này là vô thường, khổ, không, pháp chẳng phải thân, phải tư duy điều này thời liền được hai quả: hoặc ở trong hiện pháp đắc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Giống như có người rất đói, muốn xay giã lúa, sàng sảy cho sạch sẽ để nấu ăn, trừ cơn đói khát. Đệ tử của Hiền thánh cũng lại như vậy, đối với sáu tình này tư duy về sự nhiễm ô, bất tịnh liền thành tựu đạo tịch, nhập vô dư Niết-bàn giới. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu

⁵⁴ Nguyên Hán: Tế hoạt cánh lạc nhập 細滑更樂入. Pāli:

phassāyatana.

⁵⁵ Phi thân 非身, tức vô ngã,

Tăng nhất A-hàm

phương tiện diệt sáu tình này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵⁶

⁵⁶ Bản Hán, hết quyển 32.